



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Chư tôn giáo phẩm tại lễ khai mạc Hội thảo khoa học "50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963 - 2013) tại Bình Dương ảnh: Võ Tấn Phát

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- PGVN từ phong trào chấn hưng - HT. Thích Đức Nghiệp **03**
- Tính tất yếu và thực tiễn - HT. Thích Thiện Tâm **08**
- Phở báng Nguyễn Sinh Sắc - TT. Thích Huệ Thông **12**

2. KINH TẠNG

- Tiểu kinh Dụ dẫu chân Voi - HT. Thích Minh Châu **16**

3. LUẬT TẠNG

- Thọ giới - TK Siêu Minh **17**

4. THIỀN HỌC

- Thiền có lợi cho thai nhi - Thụy Ân **19**

5. LUẬN TẠNG

- Ngũ căn, Ngũ lực - Tuệ Thiện **20**

6. VĂN HÓA

- Viếng thăm Myanmar - Nguyễn Mạnh Hùng **22**

7. ĐỐI THOẠI

- Ca sĩ Quách Tuấn Du - Nguyễn Thành Trung **24**

8. SUY NGẪM

- 10 lý do để mỉm cười - Long Hồ **26**

9. VĂN THƠ

- Phẩm chất tôn giáo - Viên Trí **27**
- Ca khúc Tiếng chuông trên đảo Trường Sa - NS Văn Hào **29**
- Mẹ hát - Hoàng Phong **31**
- Vây rồi - Toại Khanh **31**

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Chất lượng cuộc sống - NSND Bạch Tuyết **32**
- 5 điều hối tiếc nhất - Thi Trân **35**
- Pháp trong cuộc sống - ĐĐ Thiện Minh **36**
- Đại ca giang hồ quy y cửa Phật - theo cảnh sát toàn cầu **39**

11. VĂN HỌC PALI

- Kệ ngôn của Trưởng lão Kundadhana - TT. Thiện Phúc **41**

12. CHÙA THÁP

- Chùa PGNT trong đời sống - Liêu Ngọc Ân **44**

13. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

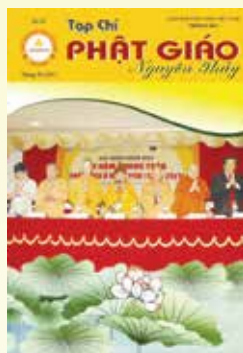
- Nguyên nhân khiến người già mất trí nhớ - Ngọc Anh **46**

14. LUẬT PHÁP

- Nghị định 92/2012 ND-CP **47**

15. THEO DÒNG

50



PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Từ Phong trào Chấn Hưng đầu Thế kỷ XX
đến Phong trào đấu tranh năm 1963
và thời đại hôm nay

Hòa thượng Thích Đức Nghiệp
Phó Pháp chủ TT HĐCM GHPGVN

Xin phép được trình bày nội dung bài tham luận của chúng tôi như sau:

Thứ nhất, nói về Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam vào đầu thế kỷ XX do hai ảnh hưởng sau đây:

Một là, ảnh hưởng trong nước: Kể từ đầu thế kỷ XV, đầu thời Lê sơ, Nho giáo chiếm độc tôn do triều đình nhà Lê yểm trợ và sử dụng; đến đầu thế kỷ XX, thời Pháp thuộc thì Thiên Chúa giáo, tức Công giáo cũng chiếm địa vị độc tôn trong xã hội Việt Nam. Do vậy, Phật giáo Việt Nam đã bị suy yếu suốt chiều dài lịch sử 500 năm.

Hai là, ảnh hưởng Phật giáo nước ngoài.
Thí dụ:

- Tại Ấn Độ, một là, có ông The Anagarika-Dharmapala, người Phật tử Tích Lan, từ năm 1891 đến 1933, ông ta là người đầu tiên đã phục hưng Phật giáo Ấn Độ bằng ba việc làm cụ thể như:

1- Tái thiết bốn Phật tích: Lumbini Park nơi đức Phật đản sinh; Buddha Gaya nơi đức Phật thành đạo; Sarnath nơi đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên; và Kusinara nơi đức Phật nhập Niết bàn. Đồng thời, ông ta cũng tu sửa lại bốn con đường dẫn vào bốn Phật tích;

2- Thành lập Hội Đại Bồ Đề (The Maha Bodhi Society) tại các đô thị lớn của Ấn Độ;

3- Xuất bản báo nguyệt san Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Journal) phổ biến Phật sự tại Ấn Độ.



*Tượng ngài Dharmapala
Anagarika tại Sarnath, Ấn Độ*



Chân dung Tiến sĩ Ambedkar (lúc trẻ)

Sau đó, Bác sĩ Ambedkar (1891-1956), Phật tử người Ấn Độ, cũng đã thành lập Hội Phật giáo Ấn Độ (The Indian Buddhist Society), khuyến khích hàng chục triệu người Ấn (Paria) quy y theo Phật giáo và biên tập tác phẩm Đức Phật và Giáo pháp (The Buddha and His Dhamma) để truyền bá khắp Ấn Độ.

- Tại Trung Quốc, đồng thời với thời đại của Trung Hoa Dân Quốc dưới sự lãnh đạo của ngài Tôn Dật Tiên (1912-1925); năm 1913, Thái Hư đại sư đưa ra chủ trương cải cách Phật giáo (như Giáo lý, Giáo chế, Giáo sản) song song với việc thành lập Trung Quốc Phật giáo Hội, xuất bản kinh sách, Hải Triều Âm nguyệt san và tổ chức Phật học viện

tại Nam Kinh, Vũ Xương và Thượng Hải.

- Tại Nhật Bản, tiếp theo triều đại Duy Tân của Minh Trị Thiên Hoàng (1868-1912), Phật giáo Nhật Bản cũng đổi mới bằng cách:

Về nhân sự: Chỉ có hai thành phần – thành phần Thanh Tăng không lập gia đình và thành phần Tân Tăng có lập gia đình. Bởi vậy, Thanh Tăng chỉ có mười phần trăm (10%); còn Tân Tăng thì chiếm tới chín mươi phần trăm (90%).

Về tổ chức cũng chỉ có hai môn phái là Thiền tông và Tịnh Độ Chơn tông. Đó là hai tông phái lớn nhất của Phật giáo Nhật Bản hiện nay.

Đến đây, chúng ta thấy rằng, các phong trào chấn hưng Phật giáo của ba nước nói trên đã tác động mạnh tới các vị cao tăng và cư sĩ Việt Nam, cũng như nhờ vào ảnh hưởng đấu tranh đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập cho nước nhà của các phong trào Cần Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt quốc và Cộng sản tại Việt Nam từ đầu thế kỷ XX tới 1930, đã xúc tác cho phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam ra đời.

+ Ở miền Nam, có hai tổ chức và một tạp chí Từ Bi Âm:

- Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học do Hòa thượng Khánh Hòa thành lập năm 1930;

- Hội Tăng già Nam Việt được thành lập năm 1951.

+ Ở miền Trung, có hai tổ chức và một tạp chí Viên Âm:

- An Nam Phật học Hội do Hòa thượng Giác Tiên và cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám sáng lập năm 1932;

- Hội Tăng già Trung Việt thành lập năm 1949.



Chân dung ngài Tôn Dật Tiên

+ Ở miền Bắc, có hai tổ chức và một tạp chí Đuốc Tuệ:

- Hội Phật giáo Bắc Kỳ do cư sĩ Nguyễn Năng Quốc thành lập năm 1934 dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng Thích Thanh Hanh làm Pháp chủ và Thượng tọa Trí Hải làm cố vấn;

- Hội Chính lý Tăng Ni Bắc Việt sau đổi thành Hội Tăng già Bắc Việt do Thượng tọa Tố Liên thành lập năm 1949;

Đến năm 1950, Thượng tọa Tố Liên đại diện Phật giáo Việt Nam đi dự Đại hội Phật giáo Thế giới Liên hữu (The World Fellowship of Buddhists) tổ chức tại Colombo, thủ đô Tích Lan. Khi hồi hương, Thượng tọa Tố Liên mang về chùa Quán Sứ Hà Nội một bản Hiến chương Hội Phật giáo Thế giới Liên hữu, một lá cờ Phật giáo Thế giới năm màu và một tấm y vàng (cà sa màu vàng).

Và kể từ đây, Phật giáo Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hội Phật giáo Thế giới.

Kể đó, Thượng tọa Tố Liên cùng chư tôn đức Tăng Ni và các cư sĩ Phật tử trên toàn quốc, Bắc Trung Nam, vận động thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam tại chùa Từ Đàm Huế năm 1951; và Giáo hội Tăng già toàn quốc tại chùa Quán Sứ Hà Nội năm 1952.

Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 của quân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, quân đội Pháp phải rút khỏi Việt Nam. Hiệp định Genève quy định phân chia Việt Nam thành hai miền Nam - Bắc, lấy vĩ tuyến 17 với cầu Hiền Lương làm ranh giới. Chính phủ miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh; chính quyền miền Nam do ông Ngô Đình Diệm thành lập và quân đội Mỹ tiếp tục vào miền Nam.

Vì chính sách độc tài, gia đình trị và kỳ thị tôn giáo của Ngô Đình Diệm kéo dài từ năm 1955 đến 1963, nên đã có Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam, lấy danh nghĩa là Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, gồm có mười một giáo phái Phật giáo, dưới quyền lãnh đạo tối cao của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết.

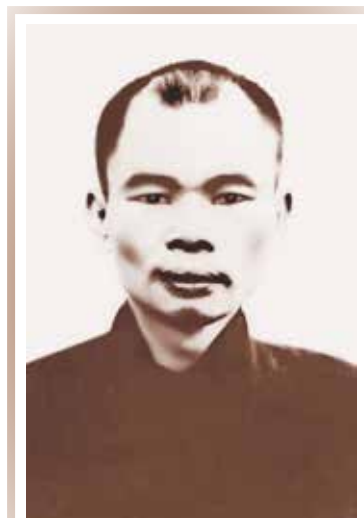
Thứ hai, nói về Lý do và Ý nghĩa về phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam năm 1963:

Lý do chủ yếu về Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam là do chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện chính sách bất công xã hội và kỳ thị Phật giáo từ 1957 đến 1963, tại các tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và trên khắp miền Nam. Cụ thể như sau:

- Xóa bỏ ngày Đại lễ Phật đản trong những ngày nghỉ lễ hàng năm;
- Bắt bớ và giam giữ những người Phật tử không chịu bỏ Phật giáo để rửa tội theo Công giáo;
- Dùng Đạo dụ số 10 để hạn chế và chèn ép Phật giáo về mặt sinh hoạt tín ngưỡng, phát triển và truyền bá chánh pháp;



Chân dung HT. Giác Tiên (lúc trẻ).



HT. Tố Liên vị danh tăng của Phật giáo Việt Nam cận đại.

- Cấm treo cờ Phật giáo Thế giới khắp miền Nam;
- Đàn áp, gây tử thương 8 Phật tử, xe thiết giáp cán vỡ đầu 3 Phật tử và một số Phật tử bị thương trong ngày Đại lễ Phật đản tại Huế năm 1963.

Do vậy, Tổng hội Phật giáo Việt Nam gồm 6 tập đoàn kết hợp với 5 giáo phái thành lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo gồm 11 tập đoàn ra thông cáo và phát động phong trào đấu tranh tại chùa Xá Lợi - Sài Gòn, ngày 25-5-1963, bằng phương pháp bất bạo động như biểu tình, tuyệt thực và tự thiêu, nhằm mục đích đòi hỏi chính quyền Ngô Đình Diệm phải thực thi "Bình đẳng tôn giáo, công bằng xã hội", kéo dài từ cuối tháng 5 tới đầu tháng 11 năm 1963. Cuối cùng, Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam đã thành công bằng cuộc đảo chính ngày 1-11-1963 tại Sài Gòn do Hội đồng Quân nhân cách mạng thực hiện. Ba anh em ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn đều bị xử tử, ngoại trừ Tổng Giám mục Ngô Đình Thục và bà Nhu (Trần Lệ Xuân) còn sống vì đi nước ngoài trước cuộc đảo chính. Tuy nhiên, Phật giáo miền Nam đã phải trả giá bằng 7 vị Tăng Ni tự thiêu, mở đầu đỉnh cao là Hòa thượng Thích Quảng Đức ngày 11-6-1963 đã làm rung động cả thế giới, cộng với hàng nghìn Tăng Ni và Phật tử cũng đã bị cầm tù và tử thương do chính quyền Ngô Đình Diệm thẳng tay đàn áp! Nói chung, Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam năm 1963 có chính nghĩa và hợp lòng dân, nên đã được toàn dân, từ Trung - Nam - Bắc Việt Nam, đến Phật giáo thế giới tại Rangoon Miến Điện và Liên Hiệp Quốc tại New York đều nhiệt tình ủng hộ.

Tiếp đó, ngày 31-12-1963 tại chùa Xá Lợi - Sài Gòn, Tổng hội Phật giáo Việt Nam và 5 giáo phái Phật giáo miền Nam cùng tổ chức Đại hội Phật giáo miền Nam nhằm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất gồm cả Nam tông và Bắc tông, có Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo với một bản Hiến chương mới, dưới quyền lãnh đạo tối cao của Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn. Đến cuối năm 1966 thì Giáo hội này lại chia làm hai - khối Ấn Quang và khối Việt Nam Quốc Tự. Hiện trạng này kéo dài tới ngày 30-4-1975.

Thứ ba, nói về tiến trình thống nhất và phát triển toàn quốc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại:

Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước Việt Nam đã được hòa bình, chủ quyền độc lập và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, Bắc - Trung - Nam thu về một mối. Vĩnh viễn nhân dân Việt Nam không còn bị nô lệ dưới quyền cai trị của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên bầu trời nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là một vận hội mới cho Phật giáo Việt Nam có đủ điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất, hòa hợp, đoàn kết tất cả các Tăng Ni, cư sĩ Phật tử, Nam tông, Bắc tông trên toàn quốc, thành một khối duy nhất, dưới một mái nhà chung mà lâu nay Phật giáo từng mong ước.

Bởi vậy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được chính thức thành lập vào tháng 11 năm 1981 tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, sau hai năm các nhà lãnh đạo Phật giáo Bắc - Trung - Nam tích cực vận động cho sự nghiệp thống nhất cao đẹp này.

Biết rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một Giáo hội Phật giáo hợp pháp duy nhất, đại diện cho toàn thể các hệ phái Phật giáo, Nam tông, Bắc tông, Tăng Ni, cư sĩ Phật tử trên toàn quốc và đã được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công nhận về mặt pháp lý và thực tế.

Hơn nữa, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo một Hiến chương, gồm Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự với 10 Ban, Viện, hệ thống tổ chức từ

Trung ương đến tỉnh thành, quận huyện và cơ sở, theo định hướng “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội” nhằm mục đích: Hoằng dương chánh pháp, lợi lạc nhân sinh, và đồng hành cùng dân tộc. Đồng thời, Giáo hội Phật giáo còn xúc tiến mạnh công tác lợi đạo ích đời theo tiến trình đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế như:

- Trong Đạo: Trải qua 30 năm chiến tranh, thời tiết, thiên tai bão lụt, giờ đây nhiều ngôi chùa trên toàn quốc đã được tu sửa và xây mới; các kinh sách và báo chí đã được in ấn, phát hành; nhiều cơ sở Phật học đã được thiết lập, từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng đến Học viện; các Tăng Ni sinh cũng được gửi đi du học chương trình sau đại học tại các nước và khu vực như Ấn Độ, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật, Pháp, Úc, Mỹ... Và sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh cũng tổ chức các lớp Giảng sư và tập huấn trong các tự viện trên toàn quốc, nhằm phổ biến Phật pháp đến các tín đồ, Phật tử, đồng thời Giáo hội đã thành lập được 58 Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo trên 63 thành phố toàn quốc, nhằm điều hành các Phật sự cần thiết.

- Ngoài xã hội và thế giới:

1- Từ Quốc hội Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc đến Hội đồng Nhân dân các cấp, đều có đại biểu Phật giáo tham dự.

2- Về Y tế, Giáo dục và An sinh xã hội:

Trên toàn quốc, Phật giáo cũng có các Tuệ Tĩnh đường, các phòng y tế, Đông Tây y, để khám và bốc thuốc miễn phí cho các bệnh nhân nghèo; có các lớp học tình thương, các cô nhi viện, và năm qua Phật giáo đã vận động được 300 tỷ đồng, hàng ngàn tấn gạo, hàng ngàn tấn quần áo để phân phát, giúp đỡ đồng bào nghèo.

3- Về hội nhập thế giới:

Từ năm 1982, sau khi Giáo hội thành lập được một năm, đến nay 2013, năm nào phái đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam cũng đi dự Đại hội quốc tế. Đặc biệt, riêng tại Việt Nam có hai Đại hội Phật giáo Thế giới tổ chức tại thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là:

1- Đại hội Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hiệp Quốc 2008 tại Hà Nội;

2- Đại hội Nữ giới Phật giáo Thế giới tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2011.

Kính thưa Quý vị!

Đến đây, bài tham luận của chúng tôi xin khép lại, mong rằng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ mãi mãi đổi mới, phát triển, hội nhập và đồng hành cùng dân tộc, hợp với tinh thần Phật giáo là: Khế lý, Khế cơ, Khế thời và Khế xứ.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã lắng nghe.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2013. ■

Tài liệu tham khảo

1 – *Sources of Indian Tradition* - Theodore de Bary;

2 – *A Popular Dictionary of Buddhism* - Christmas Humphreys;

3 – *Thái Hư Đại sư toàn thư (35 tập)* - Tác giả: Thái Hư đại sư, Nhà xuất bản: Tôn Giáo Văn Hóa Xuất Bản Xã;

4 – *Hải Triều Âm nguyệt san* - Thái Hư đại sư;

5 – *The Buddhist Revival In China* - Holmes Welch;

6 – *Sources of Japanese Tradition* - Theodore de Bary;

7 – *Việt Nam Phật giáo sử luận (3 tập)* - Nguyễn Lang;

8 – *Khái lược Phật giáo Việt Nam* - Nguyễn Cao Thanh.



Tính tất yếu và thực tiễn của định hướng “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

DÂN TỘC VIỆT NAM LÀ MỘT DÂN TỘC CÓ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, VĂN HIẾN LÂU ĐỜI VÀ ĐẶC SẮC. VỚI HƠN 4000 NĂM LỊCH SỬ, TRẢI QUA BAO HÌNH THÁI, QUAN HỆ XÃ HỘI, LỊCH SỬ ĐÃ CHỨNG MINH VĂN HÓA VIỆT MANG TÍNH CHẤT ĐẶC SẮC DỰA TRÊN NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC, TÍN NGƯỠNG TỐT ĐẸP ĐƯỢC GÌN GIỮ VÀ BẢO TỒN QUA NHIỀU THẾ HỆ. TRONG TÍNH CÁCH VĂN HÓA ĐẶC BIỆT ẤY, PHẬT GIÁO LUÔN LUÔN ĐỒNG HÀNH CÙNG MẠNG MẠCH DÂN TỘC, CHUNG VAI ĐẤU CẬT VỚI BAO THẮNG TRẦM LỊCH SỬ, VUI CÁI VUI CHUNG, ĐAU NỖI ĐAU CHUNG VỚI MỌI NGƯỜI VIỆT NAM.

HT. Thích Thiện Tâm

1. TÍNH TẤT YẾU CỦA ĐỊNH HƯỚNG

1.1. Sơ lược lịch sử Phật giáo Việt Nam trong môi quan hệ cùng quốc gia, dân tộc

Có nhiều quan điểm về thời điểm đầu tiên khi Phật giáo bắt đầu truyền bá tại Việt Nam. Một số giả thiết cho rằng Phật giáo tới Việt Nam trong khoảng thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ II trước CN. Dựa vào lịch sử Phật giáo nói chung, nếu chấp nhận giả thiết này, có thể nói Phật giáo được truyền bá lúc bấy giờ là Phật giáo Nguyên thủy, còn bảo tồn được những lời dạy và truyền thống gần giống với thời kỳ của Đức Phật cách đó khoảng 200 – 300 năm. Rất có thể, Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada) đã xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam trong thời gian này.

Trong dân gian, Đạo Phật đã được nhắc tới với niềm cảm khái và thương yêu, trù mẫn khôn xiết. Chữ "Buddha" được phiên âm trực tiếp sang tiếng Việt là "Bụt" hay "Bụt đà"; dân gian coi Bụt như một vị tiên hay xuất hiện để giúp đỡ người nghèo khổ, hiền lành. Danh từ này cũng được nhắc đến trong nhiều tích truyện cổ của Việt Nam như truyện cổ tích Tấm Cám, Cây tre trăm đốt, Đặc biệt hơn nữa, trong truyền thuyết về Tiên Dung - Chử Đồng Tử một trong những huyền sử được ghi chép trong "Lĩnh nam chích quái" kể về thời kỳ cổ xưa của nước



Đức thánh Chử Đồng Tử cùng Tiên Dung công chúa và Tây Sa công chúa.

Việt Nam có đề cập đến việc Chử Đồng Tử tầm sư học đạo⁽¹⁾. Trong đó, truyện Nhất Dạ Trạch có kể: "Đồng Tử trở về, giảng lại đạo Phật. Tiên Dung bèn gác ngô, bỏ phố phường, chợ búa, cơ nghiệp, rồi cả hai đều tìm thầy học đạo".

1. Xem Lĩnh Nam Chích Quái, truyện Nhất Dạ Trạch



Cổng thành phía Đông (Cố đô Hoa Lư).

Còn theo tài liệu Tôn giáo tại miền Nam Việt Nam của Hải quân Hoa Kỳ, dựa trên nghiên cứu của học giả Trần Văn Giáp, thì có nhiều chứng cứ chứng minh đạo Phật có mặt ở miền Bắc Việt Nam thế kỷ thứ II SCN⁽²⁾ - bấy giờ đương là thời kỳ trị vì của nhà Đường ở Trung Quốc. Mâu Bác hay Mâu Tử - người Trung Quốc được tin là đã mang đạo Phật đến với người Việt vào những năm 194 – 195 TCN. Giao Châu nằm trên tuyến hăng hải giữa Trung Hoa và Ấn Độ, cho nên, từ lâu nơi đây đã trở thành một trung tâm tôn giáo lớn trong khu vực. Phật giáo được truyền bá trong thời kỳ này là Phật giáo Đại thừa có một vài khác biệt so với Phật giáo trong thời kỳ đầu.

Trong thời kỳ Bắc thuộc, dưới sự xâm lược và cai trị của các triều đại phương Bắc, Phật giáo ở nước ta vẫn luôn được xem trọng và là nơi mà người dân gửi gắm đức tin cao đẹp, trong sáng của mình. Liou Fang đã từng kể lại rằng: *"Ta thấy có rất nhiều bậc cao Tăng thạc đức truyền bá Phật Pháp đến với quảng đại quần chúng cũng như nhiều khách hành hương đến từ mọi miền Á Châu⁽³⁾."* Cũng trong thời kỳ này, rất nhiều bậc cao tăng, thạc đức đã xuất hiện và để lại khá nhiều dấu ấn còn lưu truyền đến tận hôm nay, trong đó phải kể đến: Kha Tăng Hội, Mâu Tử, thiền sư Vô Ngôn Thông, thiền sư Tì Ni Đà Lưu Chi⁽⁴⁾, v.v...

Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán năm 939 đánh dấu thời kỳ độc lập, tự chủ của dân tộc ta. Lịch sử Việt Nam trong mấy mươi năm sau đó có một số biến động nội bộ. Đến khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp

2. Xem Trần Văn Giáp, *Le Bouddhisme en Annam, Des Origines au XIII Siecle* Bulletin de L'Ecole Francaise d'Extreme Orient XXXII, 1932 (1933) tr. 205 và *The Religions of South Vietnam in Faith and Fact*, US Navy, Bureau of Naval Personnel, Chaplains Division phần Buddhism in Vietnam

3. Xem Lê Thành Khôi, *Le Viet-Nam, Histoire et Civilization*, Paris: 1955, trang 128.

4. Xem Hòa thượng Thích Thanh Từ, *Thiền sư Việt Nam*, 1995, Thư viện Hoa sen.

loạn 12 sứ quân, lên ngôi vua năm 968, chủ trương ủng hộ Phật giáo, Phật giáo Việt Nam bắt đầu thời kỳ phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử. Hoa Lư - Ninh Bình là kinh đô của Việt Nam dưới thời nhà Đinh (968-980) và nhà Tiền Lê (980-1009). Ngô Chân Lưu (Khuông Việt Thái Sư) là một người nổi tiếng với tài học uyên thâm, đạo hạnh viên mãn đã phò trợ quốc gia, đất nước trong công việc triều chính thời kỳ này. Sau khi đã là kinh đô, Hoa Lư dần trở thành trung tâm Phật giáo. Theo các thư tịch và dấu vết còn sót lại, vào thế kỷ thứ X, tại đây đã có khá nhiều chùa tháp. Ninh Bình cũng là quê hương của quốc sư triều Lý – Nguyễn Minh Không, ông đã sáng lập ra ở quê hương mình khá nhiều chùa tháp như: chùa Bái Đính, chùa Địch Lộng, động chùa Am Tiêm... Ở Việt Nam có 3 chùa động được mệnh danh là "Nam thiên đệ nhất động" là chùa Hương, chùa Bích Động, chùa Địch Lộng thì 2 trong số đó nằm ở Ninh Bình. Mỗi quan hệ giữa Đời và Đạo tiếp tục được khẳng định qua các triều vua Lê, đặc biệt Lê Đại Hành luôn trọng dụng các bậc cao tăng như những nhà cố vấn chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự đắc lực⁽⁵⁾.



Văn nghệ chào mừng Đại lễ 1000 năm Quốc sư Khuông Việt viên tịch.

Một tôn giáo, một lối sống (way of life) chỉ có thể chứng minh được tính chất tối ưu, siêu việt và phù hợp với thực tiễn khi nó hòa nhập vào, sát cánh, kề vai cùng môi trường, hoàn cảnh khách quan mà vẫn không bị đồng hóa và mất đi tư tưởng, giá trị cốt lõi của mình. Phật giáo chưa bao giờ và sẽ không bao giờ khoan tay hay yếm thế, chạy trốn trách nhiệm trước bất kỳ một sự kiện, một biến cố lịch sử nào của dân tộc. Quả vậy, thực tiễn Lịch sử Phật giáo và Lịch sử dân tộc Việt Nam đã cho thấy điều đó!

5. Xem Lê Thành Khôi, *Le Viet – Nam, Histoire et Civilization*, Paris:1955 trang 142 và *The Religions of South Vietnam in Faith and Fact*, US Navy, Bureau of Naval Personnel, Chaplains Division phần Buddhism in Vietnam



Cột kinh Phật thời Đinh - tiền Lê

Nhà Lê và sau đó là nhà Lý, Trần đưa Đạo Phật lên vị trí Quốc đạo là một sự ghi nhận xứng đáng với những đóng góp và giá trị cao đẹp của bản thân Phật giáo. Với sự kiện này, ngay trong tầng lớp vua, quan triều các thời kỳ này cũng có rất nhiều người có tín ngưỡng Phật giáo. Việc nhiều thiền sư đương thời tham gia vào sự nghiệp kinh bang tế thế, hộ quốc, an dân với tư tưởng nhu nhuẩn, hòa hợp, mềm mỏng mà nghiêm khắc đã tạo nên một thời đại hưng thịnh về nhiều phương diện trong lịch sử nước ta. Người dân lại vì thế mà trở nên hiền lành, đạo đức, sự học được coi trọng, vật chất đủ đầy. Đức vua Trần Nhân Tông, khi đất nước lâm nguy, khoác áo chiến bào hai lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông. Khi đất nước yên bình Ngài nhường ngôi cho con và lên non Yên Tử tu thiền trở thành Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam là nhân chứng sống động cho mối quan hệ khăng khít không tách rời của Phật giáo và dân tộc trong thời kỳ này.

Các triều đại sau đó từ nhà Hồ, Hậu Lê, thời kỳ Trịnh – Nguyễn phân tranh, tuy Phật giáo Việt Nam không đạt được mức độ phát triển rực rỡ và toàn diện như thời kỳ trước, nhưng Phật giáo không bao giờ từ bỏ nhiệm vụ và bốn phận hướng con người đến hạnh phúc, xoa dịu, xóa bỏ nỗi đau thế tục. Chính điều này đã nói lên tính chất thủy chung, đoàn kết, hòa hợp như nước với sữa giữa vận mạng dân tộc và sự hưng thịnh của Phật giáo.

Phật giáo có mặt chỉ với một mục đích tối hậu duy nhất là giải thoát khổ đau, hướng đến hạnh phúc tuyệt đối. Do vậy, trong mọi hoàn cảnh, mọi diễn tiến lịch sử, Phật giáo luôn luôn đồng hành

cùng vận mệnh dân tộc với tôn chỉ nhập thế, độ đời. Nếu như ở thời bình, tư tưởng, nền đạo đức: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo” mang đậm Giáo lý nhà Phật đã thấm nhuần trong từng suy nghĩ, từng hành động của người dân, tạo nên nếp sống tình cảm, tôn trọng sự thật, lễ phải thì trong thời chiến tranh, loạn lạc, Phật giáo không hề đứng ngoài thế cuộc mà vừa âm thầm giúp đỡ, vừa trực tiếp chiến đấu chống lại kẻ thù của quốc gia, dân tộc.

Là tôn giáo nhập thế song cần phải hiểu nhập thế từ giáo pháp, giáo nghĩa căn bản của đạo Phật. Bởi từ thâm sâu của giáo pháp, giáo nghĩa này (hay từ cốt lõi của Phật giáo) là giải thoát (thoát khỏi cái khổ và cái vui trần thế, bởi cái vui cũng chỉ tạm thời) và an lạc chứ không phải chỉ là thoát khổ, cầu an. Theo nghĩa ấy thì “nhập thế” có mục đích đem lại sự giải thoát và an lạc cho mọi người, trong đó có con người Việt Nam, đây có thể là một đặc trưng quan trọng, đồng thời cũng là một ưu điểm của mối quan hệ giữa Phật giáo với môi trường và hoàn cảnh tồn tại. Song nếu xét ở phạm vi xã hội trần thế với tinh thần khế hợp của Phật giáo thì mối quan hệ của Phật giáo với quốc gia, dân tộc lại nhằm đưa lại sự hòa bình, sự hiểu biết và hạnh phúc cho mọi người và cho muôn loài.



Chùa Kim Liên là một trong 10 di tích kiến trúc cổ đặc sắc nhất Việt Nam.

1.1.2. Phật giáo đồng hành cùng dân tộc qua hai cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp, Đế quốc Mỹ

Thế kỷ XX – thời đại Hồ Chí Minh, khi mà cả dân tộc đứng lên chống Thực dân và Đế quốc giành lại chủ quyền cho Dân tộc thì Phật giáo Việt Nam lại một lần nữa khẳng định vai trò của mình, kề vai sát cánh cùng nhân dân để đấu tranh thực thi khát vọng hòa bình, hạnh phúc. Giành độc lập dân tộc,



Đại tá Đinh Thế Hình trước đây là đại đức Thích Nguyên Hồng tại chùa Cổ Lễ

thống nhất đất nước, Phật giáo Việt Nam ngoài việc các nhà sư tham gia trực tiếp chiến đấu giành độc lập dân tộc theo tinh thần của Đức Thích Ca Mâu Ni “Lúc này ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục” và “Cởi áo cà sa khoác chiến bào⁽⁶⁾”, thì Phật giáo Việt Nam ở cả Bắc, Trung, Nam đều lên tiếng khẳng định cuộc kháng chiến chính nghĩa của cả dân tộc trên nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế đã góp phần tạo sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thống nhất đất nước, trong đó có các tổ chức Phật giáo khu vực và quốc tế.

Phong trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963 mà đỉnh cao là sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11 tháng 6 năm 1963 (nhằm ngày 20 tháng 4 năm Quý Mão), tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt Sài Gòn (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu TP. HCM) đã làm chấn động cả thế giới, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu, trước hàng ngàn các Tăng, Ni và Phật tử đứng gần đó để cầu nguyện, cùng hàng trăm các phóng viên ngoại quốc đứng gần, xa và trên các tòa nhà cao tầng để chứng kiến và thực hiện các phóng sự rồi tìm cách đưa ra nước ngoài phổ biến. Lực lượng an ninh của Diệm được điều động đến để trấn áp và phá hoại cuộc tự thiêu nhưng đều thất bại, vì các Tăng, Ni và Phật tử quyết bảo vệ bằng cách bao vây thành nhiều vòng trong tiếng niệm Phật ngân vang cả một bầu trời. Có người nằm ngấn cản trước bánh xe cứu hỏa, xe tăng của lực lượng cảnh sát đã chứng tỏ Phật giáo Việt Nam luôn luôn đồng hành và gắn kết cùng dân tộc trong mọi hoàn cảnh.

6. Xem Đỗ Hữu Lực, *gặp lại những người “Cởi áo cà sa khoác chiến bào”, Tổng cục dân số - kế hoạch hóa gia đình*

1.2. Bối cảnh ra đời, yêu cầu lịch sử của Định hướng

Chiến thắng Đế quốc Mỹ năm 1975, non sông thu về một mối, tại miền Bắc và miền Nam có nhiều tổ chức Phật giáo hoạt động, với mục đích thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo tại Việt Nam dưới một tổ chức duy nhất, cuộc Vận động thống nhất Phật giáo được tiến hành. Năm 1981, Đại hội các tổ chức Phật giáo được tổ chức tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Một tổ chức mới ra đời, lấy tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là hợp nhất của 9 tổ chức:



Ni trưởng Thích Đàm Thành - một trong những nữ tu đã tham gia quân đội.

- * Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam
- * Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất
- * Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam
- * Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam
- * Ban liên lạc Phật giáo Yêu nước
- * Giáo hội Thiên thai giáo Quán Tông
- * Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam
- * Hội đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ
- * Hội Phật học Nam Việt.

Đại hội đã thông qua Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đồng thời suy tôn, suy cử giáo phẩm lãnh đạo gồm Hội đồng Chứng Minh và Hội đồng Trị sự. Phương châm của Giáo hội là: “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội”. Nói như vậy có nghĩa là Định hướng “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” là một chủ trương, đường lối hoạt động mang tính chất lịch sử rõ rệt. Đó là kết tinh của cả một quá trình đồng hành, gắn bó cùng dân tộc, cùng đất nước trong suốt chiều dài lịch sử trên 2000 năm của Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, đây còn là sự định hướng phù hợp với thời cuộc, thời đại của dân tộc cũng như của Phật giáo (còn tiếp). ■

PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO



TT. Thích Huệ Thông

Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bình Dương

Như chúng ta đã biết, từ khi thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, Phật giáo lại một lần nữa chung sức đồng lòng tham gia kháng chiến, tích cực dẫn thân vào sự nghiệp giải phóng của toàn dân tộc, điển hình là cuộc khởi nghĩa của cư sĩ Võ Trứ (đệ tử của Thiền sư Đá Bạc) tại Phù Cát và Phù Mỹ tỉnh Bình Định vào năm 1898. Thiền sư Đá Bạc đóng một vai trò rất quan trọng trong cuộc khởi nghĩa này khiến cho người Pháp

gọi cuộc khởi nghĩa này là “giặc thầy chùa”. Kể đến là cuộc khởi nghĩa của Tăng sĩ Vương Quốc Chính nổ ra ở phía Bắc, từ Nghệ An ra tới Bắc Ninh quy tụ hàng vạn nghĩa quân là Phật tử. Những cuộc khởi nghĩa của Tăng sĩ Vương Quốc Chính và Phật tử Võ Trứ đã để lại ấn tượng sâu sắc là Phật giáo luôn hướng về sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trong mọi hoàn cảnh. Các chí sĩ yêu nước tiêu biểu trong thời kỳ này như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Trần Cao Vân... cũng đều phải dựa vào Phật giáo và trong đó có cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Hồ Chủ tịch, một tấm lòng yêu nước nồng nàn, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Phật giáo. Đặc biệt, cụ Sắc nhìn thấy rất rõ vai trò và ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo đối với sự tồn vong của dân tộc nên trong suốt hành trình tham gia các hoạt động cứu quốc, cụ đã tích cực tham gia vào các hoạt động chấn hưng Phật giáo. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã rất tích cực tham gia vào phong trào chấn hưng Phật giáo, xem đây là phương tiện tối ưu để khơi dậy lòng yêu nước, lấy đạo Phật làm trung tâm để gắn kết khối đại đoàn kết dân tộc, phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trong bài tham luận “*Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong phong trào chấn hưng Phật giáo*”, chúng tôi mong muốn làm sáng tỏ phần nào chủ đích chấn hưng Phật giáo của cụ Nguyễn Sinh Sắc, chính là để tăng cường sức mạnh vệ quốc của dân tộc trong hoàn cảnh xã hội thời bấy giờ. Đây là điều rất phù hợp với quan điểm và truyền thống yêu nước của Phật giáo. Điều này đã được minh chứng và ghi lại trong nhiều giai đoạn lịch sử đất nước bị ngoại



Tượng cụ Phó bảng



Di ảnh cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và vợ là bà Hoàng Thị Loan

bang xâm chiếm. Đồng thời, thông qua những tư liệu được trình bày trong tham luận này, chúng tôi cũng nhằm làm sáng tỏ vấn đề cụ Nguyễn Sinh Sắc là một Phật tử tinh thông Phật học, qua đó khẳng định quan điểm, muốn giải phóng dân tộc thì cần phải chấn hưng Phật giáo như suy nghĩ và hành động của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1862 (Nhâm Tuất) tại làng Kim Liên, Nghệ An. Năm 1894 (Giáp Ngọ), cụ đứng thứ 12 trong 20 người thi đỗ Cử nhân của trường Nghệ An. Năm 1901 (Tân Sửu), cụ thi đỗ Phó bảng được hưởng đặc ân như Tiến sĩ, được vua ban cờ biển vinh quy bái tổ. Cụ Sắc là người thông minh, đức hạnh và khiêm cung nên dân làng ai cũng kính nể. Cụ được liệt vào bốn danh nhân đương thời ở làng Sen "Nam Đàn Tử Hổ", được bà con ca tụng *"Uyên bác bất như San, Tài hoa bất như Quý, Cường kỳ bất như Lương, Thông minh bất như Sắc"*.

Với quan niệm học để làm người chứ không phải học để làm quan; hơn nữa, trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp thống trị, làm quan là làm tay sai cho giặc, là đắc tội với đồng bào, nên sau khi đỗ đạt, cụ đã hai lần từ chối lời kêu ra làm quan của triều đình. Năm 1906, khi không còn lý do thoái thác, cụ đành phải ra nhận chức Thừa biện Bộ Lễ. Bình sinh cụ thường nói: "Quan trường thị nô lệ trung, chi nô lệ, hữu nô lệ" (Quan trường là nô lệ, trong đám nô lệ càng nô lệ hơn). Đến tháng 5 năm 1909, Hội đồng nhà vua và Khâm sứ Trung Kỳ bổ nhiệm cụ chức Tri huyện Bình Khê. Cụ Sắc rất căm ghét bọn cường hào ác bá tại địa phương. Nhiều lần nghe dân chúng than oán và từng mục thị các cố đạo dựa vào thế lực của người Pháp bức bách dân lành, do đó, cụ Sắc đã nghiêm khắc xử giam và đánh chết tên cường hào Tạ Đức Quang. Sau vụ án chấn động này, ngày 19-5-1910, Hội đồng Nhiếp chính triều đình Huế xử phạt cụ 100 trượng và thải

hồi cụ. Đây là điều kiện thuận lợi để cụ thực hiện chí nguyện dẫn thân cứu nước mà cụ từng nung nấu bấy lâu nay và đây cũng là bước ngoặt để cụ rẽ sang nghiên cứu chuyên sâu vào giáo lý Phật Đà, chấn hưng Phật giáo, truyền bá tư tưởng yêu nước và dẫn thân vào các hoạt động cứu quốc.

Sau khi rời chốn quan trường, tháng 3-1911, cụ vào Phan Thiết, rồi đến Sài Gòn, cùng Nguyễn Tất Thành xuống Mỹ Tho gặp Phan Chu Trinh, trong lúc Phan Chu Trinh đang chuẩn bị sang Pháp. Sau đó cụ đi khắp các tỉnh Nam Bộ và sang tận Campuchia. Đến đâu cụ cũng tìm cách quan hệ với các nhà sư, nhà nho yêu nước, chính trị phạm của các phong trào Cần Vương, Đông Du, Duy Tân bị an trí, hoặc đang lẩn tránh mật thám Pháp. Cụ giúp nhiều chùa ở Nam Bộ dịch, chú giải kinh, góp nhiều ý kiến cho phong trào Chấn hưng Phật giáo do Hòa thượng Khánh Hòa khởi xướng. Cụ đã chu du khắp vùng đất Nam Kỳ để truyền bá tư tưởng yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Suốt hành trình vào Nam, hầu như chùa là chốn dừng nghỉ, chư Tăng là những người bạn tâm giao để cụ kết duyên tâm tình đời đạo. Cụ từng trao đổi hàn huyên Phật học với các bậc cao tăng nổi tiếng đương thời như Hòa thượng Khánh Anh, Khánh Hòa, Thiện Chiếu, Từ Văn, Chí Thành, Viên Minh... giúp các nhà sư dịch kinh, chú giải các điều cao siêu trong kinh Phật. Biết cụ là người tinh thông kinh luận, năm 1922, chùa Kim Tiên (Cai Lậy) tổ chức lễ khánh thành, ông Nguyễn Thành Long (Hương cả Siêu) có nhờ cụ Sắc viết tặng đôi liễn đối. Cụ viết:

"Đại đạo quảng khai thổ giác khêu đàm để nguyệt;

Thiền môn giáo dưỡng qui mao thẳng thụ đầu phong."



chùa Kim Tiên (Cai Lậy)

Tạm dịch:

"Mở rộng đạo lớn như sừng thỏ như mò trắng đáy nước;

Nuôi dưỡng mái chùa như lông rùa như cột gió đầu cây."

Trong buổi lễ này có sự tham dự của nhiều vị cao tăng, trong đó có nhà sư Nguyễn Văn Hiền (Thích Chí Thành) trụ trì chùa Phi Lai, nguyên là Tả quan Hộ giá của vua Hàm Nghi; Lê Quang Hòa (Thích Thanh Kế) trụ trì chùa Thiên Thai - Bà Rịa, nguyên là Hữu quan Hộ giá của vua Hàm Nghi. Nhân đây cụ Sắc trình bày quan điểm của mình: "Tu là phải nhập thế, phải xả thân cứu đời mới phát triển đạo được. Phật dạy, tu là cứu khổ cứu nạn chúng sinh. Cái nạn lớn nhất là mất nước, là đem thân làm nô lệ cho ngoại bang. Chúng sinh hiện đang lâm than, rên siết, đã là người chân tu thì phải ra tay cứu dân cứu nước. Giữa lúc nước mất, nhà tan, bá tánh lêu lắt lầm than thống khổ, mà đóng cửa chùa lo kinh kệ thì không khác gì vô cảm, đi ngược lại với tinh thần Bi - Trí - Dũng của nhà Phật". Do vậy, mà cụ nhân cơ hội viết liên đới đã thẳng thắn, không ngại nói ra suy nghĩ của mình rằng, hiện nay nước mất nhà tan thì không thể làm gì được cả, ngoài việc dẫn thân cứu nước (câu liên đới này được khắc ghi lại tại chùa Hội Khánh, trong thời gian cụ sống và hoạt động tại chùa). Ý nghĩa sâu xa hàm chứa sức mạnh khơi dậy lòng yêu nước từ đôi câu liên đới này đã làm kinh ngạc tất cả những nhà học Phật lỗi lạc đương thời đang có mặt. Thông qua đôi câu đối này, điều mà chúng ta nhận thấy cụ Sắc rõ ràng là bậc uyên thâm Phật học, nhất là cụ rất tinh thông thiền lý, bởi những thiền ngữ mà cụ Sắc sử dụng trong câu đối như "lông rùa", "sừng thỏ", "mò trắng đáy nước", đều là những pháp ngữ rất cô đọng, thẳng tắp mà đức Phật và các bậc Tổ sư dùng để khai thị khuyến cáo những điều hư ảo hay nhắc nhở hàng đệ tử không nên thực hiện một việc làm không mang lại kết quả. Nếu không phải là bậc học Phật uyên thâm thì làm sao cụ Sắc có thể vận dụng thiền ngữ để diễn đạt được những ý tưởng thâm kín thâm sâu một cách linh hoạt táo bạo như vậy? Mặt khác, qua đôi câu liên đới, chúng ta mới thấy rõ quan điểm của cụ Sắc trong bối cảnh đất nước chìm trong biển khổ đau thương của thực dân Pháp. Cụ Sắc đã cùng một lúc vừa khơi dậy tinh thần yêu nước, tinh thức hàng học giả trí thức hãy nhìn kỹ tình hình thực tiễn của đất nước, vừa thâm kín chấn hưng Phật giáo bằng cách định hướng tâm hạnh cho hàng Tăng lữ trước yêu cầu cấp bách của toàn dân tộc là giải phóng đất nước thoát ra khỏi ách lâm than nô lệ.

Trên bước đường vân du, kết duyên thiện tri thức, truyền bá tinh thần yêu nước, cụ nhận thấy

vùng đất Nam Bộ hầu hết người dân tin nhân quả, nghiệp báo của nhà Phật, dù lúc bấy giờ có rất nhiều tổ chức đạo và các hội kín ra đời, nhưng Phật giáo vẫn là chủ đạo, chiếm vị trí ưu thế. Nhưng theo cụ, vào đầu thế kỷ này Phật giáo bước vào thời điểm suy đồi, mặc dù chùa chiền rất đông tín đồ,

nhưng lại đờm vè bi quan, yếm thế, các nhà sư chỉ biết rút mình vào kinh kệ, không am tường giáo lý. Chùa trở thành nơi cúng bái, hành nghề mê tín dị đoan. Do đó, theo cụ, muốn chấn hưng Phật giáo thì Tăng, Ni, Phật tử phải đi tiên phong dẫn thân nhập thế. Cụ Sắc tham gia vào phong trào chấn hưng chủ yếu cùng quý Hòa thượng đẳng đàn thuyết pháp, tham gia tờ "Pháp Âm" do Hòa thượng Khánh Hòa chủ xướng, tờ "Phật Hóa Tân Thanh Niên" do Hòa thượng Thiện Chiếu khởi xướng. Ngoài ra, còn xuất bản một số kinh sách, giáo lý "Phật Học Tùng Thư". Hai tờ báo Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên nổi tiếng qua ba ngòi bút của sư Khánh Hòa, Thiện Chiếu và Trần Huy Liệu cùng nhiều tác giả khác. Theo mật thám Pháp thì có khả năng Nguyễn Sinh Sắc (Huy) có tham gia vào các bài viết kêu gọi phong trào yêu nước qua cuộc vận động chấn hưng Phật giáo. Để bổ sung kiến thức Phật học cho công cuộc chấn hưng Phật giáo, vào tháng 4-1922, cụ bí mật đi Phnôm-Pênh để gặp Hòa thượng Hồng Đại, nhà học Phật uyên thâm, đệ tử của Hòa thượng Tổ sư Như Hồng chùa Quốc Ân - Huế. Tại đây, cụ Sắc chánh thức thọ giáo quy y với Hòa thượng Hồng Đại - Bửu Phước chùa Sùng Phước, Châu Hộ, Phnôm-Pênh vào ngày 24-8-1922 với Pháp danh Nhật Sắc tự Thiện Thành thuộc thế hệ thứ 41 dòng Lâm Tế gia phổ.

Nhìn lại hành trạng của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, ở đây, người viết có thể khẳng định, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đích thực là một tín đồ



Tờ tạp chí Phật học đầu tiên được in ra ở nước ta, ngày 31-8-1929.

Phật giáo, hơn thế nữa, cụ còn là một Phật tử thâm tín, một nhà Phật học uyên thâm. Có thể nói rằng, cùng với các vị giới phẩm đạo cao đức trọng và các vị nhân sĩ trí thức Phật giáo đương thời, cụ là một trong những nhân sĩ trí thức có công rất lớn trong công cuộc chấn hưng Phật giáo thời bấy giờ.

Vào cuối quý 3-1923, cụ về chùa Linh Sơn cùng với quý Hòa thượng Khánh Hòa, Khánh Anh, Thiện Chiếu bắt tay ngay vào việc khơi mào cho cuộc chấn hưng. Trước cổng chùa Linh Sơn xuất hiện ngay câu liễn đối:

*"Phật pháp thị nhập thế nhi phi yếm thế;
Từ bi nãi sát sanh dĩ độ chúng sanh."*

*(Đạo Phật là nhập thế chứ không yếm thế;
Từ bi (lắm lúc) phải sát sanh để cứu chúng sanh.)*

Nội dung câu đối này, thật sự vượt ra khỏi suy nghĩ và tập quán "Từ bi" thường tình của những người con Phật. Bởi đối với tâm từ bi của bất cứ một Phật tử nào thì một chữ "Sát" dù hiểu theo nghĩa nào cũng là phạm giới "trọng", cũng là bất nhẫn. Song ngẫm nghĩ sâu xa, mới thấy rằng, đây chính là tâm Bồ tát, chính là hạnh Bồ tát, chính là tinh thần Bi – Trí – Dũng cao tột của Phật giáo. Điều này quả thật táo bạo, thẳng thắn, dứt khoát. Cảm nhận của người viết bài này, ẩn tàng ở đó tâm nhìn trí tuệ và ở đó là tâm đại bi lân mẫn của một thiện sư đã thông suốt lý tánh. Đây mới là con người đầy đủ cả bản lĩnh lẫn trí tuệ để dẫn thân vào công cuộc chấn hưng Phật giáo trong hoàn cảnh đạo Phật vẫn còn nhiều hạn chế bởi tầm nhìn và những trói buộc theo quan niệm thường tình trong chốn thiên môn. Chính vì niềm khao khát chấn hưng Phật giáo nên từ lúc Nguyễn An Ninh về nước, cụ Sắc tìm cách bí mật gặp Nguyễn An Ninh (người cùng thế hệ với Nguyễn Ái Quốc và sư Thiện Chiếu) để bàn về mối tương quan và cộng hưởng giữa Phật giáo với dân tộc, đây là vấn đề mà cụ rất quan tâm⁽¹⁾.

Sau khi trở thành tín đồ Phật giáo, cụ thường xuyên nghiên cứu Phật học, chọn chùa Linh Sơn, Sắc tứ Từ Ân để nghiên cứu chuyên sâu vào Tam tạng kinh điển. Được biết, trong phong trào chấn hưng Phật giáo, cụ đã đưa ra nhiều ý tưởng táo bạo nhưng rất thiết thực về vấn đề nhập thế của đạo Phật mà nội dung câu đối khắc trước cổng chùa Linh Sơn như chúng tôi đã trình bày và lý giải là một minh chứng. Theo cụ, phong trào chấn hưng Phật giáo rất có lợi cho công cuộc vận động đồng bào bảo vệ Tổ quốc chống ngoại bang. Quả thật, tư

tưởng này đã được thể hiện qua những hành động và việc làm của cụ trong suốt thời gian dài cụ đi khắp nơi kêu gọi tinh thần yêu nước của mọi người. Theo cụ, dùng đạo Phật để vận động cứu nước là đặc sắc nhất, hô hào đồng bào tham gia chống giặc cứu nước một cách công khai trong các buổi thuyết giảng về thuyết từ bi cứu khổ cứu độ chúng sanh của đức Phật; dùng chùa chiền làm nơi tụ họp đi lại của các nhà yêu nước. Tinh thần tích cực nhập thế của cụ đã được thể hiện rất rõ và rất phù hợp với tinh thần câu liễn đối ở chùa Linh Sơn, nơi mà cụ thường lui tới để nghiên cứu Phật học.

Trong hoàn cảnh Phật giáo đương thời lâm cảnh suy vong, như cụ từng tâm sự: "Thầy chùa không hiểu đạo Phật, khinh thường giới luật, có kẻ mượn Phật làm danh, cũng ngày đêm hai buổi công phu, sóc vọng, cũng sám hối như ai, nhưng lại thủ dị cầu kỳ, học thêm bùa ngải, luyện roi thần, làm bạn với thiên linh cái, đồng nhi, khi ông lên bà xuống, ngáp vắn, ngáp dài, thư phù niệm chú, gọi là cứu nhân độ thế, nhưng thật ra lợi dụng lòng mê muội của thiện nam tín nữ, mở rộng túi tham, vơ vét cho sạch sành sanh⁽²⁾". Đứng trước tình hình đáng tiếc như vậy, cụ Sắc vẫn không hề chủ trương thành lập tông phái mới như những người đi trước, mà chỉ dựa vào chánh tông Phật giáo, chỉ nương vào chính nền tảng và cốt tủy của giáo lý Phật Đà để chấn hưng Phật giáo. Điều này cũng có thể xem cụ là một hành giả thấm nhuần đạo lý vô ngã của nhà Phật. Chính nhờ tinh thần nỗ lực dẫn thân không mệt mỏi của cụ mà chỉ trong một thời gian ngắn, các hoạt động của phong trào chấn hưng Phật giáo trở nên phát triển, ảnh hưởng rộng khắp. Hình ảnh các nhà sư xuất hiện ngày càng đông trong các cuộc đấu tranh chính trị, trong các buổi diễn thuyết. Trong cuộc vận động đòi ân xá cụ Phan Bội Châu và đám tang cụ Phan Chu Trinh có rất nhiều nhà sư tham dự ở khắp nước. Đặc biệt, là lý lẽ sắc bén và bản lĩnh trí tuệ của các nhà sư ngày càng được nâng cao, thể hiện rõ sự hòa quyện giữa tâm hạnh từ bi phổ độ chúng sanh và tinh thần yêu nước thương dân mang truyền thống đạo đức ngàn đời của dân tộc. Điển hình sự việc sư Thiện Chiếu, khi bị chất vấn: "Ai xui thầy chùa đi biểu tình?", thì sư Thiện Chiếu trả lời ngay trên mặt báo: "Thuyết từ bi cứu khổ của Phật Tổ xui Phật tử chúng tôi tham gia những cuộc vận động yêu nước thương dân chứ không ai xui cả". Hoạt động này chẳng những ảnh hưởng đến quần chúng Phật tử mà còn ảnh hưởng đến nhà chùa và từng lớp Tăng, Ni trẻ⁽³⁾ (còn tiếp). ■

1. Theo Tự điển Văn học - NXB KHXH-1983.

2. Theo tư liệu của cư sĩ Khánh Vân - Duy Tân - số 18.

3. Theo GS. Trần Văn Giàu.

TIỂU KINH DỰ DẤU CHÂN VOI

HT. Thích Minh Châu

Du sĩ Pilotika hết lời tán thán Sa môn Gotama trước mặt Bà-la-môn Jānissonī, vì thấy được bốn dấu chân của Sa môn Gotama, như người săn voi vào rừng thấy một dấu chân voi dài bề dài, rộng bề ngang nên kết luận con voi này là con voi lớn.

Bốn dấu chân của Sa môn Gotama là một số Sát Đế Ly bác học, thảo luận biện tài đi đến Sa môn Gotama để chất vấn, cất vấn nhưng khi đến, nghe Sa môn Gotama thuyết pháp, liền hoan hỷ, không có chất vấn và trở thành đệ tử của Ngài. Dấu chân thứ hai là thái độ của các Bà-la-môn bác học thảo luận biện tài cũng tương tự như hạng Sát Đế Ly trên. Dấu chân thứ ba là thái độ tương tự của các gia chủ. Dấu chân thứ tư là thái độ của các Sa môn, không những trở thành đệ tử của Sa môn Gotama mà còn xuất gia, tu Phạm hạnh, chứng quả Alahán. Các vị ấy mới nhận thức rằng nay chúng mới thật là Sa môn, mới thật là Bà-la-môn, mới thật là các bậc Alahán. Vì thấy bốn dấu chân ấy nên du sĩ Pilotika đi đến kết luận Thế Tôn là bậc Chánh giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng và Tăng chúng khéo hành trì.

Bà-la-môn Jānissonī thuật lại lời nói của du sĩ Pilotika lên đức Phật, Ngài trả lời ví dụ dấu chân voi chưa được đầy đủ và Ngài thuyết giảng như sau về bốn dấu chân của đức Phật:

Một người săn voi vào rừng có thể thấy bốn loại dấu chân voi:

1. Dấu chân voi lớn, dài bề dài, rộng bề ngang.
2. Dấu chân voi lớn, dài bề dài, rộng bề ngang và những vật cao đều bị cọ xát.
3. Dấu chân voi lớn, dài bề dài, rộng bề ngang, những vật cao đều bị cọ xát và những vật cao bị

ngà voi cắt chém.

4. Dấu chân voi lớn, dài bề dài, rộng bề ngang, những vật cao đều bị cọ xát, những vật cao bị ngà voi cắt chém và những vật cao bị gãy các cành.

Thấy một dấu chân đầu, người thợ săn voi chưa đi đến kết luận là con voi lớn. Chỉ có dấu chân thứ tư mới chứng thực con voi này mới thật là con voi đực lớn.

Cũng vậy, Như Lai ra đời là Chánh Đẳng Giác, thuyết pháp, giảng dạy Phạm hạnh. Có người nghe pháp liền xuất gia, từ bỏ gia đình, thành tựu học giới và nếp sống Tỷ khưu, từ bỏ mười điều ác, làm mười điều thiện, thành tựu giới uẩn, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác. Rồi vị này ngồi thiền, gột sạch tâm khỏi năm triền cái, chứng và trú thiền thứ nhất, như vậy gọi là dấu chân Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai, nhưng chưa đi đến kết luận: Như Lai là bậc Chánh đẳng giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chúng Tăng khéo hành trì. Vị Thánh đệ tử có thái độ tương tự khi chứng thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư, tức mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh (biết bốn đế về khổ, về lậu hoặc).

Sau khi nhờ biết vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát", thành vị Alahán như vậy mới gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Và tới đây, vị Thánh đệ tử kết luận: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chúng Tăng khéo hành trì. ■

(c) Người mắc nợ. Ở đây, tập Chú giải cho rằng người mắc nợ bao gồm cả những ai thừa hưởng những món nợ của cha mẹ hay ông bà để lại, cũng như kẻ nào phải gánh chịu những món nợ của chính con cái của họ nữa. Nếu có người nào khác đồng ý nhận những món nợ đó hay nhận trả những món nợ đó, thời vị đó có thể xuất gia. Nếu chư vị tỳ khưu X ban lệnh xuất gia cho Y, mà không biết Y có mắc những khoản nợ, nhưng sau này khi biết sự thật, thời vị đó nên dẫn Y đến gặp chủ nợ nếu vị đó có thể nắm được Y. Nếu vị đó không thể làm như vậy, thời vị đó không chịu trách nhiệm về những khoản nợ đó. Nếu vị đó cảm thấy quá bức xúc, vị đó có thể nhận trả những món nợ của Y. Nếu vị đó cảm thấy Y trung thực đối với việc làm đó. Nhưng vị đó có thể không cho phép Y xuất gia, vì trước đó biết rõ Y có mang nợ. Với ý định là sẽ tự mình trả những khoản nợ đó. Nếu vị đó đồng ý để cho Y xuất gia thời vị đó Phạm giới tác ác (dukkata).

(d) Là thân phận nô lệ. Theo tập Chú giải, nếu người nô lệ đã được giải thoát khỏi tình trạng nô lệ phù hợp với đường lối của truyền thống quốc gia và luật pháp, thời người nô lệ đó có thể xuất gia. Những tập Chú giải có phần khác nhau cho rằng liệu đứa con của người nô lệ có được coi như là nô lệ theo khoản luật này hay không. Tập Chú giải cho rằng có; tập Chú giải phụ (trích đoạn ba vị Ganthipadas) lại cho là không. Liệu những ý kiến khác nhau này có là phản ánh của chính cảm nhận của tác giả hay không về chủ đề này hay về những luật hiện hành khi các tác giả đó viết những bản văn, không ai biết được điều đó. Tuy nhiên, tập Chú giải có kể lại một câu chuyện rất cảm động về vị tỳ khưu khi biết được, sau khi đã chấp nhận vị đó xuất gia, người mẹ đã thoát khỏi tình trạng nô lệ từ ngài Anuradhapura. Vị đó đến người chủ của người mẹ và xin phép được tiếp tục đi tu làm tỳ khưu (ngay cả không nhất thiết phải làm như vậy - vị đó đã trở thành tỳ khưu và có thể tiếp tục đi tu làm tỳ khưu bất kể họ đã nói những gì). Bằng bất kỳ giá nào, họ cho phép và còn cung cấp hỗ trợ cho vị đó nữa và

Thọ Giới

TK. Siêu Minh (dịch)
(tiếp theo)

sau này vị đó đã trở thành A-la-hán.

(2) Những kẻ nào mắc bệnh nghiêm trọng, bị dị dạng trầm trọng hay bị bệnh nặng. Luật tạng phân tách phạm trừ này thành ba loại sau đây:

(a) Một người mắc bệnh cùi hủi, mụn nhọt, bệnh màng tròn, bệnh lao hay bệnh động kinh. Một số người nêu thắc mắc liệu luật cấm này có phải là động lòng trắc ẩn đối với người đã qua đời hay không, nhưng có câu chuyện nguyên thủy đáng sau khoản luật cho thấy câu chuyện được hình thành do lòng trắc ẩn đối với chư vị tỳ khưu và những người đạo hữu hỗ trợ là những người có thể phải mang gánh nặng với những việc chăm sóc những người bệnh đó.

Bấy giờ vào dịp đó có năm thứ bệnh đã truyền bá rộng rãi trong số những người Magadhans đó là: bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh màng tròn, bệnh lao và bệnh động kinh. Những người mắc bệnh đi đến với thái y Jīvaka Komārabhacca và lên tiếng nói rằng, "Bạch thầy, nếu thầy chữa trị cho chúng tôi,

thời tuyệt vời biết bao.”

“Thưa chư vị, tôi còn quá nhiều nhiệm vụ phải làm, tôi rất bận, tôi còn phải tham vấn sức khỏe nhà vua Bimbisara của vương quốc Maghadha, cũng như chăm sóc cho các phụ nữ trong hoàng cung và cho Tăng chúng chư vị tỳ khưu đứng đầu là Đức Phật. Tôi không thể điều trị cho các vị được đâu.”

“Toàn bộ tài sản của chúng tôi sẽ thuộc về ngài bác sĩ, và chúng tôi sẽ trở thành nô lệ cho ngài. Thưa ngài, nếu ngài chữa trị cho chúng tôi, thời tuyệt vời biết bao.”

“Thưa chư vị, tôi còn quá nhiều nhiệm vụ phải làm, tôi rất bận, tôi còn phải tham vấn sức khỏe nhà vua Bimbisara của vương quốc Maghadha, cũng như chăm sóc cho các phụ nữ trong hoàng cung và cho Tăng chúng chư vị tỳ khưu đứng đầu là Đức Phật. Tôi không thể điều trị cho các vị được đâu.”

Thế rồi, có suy nghĩ khởi lên nơi những người này. Chư vị chuyên hành thiền định dòng họ Thích quả là đáng mến do giới đức và đạo hạnh. Sau khi đã dùng bữa ăn tịnh, họ nằm nghỉ trên giường che kín nắng mưa (xin đọc khoản Pc 65). Điều gì sẽ xảy đến với chúng ta, nếu chúng ta cũng xuất gia với chư vị chuyên hành thiền định họ Thích kia? Đã có chư vị tỳ khưu chăm sóc chúng ta, và Thái y Jīvaka Komārabhacca sẽ chữa trị chúng ta.” Vậy thế, sau khi đã đi đến gặp chư vị tỳ khưu, họ xin được xuất gia làm tỳ khưu, chư vị đó đã chấp nhận họ. Bấy giờ vào thời đó chư vị tỳ khưu đã chăm sóc cho nhiều người ốm đau, lại tiếp tục đi khất thực, liên tục gọi ý, “Xin hãy bố thí thực phẩm cho người bệnh. Xin hãy bố thí cho những người chăm sóc bệnh nhân.” Jīvaka Komārabhacca – trong khi chăm sóc cho rất nhiều chư vị tỳ khưu đau ốm – lại sao lãng một số nhiệm vụ đối với nhà vua.

Sau đó, có một người bệnh kia mắc phải năm loại bệnh liên đi đến Thái y Jīvaka Komārabhacca... [giống như trên]. Thế rồi ý nghĩ khởi lên nơi người đó, “... Điều gì sẽ xảy đến với ta nếu ta cũng xuất gia với chư vị chuyên hành thiền định họ Thích kia? Đã có chư vị tỳ khưu chăm sóc ta, và Thái y Jīvaka Komārabhacca sẽ chữa trị ta.” Thế rồi chạy lại với chư vị tỳ khưu, vị này yêu cầu được xuất gia. Chư vị tỳ khưu ra lệnh xuất gia cho vị đó, họ đã chấp nhận những người đó. Chư vị tỳ khưu chăm sóc cho vị đó, và Thái y Jīvaka Komārabhacca chữa trị cho vị đó. Thế rồi sau khi đã khỏi bệnh vị đó đã hoàn tục.

Thế rồi thái y Jīvaka Komārabhacca nhìn thấy người đó hoàn tục, vừa nhận ra người đó, thái y liền

nói với ông ta, “Thưa ông, chẳng phải ông đã xuất gia cùng với chư vị tỳ khưu đó sao?”

“Vâng, Thưa bác sĩ.”

“Nhưng vì lý do gì ông lại hành động như vậy?”

Sau đó, ông kể lại sự việc cho thái y Jīvaka Komārabhacca nghe. Thái y Jīvaka Komārabhacca vô cùng bức mình khó chịu và sự việc lan truyền đi khắp nơi. “Làm sao chư Thiện Thệ có thể cho phép con người bệnh hoạn mắc phải năm chứng bệnh nan y như vậy xuất gia?” – Mv.I, 39.1-6

Ba chứng bệnh này đã được thảo luận trong các tập Chú giải. Bệnh cùi, theo tác phẩm Kurundi, bao gồm cả chứng bệnh ghê và cả bệnh vàng da nữa. Nếu chứng bệnh này xuất hiện nơi những nốt ruồi nhỏ, có kích cỡ bằng đầu móng tay, trong những vùng bị phủ kín khi mặc áo cà sa, và với điều kiện chứng bệnh đó không lan rộng thêm nữa, thời vị đó chẳng nên xuất gia. Nếu những mụn đó để lộ trên mặt hay đằng sau bàn tay, thời nếu như có nhỏ đến cỡ nào và không lan rộng, vị đó chớ nên xuất gia. Nếu vị đó đã chữa trị và những vết mụn đó biến mất hoàn toàn, vị đó có thể xuất gia. Tập Chú giải phụ ghi thêm ở đây là “đầu móng tay” có nghĩa là bằng đầu móng ngón tay hay ngón chân út; nếu những vết mụn đó nhỏ và nằm trong vòng bị che phủ kín khi ta mặc y cà sa nhưng lại tiếp tục lan ra vùng khác, thời tập sinh chẳng nên xuất gia làm gì.

Ung nhọt, theo tập Chú giải cũng che phủ khắp khiến cho da trở nên sần sùi trông giống như những ngón tay hay những nắm vú bò vậy. Nếu những ung nhọt đó không lan rộng ra, không rộng hơn những hột táo ta (cùng kích cỡ với hột ô-lưu) và ở những vùng được phủ kín khi ta mặc y cà sa, tập sinh có thể xin xuất gia; nếu những ung nhọt đó mọc trên những vùng da không được che kín, vị đó chẳng nên xin xuất gia làm gì. Mụn trứng cá trên mặt không được coi như là ung nhọt nằm ở khoản luật này.

Chứng động kinh kể cả chứng bệnh nặng hay nhẹ cũng như những trường hợp bị ma thần ám ảnh (ma nhập).

(b) Một người có bướu cổ. Hình như chứng bệnh này không thể chữa trị được vào thời đó. Hiện nay nếu người đó được trị khỏi bệnh, vị đó có thể xuất gia.

(c) Một người bị những bệnh “quá xấu”. Tập Chú giải cho rằng chứng bệnh này có nghĩa là dị tật hay chứng bệnh vô phương cứu chữa, như chứng bệnh hen, bệnh thận, v.v... Bệnh Sida và Ung thư có thể được coi như là những chứng bệnh nan y (còn tiếp). ■

Thiền có lợi cho thai nhi



Thụy Ân (theo vnexpress)

Thiền giúp mẹ giảm stress, ít triệu chứng ốm nghén, giải tỏa các cơn mất ngủ, táo bón, mệt mỏi, đồng thời tăng cường miễn dịch cho cơ thể, tăng hormone hữu ích...

Nói về tầm quan trọng của thiền, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc - cố vấn sách thai giáo Hội quán các bà mẹ TP. HCM giải thích, người nghén nặng, thân thể và tinh thần luôn trong tình trạng mệt mỏi nên khó tập trung làm tốt công việc của mình hay đảm bảo các sinh hoạt hàng ngày. Thiền là biện pháp giúp giải tỏa những căng thẳng này. Trong thai kỳ, thiền không chỉ mang lại lợi ích cho riêng mẹ mà thai nhi cũng được thụ hưởng.

Cụ thể, thiền giúp người mẹ giảm stress, giảm triệu chứng ốm nghén, giải tỏa các cơn mất ngủ, táo bón, mệt mỏi, đồng thời tăng cường miễn

dịch cho cơ thể, tăng các hormone hữu ích (endorphine) giảm đau, giảm hormone có hại (cortisol, epinephrine). Thiền cũng giúp tăng khả năng tiết sữa, giảm tình trạng tăng huyết áp, tránh nguy cơ tiền sản giật.

Thiền trong quan niệm của nhiều người là tư thế "thiền khuôn mẫu" kiết già, bán già (ngồi thẳng lưng, hai chân xếp bằng thành tư thế hoa sen). Nhưng với các chuyên viên y tế, thiền là thời điểm thân tâm an lạc, thư giãn, tĩnh lặng nhờ các kỹ thuật đơn giản như thở bụng và kiểm soát hơi thở. Vì vậy, có thể "thiền khi đang rửa chén, thiền khi nghe nhạc v.v..."

Khi thai lớn, thiền giúp mẹ cảm nhận các cơn gò, hiểu những cơn co thắt nên sẽ biết vận dụng liệu pháp thở đúng cách để vượt qua khó chịu. Thiền giúp tác động lên nhau thai, tăng cường chuyển tải oxy, các chất dinh dưỡng. Bên cạnh đó, thiền cũng giúp tăng cường mối quan hệ kết nối giữa mẹ và con - một hình thức thai giáo (dạy thai tử trong bụng mẹ); để mẹ tự tin với vai trò làm mẹ, nuôi con... ■



NGŨ CĂN, NGŨ LỰC

Những Phương Tiện Trên Con Đường Tu Chứng

Tuệ Thiện
(tiếp theo & hết)

ĐỊNH

Định là trạng thái tâm dừng lại, trụ lại, hội nhập trên đối tượng. Tâm và đối tượng trở thành một, giữa chủ thể và khách thể không còn là hai. Giống như khi ta bấm nút "Arrêt sur image" trên máy truyền hình, hình ảnh sẽ dừng lại.

Có 3 mức độ định tâm:

- Mức sơ định: (parikamma samadhi) bình thường ai cũng có, đối tượng xuất hiện rõ trong tâm, đủ để tâm biết mà không bị các hình ảnh khác chen vào làm rối loạn. Nếu không thì trở thành một trường hợp bệnh lý (hyperactivité mentale, diffuence).

- Mức cận định: (upacara samadhi) với sự luyện tập thiền, tâm trở nên an tịnh, vắng lặng, đối tượng có thể được thay thế bởi một hình ảnh tương tự thật rõ gọi là tợ tướng (image double similaire). Khi tợ tướng xuất hiện thì ta biết tâm đang ở trạng thái cận định, có thể sắp nhập vào sơ thiền.

- Mức toàn định hay an chỉ định: (appana samadhi) từ cận định tâm sẽ nhập toàn định, thấp nhất là Sơ thiền với 5 chi thiền xuất hiện đầy đủ ở trong tâm là: tầm, sát, phi, lạc, định.

* Lên nhị thiền tâm chỉ còn phi, lạc, định.

* Lên tam thiền tâm chỉ còn lạc, định.

* Lên tứ thiền tâm chỉ còn định và xả.

Trong 4 mức thiền này, tâm nhập Toàn định.

Thiền sư Brahm trong quyển "Cẩm nang của người tu thiền" đã mô tả những đặc điểm lúc nhập định như sau:

1- Không thể có ý tưởng khởi lên

2. Không có tiến trình tạo ra quyết định

3. Không thể đạt được sự hiểu biết bình thường

5. Hành giả hết sức tỉnh giác, nhưng chỉ tỉnh giác về niềm hỷ lạc bất động

6. Năm giác quan hoàn toàn đóng kín, chỉ có giác quan thứ 6, là tâm, là đang hoạt động mà thôi (trang 260).

Khi hành thiền Chỉ, hành giả có thể tiến đạt đến Tứ thiền (sắc giới) hoặc Bát thiền (thêm 4 mức thiền vô sắc giới nữa). Mức định ở đây rất là sâu mạnh, không thể lay chuyển, không bị ô nhiễm. Nhưng khi xả thiền rồi và nếu không tiếp tục tu tập thì tâm vẫn chứng nào tật nấy, không được chuyển đổi. Đức Phật khi còn là Bồ tát, cũng đã chứng đắc đến Bát thiền, nhưng Ngài cảm thấy tâm vẫn chưa được thanh lọc, nên Ngài phải từ bỏ và tìm một con đường tu tập khác là thiền Quán.

Khi hành thiền Quán, hành giả phải mở rộng sự chú tâm, thay vì chỉ chánh niệm trên một đề mục duy nhất, bây giờ phải lấy thêm đề mục thân, thọ, tâm, pháp. Nếu chánh niệm, giác tỉnh liên tục không gián đoạn trong suốt thời gian hành thiền trên các đề mục trên, tâm hành giả ở trong trạng thái "Cận định" (khanika samadhi) nghĩa là định dời đổi liên tục trên các đối tượng khi nó xuất hiện ở trong tâm, không sớm thì muộn, hành giả sẽ chứng ngộ đúng như ngài Lục Tổ Huệ Năng đã ghi nhận "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm".

TUỆ

Phật giáo là một tôn giáo của Trí tuệ và Từ bi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đắc đạo nhờ Trí tuệ, ý niệm Trí tuệ có mặt bằng bạc trong khắp giáo lý của Đức Phật.

- Trong Tứ Niệm xứ: tinh tấn, chánh niệm, giác tỉnh

- Trong Tứ Thần Túc: dục, cần, tâm, thẩm

- Trong Ngũ Căn, Ngũ Lực: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ

- Trong Thất Giác Chi: Niệm, Trạch Pháp, Tấn, Hỷ, An, Định, Xả.

- Trong Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, Chánh Tư duy.

- Trong Vi Diệu Pháp: Trí tuệ là một tâm sở thiện rất quan trọng trong 52 tâm sở.

- Trong Tứ Vô Ngại Trí là trí tuệ phân tích, biện giải không trở ngại về Phật pháp cũng như thế gian pháp.

- Trong Thiền Quán phải trải qua 16 cái Tuệ mới chứng đạt Tu đà hoàn.

- Khi đắc đạo thì Đạo Tuệ và Quả Tuệ là những Tuệ giác thấy rõ Niết bàn.

Trong Phật giáo, người ta thường đề cập đến 3 loại Trí tuệ:

- Trí văn là sự hiểu biết do học hỏi. Kết quả của nó là những kiến thức về các giáo lý căn bản của đạo Phật, kiến thức về lịch sử Phật giáo qua các thời đại hay qua các quốc gia khác nhau và những kiến thức ứng dụng của đạo trong đời sống để giúp nhân loại thoát khổ, được an vui hòa bình.

- Trí tư là sự hiểu biết do sự suy nghĩ, luận xét, phân tích, tổng hợp. Kết quả của nó là khả năng phân tích, biện giải giúp ta phân biệt đâu là sự thật, đâu là giả tạo; đâu là điều thiện, đâu là điều ác; đâu là bản chất, đâu là hiện tượng.

- Trí tu là trí tuệ trực giác bừng sáng do sự rèn luyện, thực hành thiền định. Ở đây Trí Tuệ không phải là sự hiểu biết nhưng là cái khả năng sử dụng, áp dụng sự hiểu biết; nó là sự tổng hợp chớp nhoáng của tất cả các loại trí tuệ ở trên, trong một giây phút hiện tại để khám phá bản chất thật sự của vạn hữu, khám phá những định luật chi phối thân và tâm. Trong phút chốc nó tiêu rụi những phiền não lậu hoặc, nó đâm thủng màn vô minh, tà kiến và đưa đến sự giải thoát cùng tột.

Về phương diện thực hành, trí tuệ khởi đầu với sự giác tỉnh trên 4 đối tượng Thân, Thọ, Tâm, Pháp; với sự tinh tấn dùi mài, từ từ hành giả sẽ phân biệt được danh, sắc là Tuệ đầu tiên của thiền Tứ Niệm Xứ, tương đương với sự kiến tánh của thiền Tông (kiến tánh khởi tu). Sau đó, với sự làm việc công phu của ngũ căn, ngũ lực trên đối tượng Danh, Sắc,

hành giả sẽ chứng nghiệm được vô thường, khổ, vô ngã (tuệ thứ 3).

Sau đó ngũ căn, ngũ lực tiếp tục quán chiếu ba Pháp ấn trên sẽ lần lượt chứng nghiệm những sự thật của thân, tâm (danh, sắc) này, chứng nghiệm những định luật chi phối thân, tâm (từ tuệ thứ 4 đến tuệ thứ 13). Từ Thất Giác Chi sẽ xuất hiện để phát hiện Đạo Tuệ và Quả Tuệ (tuệ 14-15). Đạo tuệ, Quả tuệ phát hiện Niết bàn, đối tượng của chúng là Niết bàn. Đến đây một phần hoặc tất cả phiền não vô minh sẽ được diệt tận tùy theo trình độ chứng ngộ 1 trong 4 thánh quả của đạo Phật: Tu đà hoàn, tứ đà hàm, A na hàm, A la hán.

Ngũ căn là phương tiện giúp ta tiến bước trên con đường tu chứng. Khi đã được rèn luyện, dùi mài, ngũ căn sẽ trở thành ngũ lực, sẽ chiến đấu hiệu quả để triệt tiêu năm triền cái. Nếu ngũ lực được phát triển điều hòa một cách quân bình thì Thất Giác Chi sẽ xuất hiện để làm hiển lộ mục tiêu cuối cùng là Bát Thánh Đạo. Bát Thánh Đạo sẽ có mặt tròn đủ khi tâm chứng ngộ Niết bàn. Đến đây không còn việc gì để nói nữa. Ngũ căn là 5 khả năng tinh thần có ít nhiều trong người hành giả đã biết cách hành Tứ Niệm Xứ. Họ đã biết cách chiến đấu để chống lại 5 triền cái.

- Tín căn chống lại Hoài nghi.

- Tấn căn chống lại lười biếng, uể oải.

- Niệm căn chống lại hôn trầm, thụy miên.

- Định căn chống lại trạo cử, phóng dật.

- Tuệ căn chống lại Tham, Sân, Si hoặc tình trạng quá Định.

Ngũ lực là Ngũ căn đã phát triển một cách thuần thục, mạnh mẽ, nó có mặt thường trực nơi một hành giả đã tu luyện công phu, khi hành giả cần đến là nó có mặt tức khắc. Chẳng hạn hành giả có thể nhập thiền bất cứ lúc nào và ở đâu, hoặc xuất thiền bất cứ lúc nào và ở đâu. Có thể kéo dài hay chấm dứt nhập thiền.

Làm quân bình 5 căn, ngũ lực trong ngũ căn, ngũ lực, niệm lúc nào cũng phải được củng cố và làm tăng trưởng. Đức Phật dạy: "Vì sao tâm phải nương vào niệm, phải có niệm phòng hộ cho tâm? vì rằng: Khi có niệm, tâm không quá lừng lẫy, cũng không quá lui sụt" (Tăng chi bộ kinh) Niệm được ví như người thủ tướng một chính phủ, vị này phải có đủ uy tín, được tin cậy bởi những bộ trưởng (Tín), phải siêng năng hăng hái làm việc (Tấn), phải sáng suốt nhìn xa, thấy rộng (Tuệ) và phải bình tĩnh, vững tâm, không bị lung lạc (Định). (xem tiếp trang 57).

Viếng thăm Myanmar xứ sở của xá lợi Phật

Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng

Ngày mùng 1 tháng 6 đoàn chúng tôi lên đường. 32 thầy trò, trong đó có 16 tăng ni và 16 cư sĩ. Đại đức Thích Minh Đồng – trụ trì chùa Hưng Khánh, TP Hà Nội là trưởng đoàn. Chuyển đi tuyệt vời trên mọi mong đợi.

Cứ sau lễ giỗ Thượng tọa Thích Viên Thành, hàng năm, thầy trò chúng tôi xuất quân lên đường về đất Phật. Ba năm gần đây nhất là về Ấn Độ, Nepal, đi Trung Quốc đến với đạo tràng của 2 ngài Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền Bồ Tát, với đạo tràng của 2 ngài Quán Thế Âm và Địa Tạng Vương Bồ tát. Năm nay chúng tôi lên máy bay đi Hà Nội – Yangon về đất Phật với những ngôi chùa vĩ đại, quý giá, linh thiêng và có nhiều xá lợi Phật. May thay được bay thẳng chứ không phải transit như trước đây qua Bangkok nữa. Công ty sách Thái Hà có 3 thầy trò: Tôi, em Thanh Hương – Giám đốc Marketing từ Sài Gòn ra và Đức Hải của Hà Nội.

Đêm đầu tiên tôi ngủ rất ngon lành, sau chuyến bay thẳng từ Hà Nội sang. Trong mơ hình như tôi vẫn thấy những người đàn ông mặc váy (nói chính xác nhất là quần xà rồng), thấy những người dân Myanmar của thế kỷ XXI bồm bẻm nhai trầu, thấy thành phố với 6 triệu dân Yangon không hề có xe máy, thấy những khuôn mặt hiền lành, phúc hậu đến khó tin của người dân đất Phật. Ngay đêm đầu tiên, tôi biết mình đã đến xứ sở của xá lợi Phật thật rồi.

Sáng đầu tiên ngủ dậy tôi đã háo hức để đến thăm 2 ngôi chùa ý nghĩa: Kaba Aye và Shwe Tew. 2 ngôi chùa này vốn được biết đến nhiều với 2 cái tên đúng theo tính chất của ngôi chùa: Chùa Xá Lợi Xương và Xá Lợi Răng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phải nói thật là 2 ngôi chùa rất đẹp, được dát rất nhiều vàng, uy nghi và tràn đầy năng lượng. Đến

đâu thầy Thích Minh Đồng cũng làm lễ rất trang nghiêm: quý thầy đắp y vàng, quý Phật tử mặc áo choàng nâu hay lam. Thầy trò cùng nhau tụng kinh, niệm Phật và không quên đi nhiễu quanh tháp thờ xá lợi.

Sự ngạc nhiên của tôi chính là ở chùa Vàng vĩ đại Shwedagon nổi tiếng thế giới. Chúng tôi đến đó buổi chiều sau bữa cơm trưa. Trước đó, chúng tôi đã được đến thăm 1 thiền viện nơi có rất nhiều tăng và những chú tiểu còn rất nhỏ tuổi. Tôi đã xúc động vô cùng khi trực tiếp chứng kiến bữa trưa của hàng trăm vị. Tôi đã quá xúc động khi các sư nhỏ trải thảm, kê ghế để sư trưởng và các sư lớn đón tiếp khi chúng tôi cúng dường. Xúc động hơn khi nghe quý sư tụng kinh chúc phúc.

Cả đoàn thật sự sửng sốt trước tòa Tháp Vàng trung tâm khổng lồ cao 99m được bao quanh bởi khoảng 1.000 tháp đơn thể hoàn chỉnh. Cạnh đó cũng là 1 tháp khác lớn nhưng thấp hơn tháp chính này. May thay chúng tôi gặp được 1 Phật tử chuyên gia Myanmar nên anh dành thời gian đưa chúng tôi đi thăm từng nơi. Nhất là ngắm kỹ, chiêm bái lâu 2 tháp chính. Chúng tôi được giải thích rằng có 2 tháp bởi câu chuyện của 2 anh em nhà thương gia năm xưa. Thế là câu chuyện của 2 anh em thương gia cách đây 2.600 năm hiện về.

Ngày đó 2 anh em thương gia Đế Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika) năm xưa từ Trung Ấn trở về phía Bắc, đi qua khu rừng nơi Đức Thế Tôn mới thành đạo. Đến đây họ thấy lo âu, sợ hãi. Tự nhiên, họ nghe từ không trung vang vọng xuống rằng "Này các thương gia, ở khu rừng này chỉ có Đức Như Lai, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài mới chứng đạo quả Vô lượng Bồ Đề, hiện Ngài đang an trú trong khu rừng này. Kể từ ngày thành đạo đến nay, trải qua 49 ngày, Ngài chưa thọ dụng

bất cứ vật thực gì. Vậy quý vị hãy đem mạch nha, mật, tô lạc đến để cúng dường Ngài. Quý vị sẽ có được sự an ổn lâu dài, sẽ có an lạc và lợi ích lớn.”

Nghe thấy những âm thanh kỳ diệu này, 2 thương gia Đễ Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika) đã tìm đến Đức Phật, với tâm thành kính, với niềm tin thanh tịnh cúng dường Ngài.

Một thông tin khác, rằng ngay lúc đó Đức Phật cũng nhận sự cúng dường bình bát của Tứ Thiên Vương dâng để nhận thức ăn.

Sau khi thọ dụng thực phẩm xong Đức Phật đã có bài pháp thoại với 2 vị thương gia và gia quyến của họ đi theo đoàn. Đức Phật dạy họ nường tựa Phật, nường tựa Pháp, nường tựa Tăng, thọ trì 5 giới để có an lạc lâu dài, để thu hoạch được nhiều lợi ích lớn lao.

Tất cả những người có mặt khi đó đã thọ nhận 3 Pháp, 5 giới và thành những Phật tử đầu tiên của Đức Phật. Bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật cho 2 vị thương gia Đễ Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika) và gia quyến rằng: *"Quý vị muốn tự lợi và lợi tha cho tất cả, muốn mong cầu có được đạo lý để dẫn đường cho thế gian thì phải nường tựa Phật, Pháp, Tăng, phải phát tâm mà được quả báo tốt đẹp. Vì thực hành được hạnh cao quý, rộng lớn mà chúng được giới hạnh khó nghĩ bàn, chúng được đạo lý tối thắng, vô thượng."*

Người thực hành hạnh bố thí có thể chúng đắc quả báo này. Họ thấy rõ tính chất chân thật của toàn thể vũ trụ và có thể chứng đạo, đầy đủ trí tuệ. Do bậc Thánh có cách nhìn chính xác như vậy nên các Ngài được gọi là Bậc có chánh niệm, mở ra các trói buộc của trần lao, đạt được vô úy, chúng đắc Đại Niết bàn, giải thoát tất cả khổ về thế gian, đầy đủ tất cả các thiện pháp, nên các bậc Thánh đều ca ngợi pháp này là pháp tôn quý, hoàn toàn không còn sinh, lão, bệnh, tử, tận diệt mọi sầu muộn về oán tằng và ái biệt, các Đức Thế Tôn trong 10 phương đều ca ngợi niềm vui này vì đã đạt đến nơi không còn sinh tử."

Đức Phật cũng đã chúc lành cho 2 vị thương gia Đễ Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika) cùng người và vật để họ đi về xứ của họ tốt đẹp, an lành. Trước khi tạm biệt 2 vị thương gia đã xin Đức Phật cho 1 vật gì đó để làm kỷ niệm. Họ muốn dùng vật quý đó để xây tháp thờ bởi sợ khó có cơ hội được gặp lại. Họ sẽ xem tháp và vật kỷ niệm như chính Đức Phật đang có mặt.

Đức Phật đã cắt 1 ít tóc và móng tay tặng cho 2 thương gia Đễ Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika). Ngài cũng dạy rằng: *"Nếu có 1 phiền đả*



Hai Thương buôn tên Tapassu và Bhallika cúng dường Đức Phật bữa cơm

nào từ trên không trung rơi xuống, bất cứ chỗ nào trên quê hương của quý vị thì ở chỗ ấy, quý vị hãy xây tháp báu để tôn kính cúng dường."

Khi đó 2 vị thương gia đều nghĩ rằng tóc và móng tay là những vật bỏ đi, không phải là pháp đặc biệt hay màu nhiệm và rằng nếu đem tâm cúng dường là không phù hợp. Biết ý nghĩ của họ, Đức Phật liền kể câu chuyện từ xa xưa, từ vô lượng kiếp về trước, có Đức Phật Nhiên Đăng ra đời. Khi đó Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn là 1 vị Bà La Môn. Khi Đức Phật Nhiên Đăng đi vào thành Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca khi đó đã dùng 5 cành hoa thanh ưu bát la để che cho Đức Phật Nhiên Đăng. Đức Phật Nhiên Đăng liền thọ ký trong tương lai Ngài sẽ thành Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật cũng kể cho 2 anh em thương gia tiếp rằng sau khi Ngài cạo bỏ râu tóc, xuất gia ở trong giáo pháp của Đức Phật Nhiên Đăng thì mỗi vị Chư Thiên lấy 1 sợi tóc của Ngài và đi đâu cũng mang theo để cúng dường. Từ ngày thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng Phật nhãn để nhìn, Ngài thấy từ đó đến nay, những chúng sinh ấy, không có chúng sinh nào gần gũi bên các Đức Phật mà không chúng đắc sự an tịnh của Niết bàn.

Đức Phật cũng dạy rằng, khi đó Ngài chưa thoát được tham sân si mà các chúng sinh cúng dường tóc của Ngài mà còn chúng đắc Niết bàn hưởng chi là khi này Ngài đã đoạn tận tất cả các phiền não, đã tiêu diệt hết tham sân si thì không có lý do gì mà 2 vị thương gia Đễ Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika) không tôn kính tóc và móng tay thanh tịnh và vô nhiễm của Ngài.

Các thương gia đã ngay lập tức sinh tâm thành kính, hết lòng cung kính tóc và móng tay của Ngài. Họ đánh lễ và đi quanh Đức Phật 3 vòng rồi từ giả để về trú xứ của mình. (Trích trong Phật Bản Hạnh Tập Kinh 32, trang 801 - 803) (còn tiếp).■

Quách Tuấn Du



Gần đây, Phật tử khắp nơi đã được nghe các ca khúc Phật giáo do Quách Tuấn Du thể hiện rất thành công trong Album ca nhạc Phật giáo "Ca ngợi đức Thế Tôn" do chùa Hoằng Pháp thực hiện. Ngoài việc phát hành album ca nhạc Phật giáo, Quách Tuấn Du còn tham gia các chương trình văn nghệ Phật giáo tại các chùa và các hoạt động Phật giáo khác. Phóng viên có cuộc trò chuyện với ca sĩ Quách Tuấn Du. Xin được giới thiệu tới độc giả cuộc trò chuyện này:

LÀM SAI ĐIỀU GÌ ĐÓ NGHĨ TỚI PHẬT SẼ BIẾT DỪNG LẠI ĐÚNG LÚC

Nguyễn Thành Trung
(PD: Phúc Thiện)

Trước hết, xin cảm ơn ca sĩ Quách Tuấn Du đã dành thời gian trả lời phỏng vấn.

PV: Quách Tuấn Du (QTD) có thể chia sẻ với bạn đọc là QTD đã đến với đạo Phật từ bao giờ và nhân duyên gì đã đưa anh đến với âm nhạc Phật giáo?

Quách Tuấn Du: Tuấn Du là người theo đạo Phật, từ nhỏ đã biết phân biệt những đạo của các tôn giáo khác, ảnh hưởng sự nhận thức sớm này là từ bà nội, cũng từ đó Tuấn Du luôn nhận ra rằng: Dù bất kỳ tôn giáo nào thì cái tâm thiện sẽ giúp cho một con người luôn thanh thản và sống không bao giờ day dứt, cho nên, lúc nào Tuấn Du cũng nghĩ đến những ngôi chùa nơi có thể làm cho những ai làm sai một điều gì đó nhưng khi nghĩ tới Phật thì người đó sẽ biết dừng lại đúng lúc, kịp thời khi chưa lún sâu vào những điều sai phạm đó.

PV: Được biết QTD là một ca sĩ khá bận bịu với các buổi biểu diễn ở trong nước cũng như nước ngoài. Vậy QTD đã sắp xếp thời gian như thế nào cho việc thu âm các ca khúc Phật giáo hay việc đi hát cho các hoạt động Phật giáo?

Quách Tuấn Du: Là một người luôn có trách nhiệm thì dù ở bất kỳ ngành nghề nào, cương vị nào thì người đó cũng sẽ làm tốt những công việc mà mình yêu thích và mình đã chọn. Nhưng với nghề ca hát thì phải nói là thời gian không cố định

và làm việc bằng cảm xúc. Ví dụ như: thu âm và khi lên sân khấu tâm trạng phải luôn nhập tâm, dù xung quanh đang xảy ra bất cứ điều gì. Bởi vì nếu tâm không tịnh thì sẽ dễ bị tâm lý, cho nên khi biết và nghĩ đến nhân duyên thì mọi việc sẽ được giải quyết một cách nhẹ nhàng mà không bao giờ bị bế tắc.

PV: Ngoài việc hát các ca khúc Phật giáo ở chùa anh còn tham gia các hoạt động xã hội nào khác liên quan đến Phật giáo không?

Quách Tuấn Du: Tuấn Du hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc tự do cho nên tất cả hoạt động nào



mình có thể tham gia được là sẵn sàng tham gia. Ngoài việc tham gia hát các ca khúc Phật giáo và các hoạt động Phật giáo, Tuấn Du còn tham gia vào các tổ chức thiện nguyện, các công tác xã hội khác (nếu thời gian cho phép).

PV: Trong các ca khúc mang âm hưởng Phật giáo mà QTD đã thể hiện thì anh tâm đắc với ca khúc nào nhất và vì sao?

Quách Tuấn Du: Đúng là kể từ khi âm nhạc Phật giáo ra đời, Tuấn Du là một trong số những ca sĩ dành rất nhiều thời gian thu âm cho những ca khúc nhạc Phật, dù biết rằng đây là loại nhạc mới và không nghĩ đến lợi nhuận hay sau này sẽ làm bề nổi trong sự nghiệp... Với Tuấn Du những bài hát đầu tiên khi nhận lời đi hát thì chỉ nghĩ là hát cho tâm hồn được nhẹ nhàng, thanh thản vì lời trong bài hát như những lời kinh khi chấp tay lạy Phật. Có thể khán giả của mình sẽ không cảm nhận được, nhưng những ai đã từng tu tập sẽ hiểu và thích loại nhạc mới này. Ví dụ như bài: "Thích Ca Mâu Ni Phật", khi hát như một bài kinh, bài "Biết bao giờ" sáng tác của nhạc sĩ Tâm Tường với nội dung như một lời động viên cho những người đang gặp bế tắc khi nghe tìm được sự đồng cảm sẽ lấy lại được thăng bằng trong cuộc sống, để rồi xem cuộc đời nhẹ như một áng mây...

PV: Anh có nghĩ rằng âm nhạc Phật giáo cũng là một phương tiện để hoằng pháp hay không? Và làm thế nào để đưa được các ca khúc Phật giáo đến với người nghe một cách hiệu quả nhất?

Quách Tuấn Du: Có nhiều bạn trẻ bây giờ rất say mê với những bài nhạc Phật giáo mà Tuấn Du đã cảm nhận trong những buổi biểu diễn trong các hoạt động Phật giáo. Số lượng khán giả xem rất đông, đôi khi đông hơn những chương trình bán vé thương mại. Đó cũng là minh chứng cho thể loại nhạc này tuy chỉ mới được phổ biến trong thời gian gần đây. Nhiều bạn trẻ cũng từ khi biết và hiểu âm nhạc Phật giáo, các bạn cũng đã tham gia vào các khóa tu rồi sau đó xin được quy y Tam bảo. Đó cũng là dấu hiệu tốt cho sự phát triển của đạo Phật, cũng là cách tạo niềm tin yêu cho mọi người để họ thấy được rằng, âm nhạc Phật giáo rất nhiệm mầu. Theo Tuấn Du nghĩ, cách phổ biến nhất để người người biết nhiều về hình thức âm nhạc này là thông qua việc tổ chức các hoạt động khóa tu mùa hè, phát hành album karaoke Phật giáo hoặc có những diễn đàn hay các trang mạng âm nhạc Phật giáo lớn, cho phép đăng tải các bài hát Phật giáo, các album nhạc Phật giáo. Đó là cách đưa các ca khúc Phật giáo đến với người nghe một cách hiệu quả nhất.

PV: Khi thể hiện các ca khúc Phật giáo anh có



thấy nhạc Phật giáo khác gì so với các ca khúc nhạc trẻ mà anh đã thể hiện rất thành công hay không?

Quách Tuấn Du: Đây là hai loại thể loại nhạc rất khác nhau, lời các ca khúc nhạc trẻ thì dễ thể hiện hơn, còn các ca khúc Phật giáo như lời kinh Phật, nếu không nghiên cứu sẽ hát như trả bài. Vì vậy khi Tuấn Du hát nhạc Phật giáo cũng phải tập trung thả hồn nhẹ nhàng, không suy nghĩ hoặc ủy mị như hát nhạc trẻ...

PV: QTD có kế hoạch hay dự định gì cho sự nghiệp ca hát của mình nói chung và cho âm nhạc Phật giáo nói riêng? Ngoài ra, cho đến thời điểm hiện nay thì anh đã phát hành được bao nhiêu Album ca nhạc Phật giáo?

Quách Tuấn Du: Hiện tại, Tuấn Du đã phát hành CD "Tuyệt phẩm vàng Lam Phương" CD với chủ đề "Trăm Nhớ Ngàn Thương" cùng với ca sĩ Như Ý và chuẩn bị phát hành album này dưới dạng DVD live show được thu hình và có cả karaoke. Song song đó Tuấn Du cũng đang tìm thêm các bài hát nhạc Phật để phát hành cuốn CD nhạc Phật giáo số 2 vì CD số 1 đã phát hành rất thành công do chùa Hoằng Pháp sản xuất với chủ đề "Ca Ngợi Đức Thế Tôn"... Và nhiều bài hát nhạc Phật khác mà Tuấn Du đã thu âm cho các album tổng hợp, khán giả có thể tìm và nghe trên các trang mạng hoặc mua CD ở các chùa lân cận. Vừa qua Tuấn Du cũng đã góp mặt tại đêm nhạc "Lạy mẹ Quan Âm" tại chùa Phúc Linh, thôn Đồng Dụ, xã Đặng Cương, huyện An Dương, Hải Phòng. Toàn bộ đêm nhạc đã được BTC ghi hình và xuất bản 5000 đĩa DVD. Chương trình đã được công chúng đón nhận một cách hoan hỷ và yêu mến.

PV: Xin cảm ơn anh đã dành thời gian trả lời phỏng vấn, chúc anh thân tâm thường an lạc và luôn thành công trong lĩnh vực ca hát của mình cũng như những dự định tương lai sắp tới. ■

10 LÝ DO ĐỂ MỈM CƯỜI

Long Hồ (sưu tầm)

- 1-** Mỉm cười đẹp hơn cái nhú mày của chúng ta.
- 2-** Mỉm cười làm chúng ta vui vẻ thêm.
- 3-** Mỉm cười khiến ngày tháng chúng ta đã và sắp đi qua trở nên có ý nghĩa.
- 4-** Mỉm cười giúp ích đối với việc kết bạn.
- 5-** Mỉm cười biểu thị sự thân thiện, dễ gần.
- 6-** Mỉm cười tạo nên một ấn tượng tốt cho người khác.
- 7-** Mỉm cười với người khác, người khác cũng sẽ mỉm cười với bạn.
- 8-** Nếu bạn mỉm cười thì bạn càng trở nên tự tin và thu hút hơn.
- 9-** Nụ cười của bạn sẽ làm giảm bớt sự lo lắng của người khác.
- 10-** Một nụ cười có thể giúp bạn có tình yêu đích thực.

PHẨM CHẤT TÔN GIÁO CẦN THIẾT CHO CUỘC ĐỜI

Viên Trí

Thái độ hành xử trên của Đức Phật có lẽ là phẩm chất tôn giáo mà thế giới thời nay đang tìm kiếm. Một trong những yếu tố khiến con người của thế giới văn minh đương thời quan tâm đến Phật giáo là đặc tính nhân bản của Đức Phật. Trên bình diện lịch sử, phần lớn giáo chủ các tôn giáo trên thế giới đều là thượng đế, đấng sáng thế, thánh thần, hoặc là nhân vật thần bí được mặc khải xuống trần gian để thế thiên hành đạo. Những nhân cách như thế có lẽ khó có sự đồng cảm với thể thái nhân tình của con người trong cuộc sống đời thường. Bởi lẽ, ai đã từng khổ đau vì đổ vỡ hạnh phúc, tuyệt vọng vì thất bại trong cuộc sống mới cảm nhận được giá trị của niềm khích lệ, chia sẻ và cảm thông. Một nụ cười, một lời động viên, một sự an ủi trong những tình huống như thế sẽ là chiếc phao cứu sinh giữa biển đời đau khổ. Nói theo ngôn ngữ của đại thi hào Nguyễn Du "Đoạn trường ai có qua cầu mới hay". Không ai cảm nhận một cách sâu sắc nỗi đau sanh lão bệnh tử, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ... của con người bằng chính con người! Không ai thấu hiểu được

hạnh phúc lớn lao của người mẹ khi thấy đứa con chính mình sinh ra lớn khôn từng ngày bằng chính những bà mẹ. Nói khác đi, chỉ có con người mới biết con người nghĩ gì, thích gì, khát khao điều gì...! Chỉ có con người mới cảm nghiệm được hạnh phúc cũng như nỗi đau về thân xác lẫn tinh thần của con người! Lý tưởng sống của tôn giáo nào giải quyết được yêu cầu trên chắc chắn sẽ được con người chấp nhận. Vì lẽ, khi được cảm thông và chia sẻ người ta dễ dàng lắng nghe nghệ thuật sống đưa đến sự an bình của nội tại ấy.

Giáo chủ của đạo Phật là một con người lịch sử! Ngài tên là Siddhattha (Tất-đạt-đa), con vua Suddodhana (Tịnh Phạn) và hoàng hậu Maya của nước Sakya (Thích Ca) thuộc đất nước Nepal ngày nay. Trước khi trở thành Phật, bậc giác ngộ được nhân loại tôn kính và quy ngưỡng, thái tử Siddhattha cũng sinh ra và lớn lên như mọi con người. Thái tử đã trải nghiệm tất cả những hương vị mặn, ngọt, chua, cay của cuộc đời; những cung bậc hỷ, nộ, ái, ố và được, mất, thịnh, suy của kiếp người. Từ đó, Ngài thấu hiểu được tâm trạng con người và cảm nhận được giá trị thật của kiếp người. Ngài biết cần phải hành xử như thế nào để

giúp đồng loại trong từng tình huống cụ thể. Vì vậy, dù được thế giới kính ngưỡng, tôn xưng là Thế Tôn, bậc thầy của trời người sau khi tìm ra con đường giải thoát cho tự thân và tha nhân, Đức Phật vẫn luôn ứng dụng tinh thần khế cơ khế lý trong cuộc đời hành đạo của Ngài. Chính tinh thần tùy bệnh cho thuốc, tùy căn cơ thuyết pháp đã giúp được nhiều người ra khỏi những nỗi khổ của tự thân và có được nhân duyên tiếp xúc với đạo Phật.

Kinh Tương Ưng ghi lại rằng sau khi trực tiếp nghe pháp và tu tập dưới sự giảng dạy của Đức Phật, Bà-la-môn nữ Bhannanjani thật sự kính ngưỡng Ngài và thường ca ngợi Ngài trong các hội chúng Bà-la-môn. Việc làm ấy đã khiến cho một bậc trí giả ngoại đạo là Bà-la-môn Bhadavada ganh tỵ, tức tối. Bhadavada mắng nhiếc bà Bhannanjani là ti tiện, ngu dốt vì buông lời tán thán lão Sa-môn đầu trọc Gotama (Cồ Đàm) và tuyên bố sẽ luận phá đạo sư của bà. Để thỏa mãn cơn bức tức ấy, Bà-la-môn Bhadavada đến gặp Đức Phật và vận hỏi Ngài rằng: "Giết vật gì được lạt, giết vật gì không

sầu. Có chăng một pháp gì, Ngài tán đồng giết hại! Thừa Tôn giả Gotama" (1).

Thay vì phải đón nhận sự phản hồi tiêu cực theo cách thường tình của một người bị đụng chạm tự ái, xúc phạm tự ngã, Bà-la-môn Bhadavada lại được Đức Phật vui vẻ trả lời: "Giết phần nô được lạc, giết phần nô không sầu! Pháp ấy bậc hiền thánh, tán đồng sự giết hại; giết pháp ấy không sầu" (2).

Cung cách truyền giáo đầy trí tuệ và hòa nhã ấy đã khiến Bà-la-môn ngạc nhiên, thán phục, khởi lòng ngưỡng mộ và phát tâm xin làm đệ tử tại gia của Đức Phật. Có lẽ đây là đức hạnh cần thiết mà những người mang trọng trách truyền bá tôn giáo trong bối cảnh xã hội hiện nay cần phải nghĩ đến. Đặc biệt, trong một xã hội đang tràn ngập sự thù hận, lòng ganh ghét, đố kỵ, hơn thua vì địa vị, danh tiếng và quyền lợi thì những phẩm chất tôn giáo mang đậm tính nhân văn lại cần thiết hơn bao giờ hết. Thế giới con người đang quần quai trong chiến tranh, giết chóc, đấu đá, trả thù... bởi chính sự ích kỷ, lòng tham lam, tính tự cao, tự đại, chấp thủ, định kiến của con người. Vì thế, lòng khoan dung, độ lượng, vị tha, nhân ái là chất liệu vô cùng cần thiết, có khả năng tạo nên một môi trường sống hòa bình, hữu nghị và thân thiện mà nhân loại đang hướng đến. Cách hành xử của Đức Phật được ghi lại trong Kinh tạng Pali (3) có thể xem là bài học tiêu biểu để chúng ta suy nghiệm.

Với động cơ mong muốn đá bại Đức Phật để làm rạng danh tôn giáo mình (đạo Lỗa thể), gia chủ Ưu Ba Li, người đệ tử tại gia trí thức và giàu có nhất của Nigantha Nataputta, đi đến luận chiến với Đức Phật về chủ đề triết lý nghiệp. Sau cuộc luận đàm đầy gay cấn và thú vị, cuối cùng gia

chủ Ưu Ba Li thật sự tâm phục, khẩu phục trí tuệ siêu việt và khả năng biện tài vô ngại của Đức Phật. Sau đó, Ưu Ba Li phát nguyện quy y Tam bảo và mong Đức Phật nhận ông làm đệ tử cư sĩ. Thay vì hoan hỷ và phần khích khi được một bậc trí giả, một người giàu có mong muốn được làm học trò mình, Đức Phật lại ân cần khuyên bảo Ưu Ba Li: "Này gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông". Cách hành xử một cách thận trọng và nhân ái của một giáo chủ tôn giáo với người ngoại đạo đã khiến Ưu Ba Li vô cùng kinh ngạc và kính phục và phát biểu rằng: "Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con". "Này gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông" - Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Ưu Ba Li đã trở thành đệ tử của chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông" (4).

Tuy nhiên, thái độ đầy lòng nhân ái và vị tha của Thế Tôn mới thật sự làm cho Ưu Ba Li xúc động và nhận ra được giá trị tâm linh chân thật của một bậc giải thoát, người đã hoàn toàn vượt lên những danh vọng, lợi dưỡng của cuộc đời. "Này gia chủ, đã từ lâu gia đình ông như là giếng nước, mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với ông". Lời dạy này hoàn toàn trái ngược với những gì Ưu Ba Li được nghe trước đó "Sa-môn Gotama đã nói: Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta, chớ bố thí cho những người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước đức lớn... Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các vị Nigantha" (5).

Thái độ hành xử trên của Đức Phật có lẽ là phẩm chất tôn giáo mà thế giới thời nay đang tìm kiếm để giải quyết

những sự xung đột mang nặng màu sắc cực đoan, định kiến về tín ngưỡng, tôn giáo và chủ nghĩa. Khi được học tập và ứng dụng một triết lý sống mang tinh thần vị tha, độ lượng nhưng đầy trí tuệ, giải thoát vào trong chính cuộc sống của họ, người ta sẽ rất tinh táo và sáng suốt trong việc chọn lựa một tôn giáo để tôn thờ vì mục đích hạnh phúc và an lạc cho mình và xã hội. Do vậy, mặc dầu bị người thầy cũ của mình tức ngài Nigantha Nattaputta mắng nhiếc, chê trách là đã bị huyễn thuật của Sa-môn Gotama chinh phục, lôi cuốn, cư sĩ Ưu Ba Li đã nói như sau: "Thưa Tôn giả, vi diệu thay, huyễn thuật lôi cuốn này! Tốt lành thay, huyễn thuật lôi cuốn này! Thừa Tôn giả, nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi..., nếu tất cả Bà la môn..., Vessa..., Sudda..., chư thiên và loài người được huyễn thuật này lôi cuốn, thời thật an lạc và hạnh phúc lâu dài cho bà con huyết thống thân yêu của tôi, cho Bà la môn..., cho Vessa... cho Sudda... cho chư thiên và loài người..." (6).

Rõ ràng, những phát biểu của cư sĩ Ưu Ba Li xuất phát từ chính sự trải nghiệm được giá trị thật sự của một nhân cách sống vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc của thế nhân, như lời dạy của Đức Phật khi nói đến giá trị và ý nghĩa về cuộc đời của Ngài: "Một người, này các Tỷ khưu, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho số đông, an lạc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A la hán, Chánh đẳng giác..." (7). ■

Ca khúc TIẾNG CHUÔNG TRÊN ĐẢO TRƯỜNG SA

sự đồng điệu giữa nhạc và lời

Nhạc sĩ Văn Hào

Trưởng khoa Âm nhạc -
Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang



Tiếng chuông trên đảo Trường Sa của Cù Lệ Duyên do hai giọng ca opera trẻ hàng đầu Phúc Tiếp, Duyên Huyền cùng tốp ca biểu diễn.

Ca khúc "Tiếng chuông trên đảo Trường Sa" là sự hòa quyện giữa nhạc và lời, là những mạch cảm xúc về Trường Sa yêu dấu. Giai điệu âm nhạc như những hồi chuông hòa nhịp cùng sóng biển để gợi nên niềm tự hào, niềm tin của một dân tộc hiển vinh ngời sáng và yên bình.

nhau để tạo nên những tác phẩm âm nhạc có giá trị cả về nội dung cũng như nghệ thuật.

Ca khúc Tiếng chuông trên đảo Trường Sa cũng được hình thành bởi sự phối hợp của đồng tác giả là nhà thơ Sơn Nam tức TT. Thích Minh Hiền và nhạc sĩ Cù Lệ Duyên.

TT. Thích Minh Hiền hiện nay là Phó ban Văn hóa TW GHPGVN,

Trưởng ban Văn hóa THPG TP. Hà Nội. Nếu ai đã có dịp đến chùa Hương diện kiến Thượng tọa trụ trì đều cảm nhận được sự uyên bác, thông tuệ từ vị tu sĩ rất tinh tế và am hiểu về nghệ thuật. Điều đặc biệt, không những là nhà thơ, TT. Thích Minh Hiền còn là một nhiếp ảnh gia Phật giáo.

PGS.TS. nhạc sĩ Cù Lệ Duyên sinh ra và lớn lên tại Hà Nội, từng học sơ cấp, trung cấp piano tại Nhạc viện Hà Nội. Sau nhiều năm học đại học, cao học, nghiên cứu sinh, chị đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học chuyên ngành Lý luận âm nhạc tại Nhạc viện danh tiếng Tchaikovsky – Moskva – CHLB Nga. Hiện nay chị là Phó Chủ nhiệm Khoa Lý luận – Sáng tác – Chỉ huy, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

Là một nhà giáo, nhà nghiên cứu, nhà lý luận âm nhạc nhưng có lẽ như duyên

Phật đã định, PGS TS Cù Lệ Duyên đã có nhiều sáng tác ca khúc về đạo Phật. Mới đây, Nhà xuất bản Âm nhạc đã cho ra mắt công chúng một album đặc sắc được mang tên Hương Sơn Ca vol.2 với những ca khúc do chị sáng tác đưa người nghe bước vào tiên cảnh của Hương Tích, nơi tỏa ánh sáng hào quang đức Phật: Hương Thiên, Ngọc sáng trời Nam, Cung đàn Hương Sơn, Trẩy hội, Hương Xuân, Áo cà sa, Suối Giải Oan, Mẹ Quan Âm, Màu áo Sơn Khê, Chiều Hương Sơn, Dấu lặng cung đàn.

Cũng như duyên Phật đã định, cách đây không lâu, nhạc sĩ Cù Lệ Duyên xem chương trình truyền hình trực tiếp trên VTV1 "Trường Sa biển đảo Việt Nam mến yêu", giữa chương trình có chiếu phóng sự 5 phút về các chùa ở đảo Trường Sa đã làm chị rất cảm động.

Sau khi xem xong chương trình truyền hình phát sóng về các chùa ở đảo Trường Sa, nhạc sĩ đã thỉnh Thượng tọa viết lời cho ca khúc Tiếng chuông trên đảo Trường Sa.

Trường Sa – vùng biển đảo thân yêu luôn trong trái tim của hàng triệu người dân Việt Nam. Nơi xa xôi ấy, giữa chốn bốn bề biển mặn và sóng gió vẫn ngày ngày ngân nga tiếng chuông chùa, tiếng chuông của khí phách dân tộc Việt Nam hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, tiếng chuông của niềm tin và hy vọng, tiếng chuông của lòng nhân ái.

Đó cũng chính là những xúc cảm của TT. Thích Minh Hiền đã gửi gắm tới Trường Sa bằng những lời ca đầy đạo vị nhưng cũng rất bình dị: Đất Việt Nam muôn đời hồn thiêng khí phách Lạc Hồng. Mái chùa xưa muôn đời chở che đất nước yên bình... Vững niềm tin muôn đời Trường Sa đảo thiêng tuệ giác vô ngần... Trường Sa đó tiếng chuông chiều mộ hồn nước vọng mãi trong tim. Từ nơi đất Mẹ hiền yêu dấu nhả gửi câu hát Trường Sa...

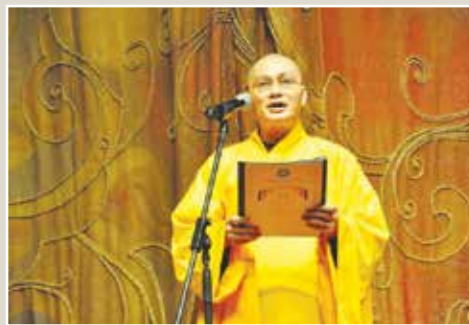
Bắt nhịp cùng cảm xúc của TT. Thích Minh Hiền, nhạc sĩ Cù Lệ

Duyên đã viết nên những giai điệu âm nhạc một cách tự nhiên, tự nhiên như chính suy nghĩ của chị.

Phần 1 của ca khúc có nhịp độ hơi chậm, giai điệu tình cảm, sâu lắng. Với thủ pháp ly điệu, giai điệu của ca khúc gợn lên như những đợt sóng nhỏ của vùng biển đảo. Lối tiến hành giai điệu liên bậc ở âm khu trầm, đặc biệt là sự xuất hiện các quãng bán âm đã khắc họa một không gian thiên tự sâu lắng. Đôi chỗ những nhảy xa, giai điệu chuyển động lên cao tạo nên âm hưởng khoáng đạt và bay bổng như những tiếng chuông ngân xa.

Phần 2 của ca khúc với nhịp độ nhanh hơn, tiết nhịp được chuyển từ 4 phách sang 2 phách. Giai điệu âm nhạc như những hồi chuông hòa nhịp cùng sóng biển để gợi nên niềm tự hào, niềm tin của một dân tộc hiển vinh ngời sáng và yên bình.

Ca khúc Tiếng chuông trên đảo Trường Sa là sự hòa quyện giữa nhạc và lời, là những mạch cảm xúc về Trường Sa yêu dấu. Ca khúc đã được phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Tiếng nói Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và đã được trình diễn trong Chương trình ca múa nhạc Việt Nam Phật Tâm Ca diễn ra tại Cung Văn hóa hữu nghị Hà Nội nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc – 2012. Chắc chắn rằng, duyên Phật sẽ đưa Tiếng chuông trên đảo Trường Sa bay xa hơn, cao hơn. ■



Thượng tọa Thích Minh Hiền phát biểu khai mạc đêm nhạc.



Nhạc sĩ, TS. Cù Lệ Duyên trả lời phỏng vấn trên sân khấu.



Quang cảnh đêm nhạc

Mẹ hát

Cư sĩ Hoàng Phong
Bures-Sur-Yvette, 12 /05/ 2013

Mẹ hát đưa tiễn ta đi,
Mang theo tiếng mẹ ta đi vào đời.
Dù đi trọn kiếp con người,
Vẫn chưa quên hết những lời mẹ ru.

Mẹ ru đưa tiễn ta đi,
Nẻo đời muôn dặm một lời mẹ khuyên:
Này con nhớ lấy đường quên,
Tình người con nhé hát lên giữa đời!

Một mình mẹ hát hôm nay,
Suối vàng vọng lại thuở ngày ru con.
À ời tiếng hát mãi mồn,
Trong tim lời mẹ vẫn còn tiếng ngân.

Ngả nghiêng quả đất xoay vần,
Thương mẹ ta hát cõi trần nghiêng ngao.
Cất cao lời mẹ thuở nào,
À ời ta hát gửi vào không gian.

Vậy Rồi

Toại Khanh

Vậy rồi... gì cũng sau lưng
buồn vui chi mấy
cũng chừng ấy thôi
cũng năm tháng cũ qua rồi
cũng ngày tháng mới...
đợi tôi trước thêm
vậy rồi...
đời có chi thêm
có tôi sinh tử
có em luân hồi
có niềm vui để mỉm cười
có niềm đau để con người học khôn
bình minh rồi lại hoàng hôn
vậy rồi... một buổi người chôn xác người
lợi danh vinh nhục một đời
đến ngày bạc tóc
vậy rồi phôi tay...

Chất Lượng Cuộc Sống: Như Nó Đang Là

Diễn giả: **TS. NSND. Bạch Tuyết**
Phiên tả: **Cát Tường**



Chia sẻ và học hỏi lẫn nhau là điều tốt. Khi chúng ta có thời gian dành cho nhau có nghĩa là chúng ta muốn có cơ hội, hoặc chúng ta tự tạo cho mình cơ hội để trở thành một vị Bồ tát. Vậy tại sao không làm thế? Việc học giúp chúng ta tốt hơn ngày hôm qua cho nên mọi người đều cần phải học, đó là điều mà tất cả con người trên thế giới này sinh ra đều nên như thế.

Thực ra, tôi không phải là một người được quyền thuyết giáo, tôi chỉ là một người hát cải lương. Tôi may mắn có được một chút duyên lành với Phật pháp, may mắn có được sự thương yêu của mọi người, nhờ đó mà tôi có thể chia sẻ cùng quý vị.

Có thể quý vị là những người quá bận rộn với công việc cho nên có một vài thông tin các vị không để ý, thì bây giờ đây, tôi sẽ là người chia sẻ những thông tin đó đến với quý vị. Hãy cùng thông cảm cho nhau, thương và lắng nghe nhau với một tấm lòng rộng mở. Nếu chúng ta làm được như thế thì sẽ học hỏi được rất nhiều điều hữu ích trong cuộc sống.

Những Bất Hạnh Của Đời Tôi

Tôi sinh ra ở một ngôi sao vừa xấu, vừa đẹp. Lên tám tuổi mẹ tôi mất. Và những ai mất mẹ thì sẽ hiểu được rằng, mất mẹ là mất hết toàn bộ trong đời sống này. Tôi thấy như thế, vì rõ ràng là con người chúng ta lúc đó một bên như bị tật nguyền. Tôi đã mất mẹ và tôi đã từng có cảm giác như vậy.

Đối với cơ thể chúng ta, khi bị cụt chân, cụt

tay thì người khác sẽ dẫn mình đi. Còn với một người tật nguyền trong tâm hồn, người khác sẽ không thấy được. Sự tật nguyền đó, nếu như không nhận thức được thì coi như mình đang làm tổn thương chính bản thân mình, và làm tổn thương cả thế giới. Khi nhìn thấy những đứa trẻ khác có mẹ, có cha đang hoàng tử tể, cha mẹ đưa đi chơi, đi học, tôi tự hỏi: "Tại sao mình không có ai bên cạnh?". Và khi không chấp nhận được mọi thứ thì con người trở nên bức bối, khổ sở với thế giới của chính mình.

Một số người đi ăn cướp, làm những chuyện bậy bạ... không tự chủ được bản thân, chỉ vì một phần bên trong tâm hồn những con người đó bị tật nguyền mà không ai biết để chia sẻ với họ. Cũng như không ai thấy được sự tật nguyền trong tâm hồn tôi lúc bé.

Khi tôi cảm thấy tôi đang bị tật nguyền thì con người tôi trở nên bức bối, cho đến khi 24 tuổi tôi vẫn không thể giải quyết được, mặc dù tôi nổi tiếng rất nhanh. Mới 16 tuổi tôi đã đi hát, 18 tuổi nổi tiếng, 20 tuổi có nhà cửa, xe cộ, có tiền gửi ngân hàng... Nhưng sự bơ vơ về tâm hồn nó làm cho con người ta quay quắt. Tôi liên tục uống thuốc an thần, sáu tháng đi hát, sáu tháng vào viện. Tôi thường cau có với anh em đồng nghiệp hoặc những người trong đoàn, tôi không thích nói, cười với ai cả, nên hay phán rằng: "Tôi không có cười! Làm gì mà cười! Có gì đâu mà cười! Khó hiểu!". Tôi luôn cau có với những điều như thế. Nhưng vì tôi quá nổi tiếng nên không ai

dám nói gì hết. Người ta phải đành nhìn một kẻ tật nguyền như tôi, không ai nói gì cả, họ chỉ lắng nghe tôi mà thôi. Cho đến khi tôi gặp được đạo Phật, may mắn là tôi đã “nhận” được sự nhiệm mầu của Phật pháp, khi nhận được thì khi đó tôi mới “thức”. Nhờ Phật pháp tôi đã thức tỉnh chính mình. Sau đó, khi nhìn lại những năm tháng đã qua đi, tôi thấy mình thật là bê bối, thấy mình quá tật nguyền và tôi tự sám hối với bản thân. Sự sám hối ấy đã giúp cho tôi nhìn thấy con đường đi. Tôi nguyện đi theo sự dẫn dắt của ánh sáng nhiệm mầu mà triết học Phật giáo đã cho mình. Cho đến 22 năm sau, tôi mới chiêm nghiệm được câu nói: *"Khi mặt đất tâm không bị mây che thì mặt trời trí tuệ tự nhiên sáng"*.

Tôi Đến Với Đạo Phật

Lúc ban sơ khi bước vào đạo Phật, tôi rất nghiêm khắc, ai nói cũng không cười, thậm chí ăn chay ở nhà, lỡ có ai bỏ một chút thức ăn mặn vào nồi thức ăn đó là tôi không ăn. Bây giờ nhìn lại, tôi cũng thấy mình đúng, vì khi bắt đầu vào một cái khuôn thì trước hết ta phải đúc thành khuôn, sau khi đúc thành khuôn rồi thì sự tự do phát xuất từ cái khuôn nó không làm cho mình bị lệch lạc, còn nếu như mà ơ hờ trong lúc ban đầu thì ta sẽ không thức tỉnh, sẽ thấy đạo Phật sao mà cứng nhắc, khô khan, rằng đạo Phật là phải im lìm, phải đi từ từ, phải nói từ từ... Đạo Phật không phải thế, ngược lại đạo Phật rất sinh động. Đạo Phật là trời, là đất, là từng hạt bụi, là toàn thể vũ trụ. Cho nên, khi mới học, tôi thấy toàn thể vũ trụ, nên tôi nghĩ rằng mình là nhất. Đến khi cảm nhận được trong toàn thể vũ trụ có từng hạt bụi, mỗi hạt bụi nó có từng vấn đề của nó thì lúc bấy giờ tôi mới thốt lên: “À! Thì ra là thế!”.

Khi chúng ta biết một đoạn thì chúng ta hiểu lầm một số đoạn, khi chúng ta hiểu lầm một số đoạn thì chúng ta không biết đoạn nào. Nhưng khổ nỗi là chúng ta tưởng rằng chúng ta biết cho nên chúng ta quay quắt và chúng ta lặn hụp trong cái địa ngục của chính mình. Và khi lặn hụp trong cái địa ngục của chính mình rồi thì thế giới làm sao trở thành thiên đàng được. Đó là sự trải nghiệm của tôi trong quá trình học đạo.

Cách đây 10 năm thì thầy tôi cho phép tôi được đi dạy thiền. Nhưng đến khi đi dạy cho các vị bạn hữu, lúc đó tôi thấy mình còn yếu quá, chưa biết được đến đâu. Tức là con đường này mình chỉ mới đi khai phá cho riêng mình, mình chưa đủ khả năng để dạy người khác như quý thầy đã làm. Trong vòng năm năm trở lại đây, tôi tự nói với chính mình rằng: “Tôi không dám dạy

thiền cho ai hết”. Nếu có ai hỏi về thiền thì tôi sẽ nói. Còn việc học hay tìm một người dạy thì quý vị nên tìm những người suốt cả cuộc đời dành cho việc hành thiền. Đến khi học thêm lên thì tôi thấy, đúng là cái khung trời của đạo Phật, của thế giới này và vũ trụ này bao la, nhân từ, tuyệt vời không kể siết! Mình chỉ là một người khách lữ hành, là một hạt bụi bay ngang qua, dù có một thứ gì đó để lại tên tuổi đi chăng nữa thì cũng chỉ là hạt bụi trong cái vũ trụ này mà thôi. Mình không là gì trên đời này cả.

Tôi trình với Sư ông (HT. Thích Thanh Từ) là tôi học thêm thiền, Sư ông hỏi tôi:

- Học rồi, con thấy sao?

- Con thấy con nhỏ hơn, con thấy con chưa biết gì hết thầy ơi!

Cách đây khoảng 10 năm, khi tôi có ý định xin thầy đi tu luôn. Lúc đó tôi thấy các việc trong đời cũng tương đối ổn và sắp xếp được rồi, nên tôi mới có ý định như vậy, thì Thầy mới nói:

- Con đi tu bây giờ thì chỉ lợi ích cho một mình con thôi. Nếu như với tiếng tăm của con, con ở ngoài con đi hát, con hát cho hay thì sẽ được mọi người thương yêu, con hát về Phật, viết về Phật để cho mọi người tu theo Phật thì sẽ hữu ích hơn nhiều. Như vậy, con muốn chọn cái nào cũng được.

Cho đến ngày hôm nay, cứ mỗi ngày tháng đi qua, tôi thấy Sư ông của tôi rất là sáng suốt. Người thầy được cái chuyện mười năm, hai mươi năm sau, thấy những điều mà mình chưa thấy. Sư ông đã thấy và dẫn đường cho tôi, nên hôm nay tôi mới có nhân duyên chia sẻ cùng quý vị với đề tài “Như nó đang là”.

Sống Tỉnh Giác Và Tập Buông Xả

Chúng ta học Phật, chúng ta đến chùa tụng kinh, tham gia các buổi lễ sám hối mà lại quên mất bản thân mình. Không có điều gì tệ bạc bằng chính mình quên mất bản thân mình. Mình chính là một con người hiện diện trong cuộc đời này. Mình vui, mình buồn, người thân mình cũng vui buồn, xúc động và đau khổ chung. Như vậy, mình là ai? Nếu như có mình thì phải có cha mẹ mình, và muốn có cha mẹ mình thì phải có cha mẹ của cha, cha mẹ của mẹ... Có một hôm tôi ngồi vẽ tranh sơn dầu, tôi vẽ một bức tranh, ở trong bức tranh đó, tôi ở chính giữa, còn bên này là quá khứ và bên kia là tương lai, rồi tôi vẽ các mối liên hệ huyết thống trong hiện tại, quá khứ rồi tương lai của tôi. Tôi chỉ vẽ mỗi người với

một người cha và một người mẹ mà thôi. Thế mà sau một hồi vẽ thì mọi thứ trở nên như một mạch điện, không còn chỗ để vẽ. Như vậy, là mỗi chúng ta có rất nhiều mối liên hệ. Khi mình hiện diện ở đây, toàn bộ sóng từ, sợi dây liên hệ với mình đều rung động. Nếu tôi lỡ nói nặng lời với ai đó thì không phải chỉ một mình người đó buồn tôi mà cả cửu huyền, thất tổ trong sợi dây sóng từ của người đó cũng sẽ cùng rung động theo. Cho nên, khi chúng ta quên mất điều này và lỡ làm cho ai đó buồn thì không chỉ người đó buồn mà nhiều người khác cũng buồn. Khi một ý nghĩ sinh khởi thì làm cho toàn bộ sóng từ đó rung động theo.

Khi chúng ta hiện diện thì điều chúng ta phải làm là gì? "Hôm qua xong rồi, ngày mai chưa tới".

Xin đơn cử một ví dụ sau đây:

Có hai vợ chồng sống với nhau, người chồng đi làm 6 giờ mới về, nhưng hẹn trước với vợ là hai vợ chồng sẽ cùng nhau đi siêu thị, sau đó cùng đi ăn tối luôn. Nhưng công việc của chồng có vấn đề gì đấy nên về trễ, không thấy gọi điện thoại về, vợ gọi điện thoại đi thì không liên lạc được. Rồi vợ trở nên hoang mang, lo lắng... Đến 12 giờ đêm chồng về, vợ chưa hỏi han gì cả thì đã tỏ ra bức tức với chồng. Tại thời điểm đó, đứng ra vợ phải hỏi thăm: "Anh có sao không vậy? Sao anh lại về trễ thế?". Đó là hiện tại! Còn từ 6 giờ đến 12 giờ đã là quá khứ rồi, vợ gặp chồng trong hiện tại nhưng lại lấy những tiếng đồng hồ trong quá khứ để cư xử với chồng.

Khi chồng về đến nhà, đang mệt mỏi nhưng anh ta có điều gì đó muốn phân trần với vợ, thấy mặt vợ nhăn nhó, khó chịu nên không muốn nói, lặng lẽ vào tắm rửa. Người vợ thật sự là trông chồng về và rất lo lắng cho chồng, tại sao khi chồng về lại không hỏi thăm, không nói gì? Đến lúc đi ngủ, chồng hỏi:

- Em! Có buồn anh không?

Người vợ hờn dỗi trả lời:

- Đâu có.

Tại sao lại hờn trách làm gì để rồi làm khổ nhau, đánh mất thêm thì giờ hiện tại? Sau đó hai người im luôn, nhưng đâu có ngủ được. Im lặng, bức bối như vậy rồi không ngủ được, đó cũng là nguyên nhân của bệnh tim mạch. Tại vì khi bức tức thì tim bị dồn nén, khí không vào. Nếu trong tim mà khí không vào được thì máu không lưu thông được và khắp thân thể bị ứ đọng, sinh

bệnh tật.

Có những người từ khoảng 40 tuổi trở đi là sinh ra đủ thứ bệnh, tại vì trong suốt quá trình sinh ra và lớn lên họ trải qua quá nhiều nỗi lo sợ: Đi học thì sợ thầy, sợ bạn, ra đường sợ cảnh sát, lấy vợ thì sợ mất vợ, có con sợ con hư, có đồng hồ sợ mất đồng hồ, có xe thì sợ hư xe... Khi chúng ta có quá nhiều nỗi sợ như thế thì làm sao ta không bệnh cho được? Nếu chúng ta biết điều chỉnh một tí thì sẽ bớt đi nhiều phiền muộn, nhiều lo âu. Điều này tuy khó nhưng không phải là không làm được. Khi có điều gì xảy ra với mình thì nên nhìn lại, suy nghĩ một chút. Ví dụ như trong câu chuyện trên. Nếu người vợ biết nhìn lại: "Người đàn ông đó làm chồng mình suốt mười mấy năm nay rất là tốt, tại sao hôm nay lại xảy ra chuyện lạ kỳ như vậy? Mình đợi chồng về sẽ hỏi thăm, chia sẻ thử xem sao?". Nếu nghĩ được như thế cho tới lúc gặp nhau thì tâm khí của mình không có rầm rầm như cuồng phong, bão tố. Mà không kiểm soát được mình thì cơn giận vừa nổi lên là mây đen kéo cùng trời, bão tố nổi lên rầm rầm. Thế là làm khổ nhau thôi!

Tôi ví dụ: Có ai đó đi ngang chửi mình một tiếng, mình ngạc nhiên tự hỏi: "Ông này hồi nào tới giờ khá đàng hoàng, tự nhiên sao giờ đi ngang chửi mình như vậy?". Mình cũng lặng yên để đó, tới lúc mọi thứ bình yên rồi mới hỏi thăm ai đó: "Không biết có xảy ra chuyện gì không mà ông đi ngang chửi mình vậy? Anh có biết không? Nếu tôi có lỗi thì tôi xin lỗi ông ấy thôi, bình thường thấy ông dễ thương quá chừng". Nếu bình thường chúng ta giải quyết như vậy thì mọi chuyện sẽ khác. Một người điên phải có một người tỉnh thì cuộc sống này mới cân bằng. Chứ thấy một người điên mà mình cười nhạo người ta một hồi thì mình cũng điên theo.

Từ những chuyện không đáng xảy ra cãi vã, mình chửi lại, người ta đánh mình, mình đánh lại rồi xảy ra xô xát. Con ông nọ thấy cha mình bị đánh, liền xách dao ra chém người ta, tự nhiên có một người chết, một người vô tù (còn tiếp). ■



5

điều hối tiếc nhất của người hấp hối

Thi Trân

Hối tiếc vì quá mải mê với công việc mà quên đi hạnh phúc riêng; quá hèn nhát không dám sống thật như mình muốn; vì đã không giữ liên lạc với bạn bè... là điều mà những người sắp qua đời giải bày với nữ y tá Bronnie Ware.

Nhiều năm chăm sóc và gần gũi những bệnh nhân nặng ở giai đoạn cuối, nữ y tá Bronnie Ware (người Australia) được nghe họ kể về những điều trần trối hay hối tiếc vì đã không làm được khi còn khoẻ mạnh. Chẳng hạn, đàn ông thường tiếc nuối vì đã quá mải mê công việc mà quên đi tuổi thơ của con cái, mất đi hạnh phúc vợ chồng; trong khi số khác lại hối tiếc vì đã không sống thật với bản thân mình mà chỉ nghe theo sự chỉ đạo từ người khác...

Tất cả ký ức từ những cuộc trò chuyện trên được Bronnie đưa vào cuốn sách vừa xuất bản mang tên "The top five regrets of the dying" (tạm dịch là "Năm điều tiếc nuối nhất của người đang hấp hối"). Trong đó, nữ y tá diễn tả rất cặn kẽ về những điều mà người ta phải đối diện khi ở vào giai đoạn cuối cuộc đời. Qua đó, mỗi người của chúng ta có thể học hỏi và rút kinh nghiệm.

Sau đây là 5 điều hối tiếc phổ biến nhất, mà đa phần người ta đều nói rằng họ muốn thay đổi nó nếu như được lựa chọn lại:

1. "Ước chi tôi có đủ can đảm để sống một cuộc đời đúng nghĩa là của mình chứ không phải là cuộc đời mà mọi người mong muốn cho tôi".

Lý giải về điều này, tác giả viết: "Đây là điều hối tiếc nhất của tất cả mọi người. Khi mà con người ta nhận ra rằng cuộc đời mình sắp kết thúc và nhìn lại rõ ràng mọi thứ đã qua. Thật dễ dàng nhận ra cả một

nửa những ước mơ ấy vẫn chưa thực hiện được cho đến khi phải nhắm mắt xuôi tay cho dù bản thân họ đã lựa chọn như thế. Sức khỏe mang lại sự tự do nhưng chỉ có ít người nhận ra cho tới khi nó mất đi".

2. "Tôi ước gì mình đã không làm việc quá cật lực".

"Đây là điều được thổ lộ từ những nam bệnh nhân mà tôi đã từng chăm sóc. Họ đã bỏ lỡ tuổi trẻ của con cái cũng như mối tương quan vợ chồng. Mặc dù các nữ bệnh nhân cũng nói về điều này nhưng hầu hết họ thuộc thế hệ cũ, thời mà phụ nữ không phải là người trụ cột gia đình. Trong khi đó tất cả những nam bệnh nhân mà tôi chăm sóc đều giải bày sự hối hận sâu sắc vì đã bị cuốn vào vòng xoáy công việc để mưu sinh".

3. "Tôi ước gì đủ can đảm để bày tỏ cảm (xem tiếp trang 38)"

3. Chân thành thì không mệt, giả dối thì mệt.

Bài học đầu tiên của người tu là chân thật. Cả cuộc đời học và thực hành pháp chân thật là quý báu vô cùng. Trước nhất sống chân thật với thầy tổ, với cha mẹ, bạn bè, anh em, với hàng xóm láng giềng, những người chung quanh. Tập được như vậy ta mới là Phật tử. Nếu không, dù đi chùa, tụng kinh bao nhiêu năm cũng không xứng là người con Phật. Người chân thật không mệt, người giả dối thì mệt. Vì người giả dối thì đi đâu cũng lo lắng, hồi hộp vì phải nghĩ cách che giấu, dối phỏ. Nghe chuông điện thoại reo, nghe chó sủa, nghe tiếng mở cửa v.v... giật mình. Người chân thật sống ở đâu cũng an vui, tự tại. Chân thật là tài sản quý báu mà không phải ai cũng có. Không có chân thật, ngay thẳng thì giá trị bản thân của ta bằng không.

4. Mím cười không mệt, tức giận thì mệt.

Tu phải tập cười, tập từ bi hỷ xả, nhất là người trẻ tuổi phải tập cười khi hàm răng còn đẹp. Con người khi cười rất dễ gần với mọi người. Thầy trụ trì cười thì hội chúng đồng, mặt hầm hầm như thịt bầm nấu cháo thì chùa vắng hoe. Người nào hay cười sẽ có bạn hữu nhiều. Tâm thanh tịnh, lòng hoan hỷ thì nụ cười tươi. Tâm ô uế, lòng phiền não thì nụ cười héo. Một nụ cười bằng 10 thang thuốc bổ. Ta hãy biểu lộ sự hoan hỷ, tha thứ, thông cảm của mình bằng nụ cười vị tha. Quý vị nào đi chùa lâu năm biết áp dụng nụ cười vào trong đời sống hằng ngày sẽ thấy chồng vợ, con cái mình bớt khổ. Con người nghiêm nghị nhiều thì người

ta sợ. Hãy hòa hợp nhưng không hòa tan. Tuy nhiên, cái gì cũng không nên thái quá. Nếu cái gì cũng cười thì sẽ trở thành vô duyên. Trong một dịp lễ kỷ niệm 10 năm ngày mất của một nhạc sĩ nổi tiếng, người ta giới thiệu các ca khúc tình ca vượt thời gian của ông pha lẫn một chút ngâm ngùi, tiếc nhớ. Sau đó người ta giới thiệu một nữ ca sĩ trình bày ca khúc "Như cánh vạc bay". Khi ấy khán giả đang trong tâm trạng hoài cảm thì cô ca sĩ bước lên sân khấu tươi cười nhún chân chào khán giả và cất tiếng hát. Đây chính là cười không đúng chỗ, cười vô tình. Cũng có những cái cười độc ác, khinh miệt. Cho nên, cười không đúng lúc, đúng chỗ là tai hại lắm quý vị! Cười rất dễ làm nhưng ta cũng phải tập. Tập cười để mọi sự trở nên đơn giản hơn và dễ cho tâm an lạc, tâm từ bi hỷ xả tăng trưởng.

Quý vị hãy niệm Phật để đạt được 4 tâm này trong cuộc sống. Dù ở đâu, khi có 4 tâm từ, bi, hỷ, xả ta cũng hạnh phúc, bình an.

5. Đơn thuần không mệt, phức tạp thì mệt.

Người tu sống đơn giản, bình dị trong lời nói và việc làm. Phức tạp sẽ làm ta thêm mệt. Giản dị thì yên thân, đến đâu thích nghi ở đó. Tập sống dễ nuôi. Tăng đoàn ngày xưa đơn giản, đi khất thực xin ăn ngoài đường nên đâu có kén chọn cái gì. Xin ăn là một nghệ thuật, một pháp tu không dễ. Xin ăn mà mặt chăm chăm, ai cho?. Do vậy người tu phải dễ nuôi,

PHÁP TRONG CUỘC SỐNG

Bài pháp này TS - ĐĐ Thiện Minh thuyết tại chùa Hưng Pháp ở xã Xuân Lộc - huyện Xuân Hưng - tỉnh Đồng Nai (tiếp theo & hết)

phải đơn giản, phải vui vẻ người ta mới cho. Dù ta có lớn tuổi, có chức vụ cao tới đâu, khi đã tham gia khóa tu này hãy xem mình là người bình thường. Như vậy mới trưởng thành trong Phật Pháp. Ta càng sống giản dị, ít ai quan tâm tới ta mới tu được. Còn như tỏ ra điệu bộ cho người khác quan tâm, chú ý thì khó tu lắm. Bỏ nhà đến chùa tham dự khóa tu là một hình thức ta tập từ bỏ. Ở nhà điện thoại "tám" chuyện liên tục, vô khóa tu bắt buộc tắt điện thoại, không được nói chuyện, chỉ có im lặng. Như vậy ta mới thu thúc lục căn, tâm ý thanh tịnh, tập trung cho việc thực hành pháp môn của khóa tu.

Phật Thích Ca khi xưa là một ông vua từ cung thành Ca Tỳ La Vệ Ngài đi qua xứ Bodhgaya hơn 800 km rất xa trú xứ để Ngài để tu. Ở quê hương những ai muốn làm phiền não Ngài cũng không đến gặp Ngài được. Rồi Ngài lên núi Khổ Hạnh Lâm tu tập, giữa thiên nhiên cô độc ẩn cư, ngày qua ngày ôm bát đi xin ăn để giữ gìn sắc pháp, mạng căn này mà tu. Đối với chúng ta, trú xứ như thế nào, sang trọng hay bình thường ta tu cũng được. So với hồi xưa, ta bây giờ có điều kiện hơn Đức Phật rất nhiều. Ta có trú xứ, có thầy chỉ dạy, chỉ cần tâm ta thành kính thì ta sẽ tu tốt.

Trong kinh Pháp Cú, Phật dạy rằng: *"Không làm các điều ác, Hãy làm các điều lành, Giữ tâm ý trong sạch, Đó lời chư Phật dạy"*.

Pháp của Phật trong bài kệ ngôn này có 3 nội dung:

1. Không làm điều ác: Không làm điều sai lời Phật dạy, sai luật của quốc gia, những người chung quanh không đồng thuận.

2. Làm các điều lành: Có

hiếu với cha mẹ, giữ ngũ giới hoặc bát quan trai giới, thân khẩu ý thanh tịnh. Điều lành là làm những gì mà quốc gia, mọi người hoan nghênh, hàng xóm, bạn bè ủng hộ, tốt đời đẹp đạo.

3. Giữ tâm ý trong sạch:

Tâm ta ô nhiễm thì đến đâu ta làm ô nhiễm ở đó. Tâm ô nhiễm ví như vật hôi thúi. Tâm ô nhiễm vì tham sân si. Trong xóm có một ông nhậu rượu, cả xóm ô nhiễm ồn ào. Muốn giữ tâm thanh tịnh phải nhiếp tâm niệm Phật. Ai chửi hay khen cũng niệm Phật, mọi sự hóa thành không. Niệm Phật giúp tâm thanh tịnh, tâm lắng dịu để đủ bình tĩnh kham nhẫn. Tâm sân có mức độ công phá rừng công đức. Chỉ một cơn giận hờn ta sẽ làm mất đi bao nhiêu việc phước thiện. Chỉ vì giận sôi gan mà ta tuyên bố từ bỏ cha mẹ, ta xóa bỏ hình ảnh vị thầy trong tâm, ta xa rời ngôi chùa, không lui tới nữa. Chính vì vậy, quý vị hãy tu tập đừng để cơn giận thiêu rụi rừng công đức.

"Kính lễ và hạ mình, Biết đủ và biết ơn, Kịp thời nghe diệu Pháp, Là điều lành tối thượng".

Phật dạy phải biết kính lễ và hạ mình để có công đức cung kính. Hãy thủ pháp cung kính trong tâm thường xuyên sẽ có lúc cho ta chức quyền cao nhờ phước trở. Tự cao tự đại sẽ thất bại. Đạo Phật là đạo của nhân quả. Muốn làm quan to, chức vụ cao, làm lãnh đạo thì phải biết pháp kính lễ và hạ mình. Ta kính lễ và hạ mình đối với thầy tổ, cha mẹ, người lớn tuổi, đối với tôn giáo của mình (Phật Pháp Tăng). Ta phải thiết lập pháp này trong tâm.

Biết đủ và biết ơn: Phật dạy biết đủ là giàu sang. Người không biết đủ thấy mình lúc nào cũng thiếu, lúc nào cũng nghèo. Người tu phải học hạnh biết đủ. Trong cuộc đời tâm không biết đủ là tâm nô lệ cho tham ái. Quý vị ngồi đây là tâm biết đủ, biết dừng lại việc

tìm kiếm của cải vật chất để tâm được an nhàn, thoải mái tự do. Nên quý vị phải thiết lập biết đủ, biết trân trọng những gì mình đang có, đang hưởng thì ta sẽ hạnh phúc. Đừng yêu cầu, đòi hỏi con cái quá đáng mà làm khổ con cái, làm nô lệ cho lòng tham. Muốn nhiều, tham nhiều mà không được thì sẽ sân si.

Đối tượng biết ơn là thầy tổ, cha mẹ, đất nước. Hình ảnh trong kinh cảm động nhất là hình ảnh đức Phật ngồi thiền và thành đạo dưới gốc cây bồ đề. Sau đó, Ngài có 7 ngày nhìn cây bồ đề để tỏ lòng biết ơn cây bồ đề trước khi Ngài rời đi để lần chuyển bánh xe pháp luân. Đó là bài học về lòng biết ơn đầu tiên Đức Phật Thích Ca dạy cho chúng ta.

Trong cuộc sống, ta có rất nhiều dịp thọ ơn, biết ơn và trả ơn. Ai tu nhiều nhưng quên ơn cha mẹ, không trả ơn cha mẹ là lỗi đạo làm con. Trong đạo phải biết ơn, trả ơn người thầy tâm linh của mình, người chỉ cho mình Phật pháp, giới thiệu cho mình vào chùa tu tập và người đã cho mình thọ giới, học đạo. Ta từng sống trong yêu thương, giúp đỡ của người thân, của những người chung quanh. Không ai có thể sống một mình mà không nhờ cậy vào sự giúp đỡ của người khác. Sự sống của ta cần có gạo, vải vóc, thuốc men, tiền bạc, giày dép, đồng hồ, điện thoại, sách vở, hoa trái.... Suy cho cùng đời sống của ta lệ thuộc vào người khác rất nhiều. Do vậy, ta phải biết quý những gì người khác giúp cho ta.

Kịp thời nghe diệu pháp. Có người sinh ra ở vùng quê hẻo lánh, quanh năm suốt tháng quần quật với công việc, chưa hiểu nhân quả, phạm giới sát sanh, không hề nghe được một câu kinh, một thời pháp vì điều



trợ đạo bồ đề. Đó là: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi và bát chánh đạo. 37 phẩm trợ đạo bồ đề này giúp ta diệt lòng tham muốn để đạt giải thoát. Đây cũng là pháp tu niệm Phật. Quý vị một lòng một dạ niệm Phật đến khi nào những thị phi không làm tâm ta ô nhiễm là ta đạt bản thể của pháp, ta an vui.

Ai nói gì thì mình cứ nghe, Nghe sâu hiểu thấu thương nhiều, Buồn chi ba bốn bữa cho tâm tư héo sâu.

kiện, môi trường, bạn hữu không có. Khi con người không hiểu Phật pháp, không thọ ngũ giới thì sẽ đầy ắp vô minh phiền não, chết trôi về đâu không biết, trôi lên, sụp xuống trong tăm tối, sanh làm cầm thú mịt mù tối tăm. Các Phật tử ở đây là những người biết Phật Pháp, có quy y tam bảo, là những người đại duyên đại phước. Không phải ai cũng biết Phật Pháp.

Phật pháp có mặt trong cuộc sống tràn đầy nhưng tâm ta không hưởng được, không ngộ được. Nhờ Phật Pháp Tăng nên quý vị hưởng được Phật Pháp, nghe được Phật Pháp, ngộ được đời vô thường, đời khổ não, vạn pháp giai không, thấy cuộc sống là khổ đế. Sanh già bệnh chết sâu bi khổ ưu não. Xa người yêu, gần người ghét là khổ. Khi ta hiểu Phật Pháp, ta biết khổ do tập đế, do lòng ham muốn của con người sanh ra. Nhờ kịp thời nghe diệu pháp, khi diệt tham là diệt đế, cuối cùng đạt được đạo đế. Diệt đế là lúc tâm ta không còn tham ái, không còn đau khổ, luân hồi. Diệt ái ta sẽ có tâm thanh tịnh.

Tu gì để diệt ái? Tu 37 pháp

Muốn tu ta phải giả ngu, có mắt như mù có tai như điếc đàn cầm lặng, chỉ giữ trong lòng một chữ tu. Giả ngu chớ không phải là ngu thật. Mắt nhìn không đúng, tâm sẽ phiền não, sân si. Tai nghe không đúng, tâm sẽ ô nhiễm, cấu uế.

Vậy một lúc nào đó quý vị hãy giả ngu để quyết chí giữ một chữ tu trong lòng cũng có nghĩa là giữ những năng lượng từ bi hỷ xả, giữ ưu điểm bổ thí cúng dường, giữ sự lớn mạnh của tâm thức, những kinh nghiệm tâm linh, chuyển thân khẩu ý bất tịnh thành thân khẩu ý thanh tịnh, chuyển tâm phàm phu thành tâm bồ đề, chuyển tâm giận dữ thành tâm độ lượng.

Vì chúng ta ai cũng có khả năng thành tựu trong việc tu tập giải thoát, nên phải biết phát tâm mạnh mẽ, cái gì bất thiện đừng làm, cái gì thiện hãy làm và làm cho nó tăng trưởng thêm lên. Như thế đời sống và con đường tu của ta không mệt mà chỉ có tràn đầy an vui, thanh tịnh. ■

(tiếp theo trang 35)
xúc của mình":

Nhiều người luôn kìm nén cảm xúc của mình chỉ vì muốn "đĩ hoà vi quý" với mọi người. Hệ quả là họ phải sống một cuộc sống tầm thường và không trở thành người như họ thực sự mong muốn. Nhiều người vì thế mà bị ức chế, phần uất dẫn đến bệnh tật.

4. "Giá như tôi ước vẫn giữ được liên lạc với bạn bè của mình":

Theo Bronnie, thông thường người ta không nhận ra tầm quan trọng và giá trị thực sự của những người bạn cũ cho đến thời điểm vài tuần lễ trước khi chết, song lúc đó thì họ không thể tìm lại được nữa. "Nhiều người đã quá mải mê vun vén cho cuộc sống riêng của mình mà quên đi mối dây giao kết với bạn bè. Cũng có nhiều người hối hận sâu sắc vì đã không dành thêm thời gian và những nỗ lực đáng có cho bạn bè. Tất cả họ đều nhớ đến bạn bè khi sắp lìa đời", tác giả cuốn sách viết.

5. "Ước gì tôi đã để bản thân mình được sống hạnh phúc hơn":

"Đây là nỗi hối tiếc phổ biến. Thật ngạc nhiên bởi nhiều người đã không nhận ra điều này rằng, cuối cùng hạnh phúc là một sự lựa chọn. Họ bị mắc kẹt trong những khuôn mẫu và thói quen cũ, nó tạo cho họ cảm giác thoải mái giả tạo. Nỗi sợ hãi phải thay đổi bản thân khiến họ phải sống giả vờ với người khác cũng như với chính bản thân họ".

"Vậy còn bạn, điều mà bạn hối tiếc nhất cho đến nay là gì? những gì bạn sẽ cố gắng đạt được hoặc thay đổi trước khi từ giả cõi đời?", câu hỏi ấy tiếp tục đặt ra cho mỗi người chúng ta. ■



Đại ca giang hồ Quy y cửa Phật

Theo **Cảnh sát toàn cầu**

Từng là đại ca giang hồ khét tiếng hung bạo, hai lần vào tù, nhưng Lê Thừa Dương Hùng đã biết dừng lại, quy y cửa Phật và làm những điều thiện.

Lê Thừa Dương Hùng thường đi làm từ thiện với các nghệ sĩ. Anh xuất hiện trong bộ quần áo xám màu của nhà Phật, nở nụ cười hiền với tất cả mọi người và hướng ánh mắt ấm áp vào những cảnh đời bất hạnh. Thế nên chẳng ai ngờ người đàn ông này từng là giang hồ khét tiếng, gây ra những tội ác rợn người. Cuộc đời giang hồ và những cố gắng hoàn lương đã khiến anh trở thành hình mẫu cho nhân vật chính trong bộ phim của đạo diễn Việt Trinh - "Đường về".

Sinh ra ở Hải Lăng (Quảng Trị), ngay từ nhỏ Lê Thừa Dương Hùng đã sớm chịu cảnh chia ly, ba mẹ mỗi người một hướng. Mẹ đi lấy chồng khác, Lê Thừa Dương Hùng về sống với mẹ và dượng. Mới 7 tuổi, anh đã phải chịu những trận đòn roi, những lời xúc phạm, miệt thị của cha dượng. Bị hắt hủi trong chính gia đình mình, cậu bé Dương Hùng đã bỏ nhà đi lang thang, sống không mục đích.

Ngày đó, từ quê nhà Quảng Trị, cậu bé 7 tuổi nhảy tàu vào Huế kiếm kế sinh nhai. Trên đường, Hùng bị đá văng qua cửa tàu, ngã xuống đường ray. May thay, cậu vẫn lành lặn và tiếp tục con đường vào Huế. Dừng chân ở chợ Đông Ba, ngày ngày Hùng đi giúp việc, bốc vác thuê trong chợ. Ban đêm, anh ngủ tại những sạp hàng bốc mùi, ứa nước mắt vì nhớ mẹ. Anh đã nhiều lần trở về nhà, mong tìm lại được hạnh phúc. Nhưng mẹ còn có chồng và những người con khác. Bà không có thời gian chăm chút cho đứa con riêng.

Lê Thừa Dương Hùng thất học vì thế. Anh quay lại với cuộc sống lang thang, bắt đầu học những trò ma mãnh từ đám trẻ quanh mình. Hơn 10 tuổi, anh đã cùng đám bạn ban ngày đi bốc vác ở bến xe, đi móc túi người qua đường. Đêm đến, cả lũ tụ tập dưới cầu Tràng Tiền ngủ. Cuộc sống đường phố đã dạy cho anh những bài học cay đắng, trong đó anh nhớ nhất là bài học về sự khinh thị của người đời và nguyên tắc kẻ mạnh - kẻ yếu. Anh đã áp dụng triệt để bài học thứ hai, luôn trở thành kẻ mạnh nhất để không bao giờ bị bắt nạt.

Chính trong những tháng ngày chênh vênh giữa lằn ranh thiện ác, anh gặp Lê Lam, đại ca giang hồ khét tiếng đất Quảng Trị, từng phiêu bạt trong thế giới ngầm ở Hong Kong, Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản. Được Lê Lam thu nạp, Lê Thừa Dương Hùng đã sớm trở thành cánh tay đắc lực của Lê Lam và ngày càng trở thành tên giang hồ nhip hung bạo, sẵn sàng đâm chém nếu thích. 15 tuổi, Lê Thừa Dương Hùng lần đầu tiên dính líu vào pháp luật vì tội cố ý gây thương tích. Ra trại, Lê Thừa Dương Hùng tiếp tục lún sâu vào con đường sai lầm của mình.

Anh kể, có lần bị một nhóm giang hồ tấn công, một mình anh đã lao vào giữa đám người đó và đánh trả đến cùng. Dùng con dao thái thịt, Hùng chém đứt cánh tay đối thủ. Chưa hả, Lê Thừa Dương Hùng còn cắt một tai của kẻ đó, lấy làm chiến lợi phẩm mang về khoe với đại ca.



Lê Thừa Dương Hùng bên những học viên do anh cứu mang

Sa vào vòng lao lý lần hai, Lê Thừa Dương Hùng trốn trại, lang bạt khắp nơi rồi cuối cùng dừng chân ở đất Sài Gòn, gia nhập băng nhóm đòi nợ thuê ở khu vực An Sương. Với bản chất liều lĩnh, hung bạo nên vài năm sau đó, khi đại ca của băng nhóm đòi nợ thuê này gặp nạn, Lê Thừa Dương Hùng đã được đám đàn em tôn lên cầm đầu băng.

Lê Thừa Dương Hùng kể, thời đó anh kiếm được nhiều tiền nhất, nhiều đến mức chẳng biết làm gì để rồi sa đà vào hút chích, nghiện ngập. Cuộc sống của một kẻ đòi nợ thuê cũng khiến anh gây ra những tội lỗi mà cả cuộc đời anh chẳng bao giờ dám quên. Có lần khi đi đòi nợ một phụ nữ, thấy chị ta mang thai, không có tiền trả nợ, anh đã lệnh cho đàn em lấy đi chiếc xe máy, tài sản duy nhất của chị.

Bất chấp người đàn bà đó quỳ lạy, xin lại phương tiện kiếm sống duy nhất của cả gia đình, Lê Thừa Dương Hùng chẳng hề động lòng, mà còn đạp vào bụng chị ta. Sau lần đó, chị ta sảy thai. Lúc đó, anh, kẻ giang hồ máu lạnh chẳng biết ân hận là gì. Nhưng sau này, khi giác ngộ, anh đã không nguôi ân hận về tội lỗi của mình, khi nở lòng giết chết một sinh linh nhỏ bé chưa kịp chào đời.

Lê Thừa Dương Hùng có lẽ còn tiếp tục chuỗi ngày gây tội ác nếu không có một ngày anh nghe tin đại ca Lê Lam, người lúc nào anh cũng tôn thờ trong giới giang hồ, đã quy y cửa Phật. Không thể

tin, Lê Thừa Dương Hùng đã bỏ công đi tìm đàn anh. Chỉ đến lúc gặp, nhìn thấy Lê Lam với pháp danh Tịnh Long, anh mới tin đó là sự thật.

Ngày hôm đó, Lê Thừa Dương Hùng được Lê Lam kể cho nghe về những day dứt, những sám hối mà Lê Lam đang trải qua cho những tội lỗi của mình và về mơ ước xóa bỏ những nghiệp chướng mình đã gây ra trong kiếp người. Lê Lam đã nói với Lê Thừa Dương Hùng một câu mà đến giờ anh vẫn nhớ: "Em hãy theo con đường của anh, học lại bài học vỡ lòng này: lấy thiện, trừ ác".

Chính trong lúc hoang mang tột độ trước những gì đã mắt thấy, tai nghe, anh vô tình bước vào một ngôi chùa ở Hóc Môn, TP. HCM. Lúc vào sảnh chính, nhìn thấy tượng Đức Quán Thế Âm Bồ tát và nghe văng vẳng bên tai tiếng niệm "Nam mô a di đà Phật", lần đầu tiên sau nhiều năm bôn ba giang hồ, anh thấy lòng mình bình yên lạ kỳ. Sau lần đầu tiên đó, anh đến chùa nhiều hơn, lần nào cũng lần lộn, vừa thêm khát cảm giác bình yên chốn linh thiêng, vừa hoang mang sợ hãi Đức Phật sẽ không chấp nhận kẻ nghiện ngập, tội lỗi. Và anh đã được giác ngộ từ lúc nào không hay.

Lê Thừa Dương Hùng bảo, anh thích nhìn gương mặt hiền từ của Đức Quán Thế Âm Bồ tát, bởi khi nhìn vào gương mặt đó, anh thấy bình yên, gần gũi, yêu thương như thấy gương mặt mẹ mình. Anh đã bắt đầu khao khát hoàn lương. Có lần đứng trước tượng Quán Thế Âm Bồ tát, anh đã nguyện: "Đôi tay con từng vấy máu, gây bao tội lỗi. Giờ con nguyện cũng đôi tay này sẽ làm những điều tốt đẹp hơn cho đời".

Ngay sau đó anh thuê căn phòng trọ, mua một thùng mì tôm, một thùng nước, tự khóa trái cửa rồi ở tự mình cai nghiện trong hơn nửa tháng. Những ngày đó, mỗi khi bị cơn nghiện hành hạ, anh lại niệm "Nam mô a di đà Phật". Khi thực sự dứt bỏ ma túy, anh quyết tâm làm lại cuộc đời.

Anh thích nhìn tượng Đức Quán Thế Âm và khao khát được tạc tượng ngài. Anh đi đến các cơ sở, xưởng gỗ, học cách tạc tượng rồi trở về mày mò tự tạc lên bức tượng Quán Thế Âm của riêng mình ở huyện Hóc Môn. Khi tay nghề đã vững chãi, với số tiền dành dụm của mình, anh mở xưởng gỗ và thu nạp những đứa trẻ lang thang về để dạy nghề cho chúng.

Giờ đây, anh đã quy y và vẫn tiếp tục thực hiện lời nguyện của mình. Anh tìm những đứa trẻ lang thang, không nơi nương tựa như anh năm nào, về dạy cho chúng một nghề kiếm sống, quyết không để chúng rơi vào con đường như anh từng đi qua. ■



Kệ Ngôn Của Trưởng Lão KUNDADHĀNA

TT. Thiện Phúc (biên dịch)

Được biết Trưởng lão Kundadhāna đã nói lên bài kệ như vầy:

*"Vị tỳ khuư chặt đứt
Năm hạ phần kiết sử
Năm thượng phần, từ bỏ
Tu tập làm tăng trưởng
Năm pháp trợ giác ngộ
Năm chướng ngại vượt qua
Được gọi vượt bậc lưu".*

Tương truyền: Trong thời Đức Thế Tôn Padumuttara, trưởng lão sanh trong một gia đình sống tại thành Hamsavati. Một hôm, lúc đến chùa nghe pháp, nhìn thấy một vị tỳ khuư được Đức Thế Tôn tán thán có sự thù thắng hơn chư tăng là được nhận thăm trước, muốn đạt được ngôi vị đó, nên chàng cố tìm cơ hội để tạo phước duyên thích ứng. Rồi cơ hội quý báu ấy đã đến, lúc bấy giờ Đức Thế Tôn Padumuttara vừa xả thiền diệt chàng đã cúng dường một nài chuối to chín vàng, Đức Thế Tôn nhận nài chuối ấy rồi thọ thực.

Do thiện sự này, 11 lần chàng được làm thiên chủ, 24 lần làm Chuyển Luân Vương, rồi chàng tiếp tục tạo phước trong thời gian luân chuyển giữa hai cõi trời, người. Đến thời giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, chàng sanh làm một vị chư thiên Bhummadeva (địa cư thiên).

Theo thông lệ, khi chư Phật có tuổi thọ dài thì không làm lễ Bồ tát trong mỗi nửa tháng như Đức Phật hiện tại, Đức Phật Vipassi sáu năm mới hành lễ Bồ tát một lần, còn thời Đức Phật Kassapa đến sáu tháng mới đọc tụng giới bốn một lần.

Bấy giờ, trong giáo pháp Đức Phật Kassapa có hai vị tỳ khuư rất thân thiết với nhau, đang trên đường đi đến nơi hành lễ Bồ tát. Vị chư thiên Bhummadeva này nghĩ rằng: "Hai vị tỳ khuư này rất thân thiết với nhau, nếu có người gây chia rẽ, họ có chia rẽ nhau không?". Nghĩ như vậy vị chư thiên này bèn chờ đợi cơ hội. Khi đi được một đoạn đường, một vị cần làm vệ sinh tay chân nên nhờ bạn mình cầm hộ y bát, rồi bước đến lùm cây chỗ có nước trong, vị chư thiên này chờ vị tỳ khuư rửa ráy xong, rời khỏi lùm cây liền biến thành một phụ nữ xinh đẹp với tóc xoắn đang cột lại, phủi bụi, rồi chỉnh trang lại quần áo bước theo sau lưng vị tỳ khuư vừa rời khỏi lùm cây. Vị tỳ khuư đứng chờ ở ngoài thấy vậy, tâm phần nộ phát sanh, nghĩ rằng: "Tình cảm thân thiết bấy lâu nay với tỳ khuư này đến đây là hết. Nếu biết y có nhiều tham dục như vậy, ta đã không kết thân với y". Sau khi vị ấy đến, vị này bèn nói rằng: "Này hiền giả hãy nhận lại y bát, từ nay ta sẽ không đi chung với người thấp hèn như ông nữa". Nghe lời này, vị tỳ khuư cảm thấy đau nhói như bị ai cầm dao bén đâm vào người vậy, liền hỏi vị tỳ khuư bạn rằng:

- "Này hiền giả! Hiền giả nói gì tôi có phạm tội gì chẳng? Vì sao hiền giả gọi tôi là người thấp hèn!"

- "Tôi vừa thấy ông bước ra khỏi lùm cây cùng với người phụ nữ tóc tai y phục xấu xí, chẳng phải vậy sao?"

- "Này hiền giả! Chuyện này không có và tôi cũng không thấy người phụ nữ nào cả!"

Mặc dù vị tỳ khưu bị oan đấm chính đến ba lần nhưng vị tỳ khưu bạn vẫn không tin, cho rằng điều mình thấy là sự thật và không đồng hành với vị ấy, đã rẽ sang một con đường khác đến chỗ Đức Thế Tôn ngự.

Đến giờ hành lễ Bố tát, chư tăng câu hội nơi chánh điện, vị tỳ khưu bạn nhìn thấy vị kia nơi chánh điện liền đi ra ngoài với sự suy nghĩ rằng: "Vị tỳ khưu như vậy có mặt trong chánh điện thì ta sẽ không làm lễ Bố tát chung".

Lúc bấy giờ vị chư thiên suy nghĩ rằng: "Ta đã tạo một ác nghiệp rồi" nên hoá thành một cận sự nam đi đến chỗ vị tỳ khưu bên ngoài thưa rằng:

- Bạch tôn giả! Vì sao Ngài lại đứng đây?

- Này cận sự nam! Có một vị tỳ khưu thấp hèn đi vào trong chánh điện, tôi không thể hành lễ Bố tát với vị ấy nên tôi ra đứng đây.

- Kính bạch tôn giả! Ngài chớ nghĩ thế, vị tỳ khưu ấy có giới trong sạch, người phụ nữ ngài thấy chính là tôi hóa ra để thử tình bạn của hai vị, xem tình bạn của hai vị có vững chắc hay không.

- Này cận sự nam! Ông là ai?

- Kính bạch tôn giả! Tôi là một thiên nhân.

Sau khi trình bày việc làm của mình xong, vị chư thiên quỳ dưới chân vị tỳ khưu cầu xin rằng:

- Kính bạch tôn giả! Xin Ngài hãy tha lỗi cho tôi, vị tỳ khưu kia không hay biết chi cả, xin Ngài hãy hành lễ Bố tát chung.

Nói xong rồi cung thỉnh vị tỳ khưu kia vào chánh điện, vị tỳ khưu ấy đi vào chánh điện bằng lòng hành lễ Bố tát chung nhưng không ngồi kế cận vị tỳ khưu bị oan và cũng không đề cập đến chuyện của vị ấy nữa. Vị tỳ khưu bị oan tinh cần nỗ lực hành pháp không bao lâu cũng được chứng quả Alahán.

Do quả của hành động này, vị chư thiên phải đoạ vào khổ cảnh suốt một thời kỳ Đức Phật, đến thời giáo pháp của bậc đạo sư chúng ta, vị ấy được sanh vào gia đình Balamôn trong thành Sāvatthī và có tên là Dhāna. Dhāna khi lớn lên học nắm lòng tam phệ đà. Một hôm Dhāna đến nghe Đức Phật thuyết pháp, ông phát khởi niềm tin và xin xuất gia.

Kể từ ngày ông thọ cụ túc giới xong, luôn luôn có bóng hình người phụ nữ hiện hữu sau lưng, cho dù lúc ông vào làng khất thực, lúc tại chùa, lúc trong cốc bóng hình người phụ nữ ấy vẫn theo sát bên mình, đó là do ác nghiệp cũ còn dư sót, nhưng tỳ khưu Dhāna không thấy, những người khác thì

thấy. Khi trưởng lão đi khất thực, những người phụ nữ đến cúng dường vật thực họ thường nhạo rằng:

- Bạch tôn giả! Đây là phần vật thực dành cho Ngài, đây là phần vật thực dành cho bạn của chúng tôi.

Với sự chế nhạo như thế khiến cho trưởng lão vô cùng vất vả trong việc khất thực. Thậm chí có một số tỳ khưu trẻ và sa di chế giễu rằng "ông Dhāna tồi tệ".

Kể từ đó trưởng lão có cái tên mới là: Kuṇḍadhāna thera, trưởng lão cố gắng kham nhẫn, nhưng không thể chịu đựng được sự nhạo báng quá nhiều từ các vị tân tỳ khưu và sadi nên đã phẫn nộ rằng: "Hỡi bọn tồi tệ, thầy tế độ của các người, thầy giáo thọ của các người đều là bọn tồi tệ".

Chư tỳ khưu đến Đức Thế Tôn bạch rằng: "Kính bạch Đức Thế Tôn! Kuṇḍadhāna đã dùng ác ngữ đối với các tân tỳ khưu và sadi". Đức Thế Tôn cho gọi trưởng lão Kuṇḍadhāna đến, phán hỏi rằng:

- Này Dhāna! Có phải người đã dùng ác ngữ với các tân tỳ khưu và sadi chăng?

- Bạch Thế Tôn sự thật là vậy.

- Vì sao người lại thốt lên những lời ấy?

- Bạch Thế Tôn con không thể kham nhẫn nổi với những lời nhạo báng đó nên nói như thế.

- Này Kuṇḍadhāna! Người không thể làm cho ác nghiệp người tạo ra trong quá khứ chấm dứt, nên mới kéo dài đến ngày nay. Người chớ dùng những lời như thế nữa". Rồi Ngài dạy rằng:

"Này Dhāna! Người chớ có dùng lời ác với ai, người bị người mắng sẽ mắng trả lại người bởi lời tranh đấu khiến cho đau khổ, hình phạt sẽ đáp lại người, nếu tâm người không giao động như cái chiêng bị vỡ, thì người sẽ chứng đạt Niết bàn, sự tranh chấp sẽ không có với người.

Thế rồi dân chúng mang chuyện trưởng lão và người tẩu trình với Đức

vua Kosala. Đức vua truyền các thị vệ đến phán rằng:

- Nay các khanh, các khanh hãy đi, hãy dò xét cẩn thận rồi về tâu lại cho trẫm.

Và Đức vua thân hành ngự đi đến chỗ ở của trưởng lão với vài thị vệ, sau khi đến Ngài đứng nép một bên để quan sát. Bấy giờ trưởng lão đang ngồi Sūcikkamma (làm kim) khâu vá y, người phụ nữ cũng đứng gần đó, Đức vua thấy vậy mới suy nghĩ rằng: "Chuyện này là thế nào?", Ngài bèn đi đến chỗ người phụ nữ đang đứng, khi Đức vua ngự đến, người phụ nữ ấy đi vào thảo am của trưởng lão.

Đức vua ngự vào thảo am, Ngài quan sát khắp nơi nhưng chẳng thấy ai cả, Ngài suy nghĩ rằng: "Đây có lẽ không phải là phụ nữ thật, chắc là do quả nghiệp của trưởng lão".

Đức vua ngự đến cúi chào trưởng lão, ngồi xuống một nơi phải lễ rồi hỏi rằng:

- Kính bạch tôn giả! Ngài khát thực có dễ dàng chăng?

- Tâu Đại Vương! Cũng vừa đủ.

- Kính bạch tôn giả! Trẫm hiểu lời nói của tôn giả rồi, với hoàn cảnh của tôn giả như vậy, thật khó có ai phát khởi tịnh tín đến Ngài, kể từ nay trở đi, tôn giả không cần phải đi đâu cả, trẫm sẽ hộ độ tứ vật dụng cho tôn giả, xin tôn giả hãy tinh cần chớ có dễ dãi".

Từ khi được sự hộ độ cúng dường của Đức vua Kosala, tâm của trưởng lão được an ổn, trưởng lão tinh cần phát triển thiền quán, không bao lâu chứng quả Alahán, cùng lúc ấy hình bóng người nữ cũng biến mất.

Lúc bấy giờ, nàng tín nữ Mahāsubhaddā (con gái trưởng lão Anāthapiṇḍika) được gả về làm dâu trong nhà của một gia đình tà kiến, tại thành Ugga. Một hôm, vào buổi sáng, sau khi tẩy sạch thân thể, nàng lên lầu thượng, nguyện thọ trì bát quan trai giới rồi cầm các tràng hoa lên chú nguyện rằng: "Xin cho các tràng hoa này đừng rơi xuống, hãy kết thành một

tràng hoa lớn che trên đầu của Đức Thế Tôn, qua dấu hiệu này, con cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với 500 vị tỳ khưu đến thọ thực tại nhà con vào sáng ngày mai". Nguyện xong nàng ném 8 tràng hoa lên hư không, 8 tràng hoa kết lại bay đến che trên đầu của Đức Thế Tôn trong lúc Ngài đang thuyết Pháp. Đức Thế Tôn hiểu rõ sự việc, Ngài hướng tâm nhận lời thỉnh nguyện của nàng Mahāsubhaddā. Hôm sau, khi trời vừa sáng, Ngài phán dạy Đại Đức Ānanda rằng: "Này Ānanda! Hôm nay chúng ta sẽ đi khất thực xa, người chớ phát thăm đến các vị tỳ khưu phạm, hãy phát thăm đến các vị Thánh". Đại đức Ānanda thông báo với chư tỳ khưu rằng: "Này các hiền giả! Hôm nay Đức Thế Tôn đi khất thực xa, các vị còn phạm chớ nên nhận thăm hãy dành thăm cho các bậc thánh". Trưởng lão Kuṇḍadhāna đưa tay ra trước tiên và nói rằng:

- Này hiền giả! Hiền giả hãy cho tôi thăm.

Đại đức Ananda nói rằng:

- Đức Thế Tôn không cho phát thăm đến những vị tỳ khưu như hiền giả. Ngài dạy chỉ phát thăm đến các bậc thánh.

Vừa nói xong Đại đức Ānanda cảm thấy áy náy, bèn vào bạch với Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng: "Này Ānanda! Hãy phát thăm đến người xin".

Đại đức Ānanda suy nghĩ: "Nếu thăm không thích hợp với trưởng lão Kuṇḍadhāna thì Đức Thế Tôn đã ngăn cản, trong chuyện này hẳn có nguyên nhân chi đây. Ta sẽ cho thăm đến trưởng lão Kuṇḍadhāna".

- Này hiền giả Ānanda! Đức Thế Tôn đã biết tôi nên Ngài không ngăn cản tỳ khưu như tôi.

Rồi đưa tay nhận lấy thăm từ Đại đức Ānanda. Đức Thế Tôn do nhân đó làm duyên sự, Ngài tuyên bố trước chư tăng sự thù thắng của trưởng lão Kuṇḍadhāna hơn chư tăng "Người nhận được thăm trước".

Chư tỳ khưu phạm không biết ân đức của trưởng lão là bậc Alahán, xứng đáng được nhận thăm trước nhất nên có sự thắc mắc, để giải trừ nghi hoặc của các phạm tỳ khưu ấy, trưởng lão bèn bay lên hư không, biểu diễn thần thông và xác chứng quả Alahán của mình bằng bài kệ rằng:

*"Vị tỳ khưu chặt đứt
Năm hạ phần kiết sử
Năm thượng phần, từ bỏ
Tu tập làm tăng trưởng
Năm pháp trợ giác ngộ
Năm chướng ngại vượt qua
Được gọi vượt bậc lưu". ■*



CHÙA PHẬT GIÁO NAM TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI KHMER AN GIANG

Liên Ngọc Ân*

NGƯỜI KHMER CÓ TẬP TỤC CON TRAI LỚN LÊN PHẢI VÀO CHÙA TU. THỨ NHẤT ĐỂ BẢO HIỆU CHO CHA, MẸ, THỨ HAI LÀ HỌC KINH PHẬT, HIỂU BIẾT VỀ NHỮNG ĐIỀU TỐT, XẤU NHẪM TRỞ THÀNH NGƯỜI CÓ ÍCH. SAU THỜI GIAN TU HỌC, HOÀN TỤC VỀ LẠI ĐỜI THƯỜNG. ĐỒNG BÀO KHMER AN GIANG NÓI RIÊNG, NAM BỘ NÓI CHUNG, THEO PHẬT GIÁO NAM TÔNG. NGƯỜI KHMER AN GIANG TỰ SINH Ở VÙNG ĐẤT NÀY TỪ RẤT LÂU ĐỜI. DO ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN ƯU ĐÃI CỘNG VỚI NHIỀU CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, HIỆN NAY NGƯỜI KHMER AN GIANG CÓ ĐỜI SỐNG KHẢ ỖN ĐỊNH, NHU CẦU VĂN HÓA TINH THẦN ĐƯỢC NÂNG CAO.

Hiện nay, toàn tỉnh An Giang có khoảng 65 ngôi chùa Khmer, nhiều nhất ở hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn (60 chùa). Hầu hết các chùa lâu đời, giá trị kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc cao.

Do ảnh hưởng của ba dòng văn hóa, tín ngưỡng (văn hóa dân gian, Bà la môn giáo, Phật giáo) nên kiến trúc nghệ thuật chùa Khmer ở An Giang nói riêng, Nam Bộ nói chung là những công trình kiến trúc độc đáo. Có thể thấy, ngôi chùa là nơi tập trung các thể thức nghệ thuật tạo hình, hài hòa giữa kiến trúc và điêu khắc từ hình thức trang trí bên trong đến bày biện bên ngoài. Nhiều ngôi chùa Khmer ở An Giang được trùng tu, xây dựng lại nhiều lần nhưng vẫn giữ được kiến trúc cổ.

Phần lớn các cổng chùa được xây dựng theo hình thức ngọn tháp. Tùy theo giai đoạn, nhu cầu của Phật tử, có chùa xây một, ba hoặc năm ngọn. Hai bên cổng thường có hai vị thần bảo hộ, tượng sư tử, hoặc đầu thần rắn Naga uốn lượn trên tường rào, đầu ngẩng lên trời với ý nghĩa nhằm bảo vệ những báu vật bên trong chùa. Cổng chùa có ba ngôi tháp tượng trưng cho Phật, Pháp, Tăng (Tam bảo), tháp giữa thường cách điệu rất chi tiết, màu

sắc sặc sỡ, tượng trưng cho đức Phật. Cổng chùa xây dựng theo quy cách năm ngôi tháp hình búp sen, phần dưới cách trang trí gần giống như nhau, nhưng phía trên năm ngôi tháp thì có một ngôi cao nhất, nhiều họa tiết hoa văn - năm ngọn tháp minh họa cho năm vị Phật, đỉnh cao nhất là cõi Niết bàn.

Một số cổng, tường chùa được sơn son, thếp vàng lộng lẫy, mỗi một trụ tường, vách tường rào được khắc họa hình sư tử, tượng Phật, búp sen... Dọc theo sóng trên tường rào chạm khắc hình thần rắn Naga uốn lượn (đầu rắn nằm ở cổng chùa) rất uy nghi, tiềm ẩn một triết lý tinh túy, đó là sự hài hòa giữa thiên nhiên với con người, nhập thân giữa đời và đạo, kết chặt giữa thế giới này và thế giới khác.

Chánh điện và cổng chùa người Khmer An Giang luôn quay mặt về phía Đông, do ảnh hưởng quan niệm Phật pháp - Phật minh ngự ở phía Tây, nhìn về phía Đông để ban phúc cho chúng sinh. Đa số chùa được xây dựng theo một hình thức, quy cách nhất định: Chánh điện xây dần dọc theo hướng Đông - Tây tạo thành một chính thể trung tâm của ngôi chùa. Chiều dài ngôi chùa gấp hai lần



khoảng rộng, chiều cao tương ứng với chiều dài. Ngõ chính điện có bốn cửa chính theo hai hướng Đông – Tây, với bảy – chín cửa sổ theo hai hướng Nam - Bắc, xung quanh bốn phương là một dãy hành lang rộng, thoáng.

Kết cấu chính điện ở chùa thường sử dụng bằng các loại gỗ quý và gạch ngói, đá tảng nhỏ. Hai hàng cột cái to, cao hai bên làm bệ đỡ giữa hai thân, góc. Tất cả sức nặng của ngôi chùa dồn về hàng cột và áp vào các đầu cột được đặt trên xà ngang nối giữa hai đầu cột cái, tạo thành bộ mái ở giữa chánh điện. Từ các cột cái, kèo và xà vách nối liền với tường xây bao quanh tạo lớp mái thứ hai và thứ ba thông ra hiên, hình thành thêm một chái che bên dãy hành lang. Nhìn từ bên ngoài vào, chính điện chùa Khmer là một bộ kiến trúc với ba lớp mái, dưới các góc mái được chạm long thần hình rắn Naga uốn lượn quanh, hoặc hình nữ thần.

Chủ đề trang trí bên trong nội điện hay Sala ở các chùa Khmer An Giang vô cùng tinh xảo, mang đậm ảnh hưởng triết lý Phật giáo, Bà la môn giáo, tín ngưỡng dân gian. Những hình ảnh chạm, khắc, tiểu tiết hoa văn thường là những nội dung kể về cuộc đời tu đạo của Đức Phật, theo trình tự: cảnh đản sanh của Đức Phật ở thành Katylavê, cảnh Đức Phật trong rừng Lâmtỳnhi dưới cây Sala, cảnh Đức Phật phát đạo dưới cội Bồ đề ở sông Nil, cảnh Phật nhập Niết bàn; họa tiết hoa, lá, mây, nước... ca ngợi đời sống lao động sản xuất của cộng đồng người Khmer thời cổ xưa.

Chùa Khmer ở An Giang là nơi sinh hoạt văn hóa, lễ hội, tôn giáo. Người Khmer có câu: *"Sống vào chùa gửi thân, chết vào chùa gửi cốt"*, hình ảnh ngôi chùa, sư sãi gắn bó sâu sắc đến cuộc sống hàng ngày của bà con.

Người Khmer An Giang có rất nhiều lễ hội trong năm: Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây, lễ Phật đản, lễ An cư Kiết hạ, lễ chấm dứt mùa An cư Kiết hạ, lễ Ok-Om-Bok, lễ Rằm tháng Giêng âm lịch, lễ Dâng y. Mỗi lễ hội có những ý nghĩa khác nhau, nhiều nghi thức độc đáo diễn ra, và luôn lấy chùa làm trung tâm tổ chức nghi thức lễ hội. Đến ngày lễ hội, bà con Khmer quần tụ về chùa tụng Kinh niệm Phật và nghe giảng kinh, tổ chức vui chơi múa hát và trình diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống chào mừng lễ hội. Gần đây, nhiều lễ hội của bà con Khmer An Giang, diễn hình như lễ Ok-Om-Bok và hội Đua bò đã được nâng lên cấp khu vực, tạo không khí buổi lễ thêm phần náo nhiệt.

Ngoài lễ, Tết thường niên, hàng ngày người Khmer An Giang cũng đến chùa bái Phật, dâng cơm



Dạy chữ Khmer cho các em nhỏ tại chùa

cho sư sãi; đám cưới, gả trong gia đình đến chùa mời sư sãi, acha đến chứng giám... Người Khmer khi chết không địa táng như các dân tộc khác mà họ đem vào chùa hỏa táng. Sau đó, lấy cốt gửi vào chùa phụng thờ, ngụ ý để vong hồn người chết sớm hôm nghe kinh Phật, kề cận bên ánh hào quang của Phật sớm được siêu thoát về cõi Niết Bàn.

Ngoài chức năng sinh hoạt văn hóa, chùa còn có chức năng giáo dục. Người Khmer có tập tục con trai lớn lên phải vào chùa tu. Thứ nhất, để báo hiếu cho cha, mẹ, thứ hai, là học kinh Phật, hiểu biết về những điều tốt, xấu nhằm trở thành người có ích. Sau thời gian tu học, hoàn tục về lại đời thường người con trai mang theo sự hiểu biết đã học nơi chùa mà phụ giúp gia đình, đền ơn công dưỡng dục của cha mẹ, phục vụ xã hội. Vì vậy, từ lâu chùa đảm đương vai trò là ngôi trường dạy nhân cách, tri thức, đạo đức cho thanh, thiếu niên đáp ứng nhu cầu đời sống xã hội và phong tục. Gần đây, chùa còn dạy kiến thức phổ thông, dạy chữ Việt - Khmer, dạy nhạc ngũ âm lưu giữ loại hình văn hóa - nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Vai trò của chùa đối với người Khmer rất quan trọng, bao hàm nhiều góc độ từ văn hóa truyền thống, tín ngưỡng tôn giáo, giáo dục, giá trị nghệ thuật... 65 ngôi chùa Khmer ở An Giang có thể trở thành điểm tham quan của khách du lịch trong và ngoài nước. Trong tương lai nếu được xây dựng, trùng tu - những chùa Khmer ở Tịnh Biên, Tri Tôn sẽ trở thành một hệ thống quần thể kiến trúc đẹp, lộng lẫy thu hút khách tham quan tìm hiểu văn hóa, lịch sử ở các chùa. Ngành du lịch nên xây dựng một đội ngũ thuyết minh viên du lịch am hiểu chiều sâu về văn hóa lịch sử Khmer, kết hợp với du lịch làng nghề, du lịch vùng Thất Sơn, tạo động lực khai thác hết tiềm năng du lịch của địa phương, thu hút du khách trong và ngoài tỉnh. ■

(* nguồn: báo Cần Thơ)

Nguyên nhân đơn giản khiến NGƯỜI GIÀ MẤT TRÍ NHỚ

Nghiên cứu mới cho thấy, việc thiếu giấc ngủ sâu ảnh hưởng đáng kể đến chứng mất trí nhớ ở người lớn tuổi.

Ngọc Anh

Giấc ngủ ngon liên quan đến việc những người trưởng thành ghi nhớ sự kiện ngày hôm sau tốt đến mức nào. Tuy nhiên, các nhà khoa học thấy rằng những người ở độ tuổi 70 thực hiện các bài kiểm tra trí nhớ thông thường kém hơn những người 20 tuổi đến 55%, dù cả 2 đối tượng đều được nghỉ ngơi tương tự nhau. Kết quả chụp não cho thấy, chất lượng của giấc ngủ sâu, hay còn gọi là giấc ngủ sóng chậm của những người lớn tuổi tệ hơn 75% so với người trẻ tuổi.

Đồng thời, những người ngủ sâu kém nhất có trí nhớ tồi tệ nhất. Nghiên cứu này đã giải thích lý do tại sao giấc ngủ của những người lớn tuổi không tác động tích cực đến trí nhớ nhiều như giấc ngủ của người trẻ tuổi. Các nhà nghiên cứu cho rằng, kích thích giấc ngủ sâu có thể tăng cường trí nhớ của người cao tuổi. Họ hy vọng điều này có thể mở ra nhiều phương pháp điều trị mới để hạn chế những tác động của chứng sa sút trí tuệ - căn bệnh hiện đang ảnh hưởng hơn 800.000 người ở Anh.

Chất lượng giấc ngủ sâu dự báo trí nhớ hôm sau

GS Matthew Walker thuộc Đại học California (Mỹ) cho biết: "Chất lượng giấc ngủ sâu của các đối tượng nghiên cứu vào đêm trước đó là yếu tố dự báo trực tiếp về trí nhớ của họ ngày hôm sau. Những người già có chất lượng giấc ngủ sâu kém, thực hiện các bài kiểm tra trí nhớ tệ hơn 55% so với người trẻ tuổi". Các nhà khoa học hy vọng rằng nếu họ có thể tìm thấy mối quan hệ tương tự đối

với những người bị bệnh Alzheimer, điều này sẽ mở ra hướng điều trị mới để cải thiện trí nhớ.

"Bạn càng nhiều tuổi thì chất lượng giấc ngủ sâu càng tệ. Chúng ta không thể thay đổi điều đó. Trong khi đó, giấc ngủ rất cần thiết cho não bộ để ghi lại và lưu trữ ký ức. Vì vậy, chúng ta có thể kích thích não bộ để mọi người có thêm nhiều giấc ngủ phục hồi sâu".

"Nếu giấc ngủ là một phần tác động đến bệnh Alzheimer và chúng ta có thể cải thiện chất lượng giấc ngủ của bệnh nhân thì chúng ta cũng có thể cải thiện trí nhớ của họ".

Trong nghiên cứu, được công bố trên Tạp chí Nature Neuroscience, 36 người khỏe mạnh, trong đó có cả người lớn tuổi và người trẻ tuổi được yêu cầu học một tập hợp từ. Các nhà nghiên cứu kiểm tra trí nhớ của đối tượng nghiên cứu ngay sau khi học từ hoặc sau 1 đêm ngủ dậy. Đồng thời, các nhà khoa học cũng ghi lại chức năng não bộ của họ khi ngủ.

Nghiên cứu cho thấy có một phần đặc biệt của não bộ suy giảm nhiều nhất khi chúng ta già đi, mà phần này lại liên quan trực tiếp đến chất lượng giấc ngủ. Những người mà phần này bị suy giảm nhiều nhất có chất lượng giấc ngủ kém nhất, đồng thời cũng có trí nhớ tệ nhất vào ngày hôm sau.

"Khi bạn già đi, bạn sẽ bị suy giảm trí nhớ, ngày càng có nhiều giấc ngủ tồi tệ và bị suy thoái não bộ. Chúng tôi muốn tìm hiểu xem 3 yếu tố này có liên quan đến nhau hay không và nếu có liên quan thì nguyên tắc hoạt động của nó như thế nào", GS Walker cho biết. ■

Nghị định số 92/2012/NĐ-CP của Chính phủ: “Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo”

Chương IV

HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO

Mục 1

ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO HÀNG NĂM CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CƠ SỞ

Điều 24. Đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở

1. Hàng năm trước ngày 15 tháng 10, người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm gửi bản đăng ký hoạt động tôn giáo sẽ diễn ra vào năm sau tại cơ sở đó đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung bản đăng ký nêu rõ người tổ chức, dự kiến số lượng người tham dự, nội dung hoạt động, thời gian diễn ra hoạt động.

2. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi bản đăng ký hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến khác thì tổ chức tôn giáo cơ sở được hoạt động theo nội dung đã đăng ký.

Điều 25. Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở

1. Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm mà không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 18 và 25 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như sau:

a) Hoạt động tôn giáo có sự tham gia của tín đồ ngoài huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc ngoài tỉnh, tổ chức tôn giáo cơ sở phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra hoạt động tôn giáo chấp thuận;

b) Hoạt động tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tổ chức tôn giáo cơ sở phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra hoạt động tôn giáo chấp thuận.

2. Tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này, trong đó nêu rõ tên hoạt động tôn giáo, người tổ chức, dự kiến số lượng người tham dự, nội dung hoạt động, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động, các điều kiện bảo đảm.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Mục 2

ĐĂNG KÝ NGƯỜI VÀO TU

Điều 26. Việc đăng ký người vào tu

1. Người phụ trách cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký người vào tu đến Ủy

ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tôn giáo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận người vào tu.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Danh sách người vào tu;
- b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vào tu có hộ khẩu thường trú;
- c) Ý kiến bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ (với người chưa thành niên vào tu).

Mục 3

HỘI NGHỊ, ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO

Điều 27. Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở

1. Tổ chức tôn giáo cơ sở tổ chức hội nghị thường niên, đại hội có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra hội nghị, đại hội.

Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, lý do tổ chức, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, đại hội;
- b) Báo cáo hoạt động của tổ chức tôn giáo cơ sở.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 28. Hội nghị, đại hội cấp Trung ương hoặc toàn đạo của tổ chức tôn giáo

1. Tổ chức tôn giáo hoạt động trong phạm vi nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hội nghị thường niên, đại hội cấp Trung ương hoặc toàn đạo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, lý do tổ chức, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, đại hội;
- b) Báo cáo hoạt động của tổ chức tôn giáo;
- c) Dự thảo hiến chương, điều lệ hoặc hiến chương, điều lệ sửa đổi (nếu có).

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 29. Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 27 và 28 Nghị định này

1. Việc tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 27 và 28 Nghị định này, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra hội nghị, đại hội.

Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, lý do tổ chức, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, đại hội;

b) Báo cáo hoạt động của tổ chức tôn giáo;

c) Dự thảo hiến chương, điều lệ hoặc hiến chương, điều lệ sửa đổi (nếu có).

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 30. Đăng ký hiến chương, điều lệ sửa đổi

1. Tổ chức tôn giáo khi sửa đổi hiến chương, điều lệ có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký kèm theo hiến chương, điều lệ sửa đổi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 Nghị định này. Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, người đại diện, lý do, nội dung sửa đổi hiến chương, điều lệ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản hiến chương, điều lệ sửa đổi, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

3. Tổ chức tôn giáo được hoạt động theo hiến chương, điều lệ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Mục 4

CÁC CUỘC LỄ, GIẢNG ĐẠO, TRUYỀN ĐẠO CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, CHÚC SẮC, NHÀ TU HÀNH ĐIỂN RA NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO

Điều 31. Các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo

1. Tổ chức tôn giáo khi tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Văn bản đề nghị nêu rõ tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

2. Việc tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ đến từ nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc đến từ nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 32. Giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo

1. Chức sắc, nhà tu hành giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến giảng đạo, truyền đạo.

Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do thực hiện giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, người tổ chức, thành phần tham dự;

b) Ý kiến bằng văn bản của tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức tôn giáo trực tiếp quản lý chức sắc, nhà tu hành.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do (còn tiếp). ■

THEO DÒNG

BÌNH DƯƠNG:

Diễn ra hội thảo khoa học

“50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963 - 2013)”

Nhuận Bình - Ngô Dũng

(theo giacngo.vn)

Sáng ngày 11/6/2013, tại hội trường khu Du lịch Phương Nam, thuộc số 15/12 Khu Phố Trung, P. Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, chính thức diễn ra lễ khai mạc Hội thảo khoa học “50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963-2013)”, do Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM phối hợp với Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG TP. HCM) tổ chức.

Đến chứng minh và tham dự chương trình có sự hiện diện của vị chủ tọa Hội nghị là HTTS. Thích Trí Quảng - Phó Chủ tịch HĐTS, Viện Trưởng viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM; PGSTS. Võ Văn Sen, Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV TP. HCM; GSTS. Ngô Văn Lê, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trường ĐH KHXH&NV TP. HCM. Hội thảo còn đón nhận sự quang lâm chứng minh của Đức Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN - Trưởng lão HT. Thích Đức Nghiệp.

Sau nghi thức niệm Phật cầu gia bị và dành phút mặc niệm tưởng nhớ đến vị pháp thiêu thân Bồ tát Thích Quảng Đức, và những anh hùng đã ngã xuống, hy sinh cho sự trường tồn của đạo pháp và dân tộc, GSTS. Nguyễn Công Lý tiếp tục điều phối chương trình.

Trong lời diễn văn chào mừng Hội thảo, HT. Thích Trí Quảng đã nhấn mạnh: “Phong trào Phật giáo 1963 mà đỉnh cao là ngọn lửa thiêu thân của Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân, đấu tranh đòi hòa bình, công bằng xã hội và bình đẳng tôn giáo, phản đối chế độ độc tài Ngô Đình

Diệm dùng vũ lực đàn áp, khủng bố Phật giáo đồ, đã làm nên một mốc son chói lọi trong lịch sử Việt Nam cận đại, cảnh tỉnh và soi sáng thế gian lâm lạc, đồng thời khẳng định vị trí không thể thay thế của Phật giáo trong lòng đất nước và dân tộc Việt Nam”.

Tiếp đến, GSTS. Võ Văn Sen tuyên đọc Diễn văn khai mạc Hội thảo: Ông khẳng định sự ra đi vĩ đại của Bồ tát Thích Quảng Đức, của chư anh linh thánh tử đạo chính là sự kiện gây xúc động cho hàng triệu trái tim trên thế giới. Trở thành một sự kiện trọng đại, lan rộng khắp năm châu trong phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài, kỳ thị và đàn áp Phật giáo của Ngô Đình Diệm.

Tiếp tục chương trình khai mạc, TT. Thích Nhật Từ báo cáo đề dẫn, báo cáo nêu rõ: “Hội thảo khoa học lần này có mục đích không chỉ tiếp tục tìm kiếm, làm sáng tỏ hơn cội nguồn, bối cảnh lịch sử, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa, vai trò và bài học lịch sử... mà còn là cuộc hành hương tinh thần đặc biệt để trở về, để lắng nghe và cảm nhận bằng trái tim những âm thanh vang vọng, ngọn lửa hào khí sôi sục, bừng sáng từ phong trào vì quyền sống tự do, bình đẳng của Phật giáo và của dân tộc Việt Nam”.

Hội thảo cung thỉnh Đức Phó Pháp chủ - Trưởng lão HT. Thích Đức Nghiệp trình bày tham luận đầu tiên với đề tài “Phật giáo Việt Nam: Từ phong trào chấn hưng đầu thế kỷ XX đến phong trào đấu tranh năm 1963 và thời đại hôm nay”. Tham luận này trình bày về ba vấn đề: Nguyên

nhân ảnh hưởng đến phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam vào thế kỷ XX, lý do và ý nghĩa về phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam năm 1963 và tiến trình thống nhất và phát triển toàn quốc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại.

HT. Thích Trí Quảng đã thay mặt chư tôn đức giáo phẩm trao bằng tuyên dương công đức tới ba vị Tiến sĩ là GSTS. Võ Văn Sen, PGS.TS Trương Văn Chung và TS. Nguyễn Công Lý.

Chương trình được tiếp tục với phần trình bày tham luận của PGS.TS. Lê Cung, với chủ đề: "Năm mươi năm nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam".

Chương trình khai mạc Hội thảo được tạm thời khép lại. Được biết, chương trình Hội thảo khoa học "50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963-2013)" với gần 50 tham luận của các nhà nghiên cứu thuộc 4 chủ đề: Từ phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX đến phong trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963; Bối cảnh lịch sử, nhân vật, sự kiện, văn học... trong phong trào đấu tranh của Phật giáo ở miền Nam Việt Nam; Ý nghĩa, vai trò và bài học lịch sử từ phong trào đấu tranh chống chế độ Sài Gòn của Phật giáo miền Nam; Định hướng: Đồng hành cùng dân tộc, đạo pháp và chủ nghĩa xã hội của Phật giáo trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Hội thảo lần này sẽ dẫn dắt người nghe trở về phong trào chấn hưng Phật giáo những năm 30 của thế kỷ trước, đến sự kiện đàn áp Phật giáo ở Huế của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm và hệ quả tất yếu của sự bùng nổ phong trào đấu tranh Phật giáo toàn miền Nam, mà đỉnh điểm là ngọn lửa từ bi, vô úy, rực sáng của Bồ tát Thích Quảng Đức.

Hội thảo khoa học về phong trào đấu tranh Phật giáo 1963 diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự hội nhập quốc tế của Việt Nam – một quá trình đầy thời cơ và thách thức mà mặt trái của chúng ẩn chứa những thế lực mang sức mạnh phi nhân, có thể làm đảo lộn và làm thay đổi tất cả từ truyền thống đến hệ giá trị, bản sắc văn hóa. Với ý nghĩa đó, bài học rút ra từ hội thảo khoa học này là để vì ngày hôm nay và tương lai, vì những mệnh lệnh của cuộc sống hiện tại đang đặt ra cho Phật giáo và dân tộc Việt Nam trên con đường vì tự do, độc lập, dân tộc và chủ nghĩa xã hội. ■



CHIỀU NGÀY 13-6, TẠI VĂN PHÒNG II TWGH, HT. THÍCH TRÍ QUẢNG, PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS, TRƯỞNG BAN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ T.Ư ĐÃ CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP VỀ VIỆC GHPGVN ĐĂNG CAI TỔ CHỨC ĐẠI LỄ VESAK LIÊN HIỆP QUỐC LẦN THỨ 11 (2014).

Trung ương Giáo hội họp bàn việc đăng cai Đại lễ

Vesak 2014

H.Độ

(theo giacngo.vn)



Tham dự họp có HT. Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS; HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; HT. Thích Giác Toàn, HT. Thích Thiện Tâm - Phó Chủ tịch HĐTS; HT. Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Trưởng ban Thông tin - Truyền thông T.Ư; HT. Thích Thiện Tánh, Trưởng ban Kiểm soát T.Ư; HT. Thích Huệ Trí, Trưởng ban Pháp chế T.Ư; HT. Thích Thiện Pháp, Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng II TƯGH; ĐĐ. Thích Đức Thiện, Phó Tổng Thư ký HĐTS kiêm Chánh Văn phòng I TƯGH; TT. Thích Thanh Phong, Trưởng ban Kinh tế - Tài chánh T.Ư, TT. Thích Thiện Thống, Ủy viên Thư ký HĐTS cùng chư Thượng tọa trong Ban Phật giáo Quốc tế T.Ư GHPGVN.

HT. Thích Trí Quảng đã phát biểu mở đầu. Theo đó, Hòa thượng đã tóm tắt kết quả của cuộc đàm phán với Hội đồng Điều hành Đại lễ Vesak LHQ 2013 nhân được mời tham dự sự kiện này được tổ chức ở Bangkok, Thái Lan trung tuần tháng 5 vừa qua. Về tinh thần, HT.GS.TS Phra Brahmapundit, Viện trưởng Đại học Mahachulalongkorn, Chủ tịch Hội đồng Điều hành Quốc tế (ICDV, trước đây là IOC) và các thành viên đã có sự đồng thuận cao trước đề nghị Việt Nam đăng cai Đại lễ này lần thứ hai, vào năm 2014.

Hòa thượng đã đề nghị chư vị phụ trách báo

cáo cụ thể về các công tác đối ngoại, pháp lý liên quan đến công tác thực hiện đề án tổng thể của đại lễ. Sau đó, chư tôn giáo phẩm đã thảo luận đi đến thống nhất và có sự phân công trách nhiệm cụ thể về các công tác đối nội, đối ngoại và tổ chức để hoàn chỉnh đề án tổng thể trước khi làm việc chính thức với ICDV.

ICDV hiện có 23 thành viên, do HT.GS.TS Phra Brahmapundit làm Chủ tịch; thành viên Việt Nam duy nhất có mặt trong Hội đồng Điều hành quốc tế này là GS.TS Lê Mạnh Thát.

Được biết, chiều 20-5-2013, tại toà Viện trưởng Đại học Mahachulalongkorn (Wang Noi, Ayutthaya, Thái Lan), HT. Thích Trí Quảng với tư cách là Trưởng đoàn đại biểu chính thức của GHPGVN và HT. Thích Thiện Pháp, Phó Trưởng đoàn, đã được mời tham dự phiên họp của ICDV, liên quan đến việc quốc gia đăng cai Đại lễ Vesak LHQ lần thứ 11 (2014). ■



HT. Thích Trí Quảng phát biểu tại phiên họp của ICDV - Bangkok, Thái Lan hôm 20-5 - ảnh: H.Độ

SÓC TRĂNG

Sáng ngày 13-6, tại Văn phòng BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng, lễ khai giảng khóa Bồi dưỡng trụ trì và kiến thức quốc phòng an ninh năm 2013 cho chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường trong toàn tỉnh Sóc Trăng đã diễn ra long trọng.



Khai mạc khóa bồi dưỡng TRỤ TRÌ NĂM 2013

Tin, ảnh: **Thích Định Hương**

Đến chứng dự có HT. Dương Nhơn, Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng; HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN; HT. Thích Thiện Pháp, Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng II TƯGH; HT. Thích Thiện Sanh, Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó ban Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng; TT. Thích Tấn Đạt, Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký ban Hoằng pháp T.Ư; TT. Thích Minh Thiện, Ủy viên HĐTS, Phó trưởng ban Hoằng pháp T.Ư, Trưởng BTS GHPGVN tỉnh Long An; TT. Thích Minh Hạnh, Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng cùng chư tôn Giáo phẩm Tăng Ni trong BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng, 268 chư tôn đức Tăng Ni trụ trì và phó trụ trì các tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường trong toàn tỉnh.

Ông Trần Minh, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng; ông Huỳnh Thành Phổ, Phó Trưởng ban Tôn giáo Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng; Đại tá Lâm Việt Hùng, Phó Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng cùng quý vị lãnh đạo đại diện Sở, Ban ngành các cấp trong tỉnh và TP. Sóc Trăng đồng tham dự, chúc mừng.

HT. Thích Thiện Sanh, Trưởng ban Tổ chức đã

phát biểu khai mạc. Hòa thượng nhấn mạnh: "Tự viện Tăng Ni trụ trì là những cơ sở, là nhân tố, là nền tảng để cấu thành Giáo hội và hoạt động các Phật sự của Giáo hội các cấp. Do vậy, trụ trì phải tuyệt đối tuân thủ Pháp luật, Hiến chương, Nội quy của ban ngành TƯGH, phải có kiến thức trụ trì, kiến thức Giáo hội và thời đại để hoàn thành sứ mạng "Trụ pháp vương gia, trì Như Lai tạng", hoặc "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự".

TT. Thích Minh Hạnh thay mặt Ban Tổ chức báo cáo tiến trình tổ chức khóa học. Trong đó tại tỉnh Sóc Trăng có 183 ngôi tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường; có 269 chư tôn đức trụ trì và phó trụ trì đăng ký tham dự khóa học. Thượng tọa cũng thông qua chương trình sinh hoạt trong 7 ngày học tập.

TT. Thích Thiện Thanh, Phó BTS kiêm Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử GHPGVN tỉnh Sóc Trăng đại diện khóa sinh đọc lời phát nguyện: "Toàn thể Tăng Ni học viên chúng con vô cùng sung sướng và cảm kích, khi thấy Phật giáo tỉnh nhà ngày thêm trù phú hưng. Bởi vì giờ này "Tăng già hòa hợp, tứ chúng đồng tu". Chư tôn đức TƯGH, BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng luôn nghĩ đến và quan tâm đến tiền đồ Phật giáo mà thể hiện tinh thần "Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, nhằm trang nghiêm ngôi nhà Giáo hội với sứ mạng cao cả, hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sanh".

Hội chúng đã lắng lòng nghe lời đạo từ của HT. Thích Thiện Nhơn. (xem tiếp trang 58)

TP. Hồ Chí Minh kỷ niệm 102 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước

SÁNG NGÀY 5-6, TẠI BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH - CHI NHÁNH TP. HCM, THÀNH ỦY, HĐND, UBND, UBMTTQ VIỆT NAM TP. HCM ĐÃ TỔ CHỨC TRỌNG THỂ LỄ KỶ NIỆM 102 NĂM NGÀY BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC (5/6/1911 – 5/6/2013).



Các đại biểu tham quan triển lãm về Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước tại Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tại lễ kỷ niệm, các đại biểu đã dâng hương, dâng hoa viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và ôn lại hành trình bốn ba tìm đường cứu nước, kéo dài suốt 30 năm của người thanh niên 21 tuổi Nguyễn Tất Thành.

Trong bài diễn văn trình bày tại buổi lễ, ông Nguyễn Thành Rum, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP. HCM nhấn mạnh, hành trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một hành trình vĩ đại, vô cùng gian lao, quả cảm; tiêu biểu cho tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, nguyện vọng thiết tha của dân tộc phải vùng lên giải phóng, giành độc lập tự do cho đất nước.

Tự hào là nơi tiễn Bác Hồ ra đi thực hiện sứ mệnh lịch sử và là Thành phố được vinh dự mang tên Người, Đảng bộ và nhân dân TP. HCM nguyện phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, dũng cảm, cùng nhân dân cả nước, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội theo con đường Bác đã chọn.

Đặc biệt, thế hệ trẻ Thành phố mang tên Bác hôm nay luôn thể hiện tinh thần xung kích, đi đầu trong lập nghiệp và xây dựng thành phố hiện đại – văn minh – nghĩa tình.

Trong khuôn khổ lễ kỷ niệm, tại Bảo tàng Hồ Chí Minh – Chi nhánh TP. HCM cũng diễn ra lễ khai mạc trưng bày, triển lãm chuyên đề “Một số hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với biển đảo Việt Nam” và triển lãm chuyên đề “Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào thi đua yêu nước”.

Với hơn 130 hình ảnh, tài liệu, hiện vật, chuyên đề “Một số hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với biển đảo Việt Nam” nhằm giới thiệu tới du khách sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với biển đảo, nhân dân vùng biển đảo và các lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ biển đảo của Tổ quốc, thể hiện qua lời nói cũng như việc làm của Người.

Đồng thời, giới thiệu những hình ảnh về biển đảo Việt Nam ngày nay cũng như nhân dân ta thực hiện những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo vệ, khai thác biển đảo của Tổ quốc.

Bên cạnh đó, với hơn 80 tài liệu, hình ảnh, triển lãm chuyên đề “Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào thi đua yêu nước” giới thiệu vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc khởi xướng, tổ chức, lãnh đạo toàn dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

Triển lãm cũng góp phần tuyên truyền, giáo dục toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nhận thức sâu sắc hơn nữa về vị trí, vai trò, tác dụng to lớn của phong trào thi đua yêu nước, động lực thúc đẩy các phong trào cách mạng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.■



Nhập bảo tháp xá-lợi cổ Đại lão HT. Thích Từ Nhơn

Vũ Giang

Sáng ngày 12-6, tại chùa Việt Nam Quốc Tự (Q.10, TP. HCM) nhân chung thất của cố Đại lão HT. Thích Từ Nhơn, thành viên HĐCM, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, chư tôn đức Tăng Ni cùng môn đồ pháp quyến đã cử hành nghi lễ nhập xá-lợi tại bảo tháp trong khuôn viên bôn tự.

Đến tham dự và chứng minh có chư tôn đức giáo phẩm T.Ư GHPGVN, chư tôn đức GHPGVN TP. HCM và các tỉnh Bình Dương, Long An, Đồng Tháp, cùng đại diện BTS GHPGVN 24 quận huyện tại TP. HCM, các ban ngành đoàn thể và môn đồ pháp quyến. Ban Nghi lễ do TT. Thích Lệ Trang chủ trì với nghi thức nhập bảo tháp xá-lợi của Đại lão HT. Thích Từ Nhơn. Thay mặt TUGH, HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS đã cung tuyên tiểu sử của cố Đại lão HT. Thích Từ Nhơn khẳng định ngài một đời vì "Đạo pháp - Dân tộc".

Trong không khí trang nghiêm, HT. Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN TP. HCM đã đọc lời tưởng niệm cố Đại lão HT. Thích Từ Nhơn. Hoà thượng nhắc lại công hạnh, tâm lực, trí lực của cố Đại lão Hòa thượng đã đóng góp làm cho cho "Tổ ấm trùng quang, Tông phong vững chãi". HT. Thích Thiện Pháp, Phó tổng Thư ký kiêm Chánh văn phòng II TUGH đã thay mặt cho môn đồ pháp quyến dâng lời cảm tạ tới toàn thể chư tôn đức Tăng Ni. ■



Lễ tưởng niệm lần thứ 29 cố Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự (1913-1984)



Cửu Long

Giới cảm tạ.

Được biết, chùa Trúc Lâm, Chùa Siêu Lý - Q. 6; Chùa Siêu Lý - tỉnh Vĩnh Long; Chùa Bửu Đức - Đồng Nai; Thiền viện Nguyên Thủy - Q2 tổ lòng tôn kính Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự nhà phiên dịch luận tạng Pali, lãnh đạo tinh thần Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam, quý chùa đều có tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 29 ngày ân sư viên tịch, mỗi chùa tổ chức một ngày, bắt đầu từ mùng 5 đến mùng 9. ■



Vừa qua, ngày mùng 7 tháng 5 năm Quý Tỵ, Ban Tổ chức và Môn đồ Pháp quyền chùa Viên Giác, tỉnh Vĩnh Long tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 29 cố Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự viên tịch. Ngài là vị cao tăng Thạc đức Phật giáo Nguyên Thủy - Nam tông, nguyên Cố vấn I kiêm Trưởng ban dịch thuật Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam, đã phiên dịch toàn bộ Luận tạng Pali và dịch Giáo trình Siêu lý học Tiểu - Trung - Cao học ra Việt ngữ, đã đào tạo rất nhiều tăng tài cho Phật giáo Việt Nam.

Buổi lễ tưởng niệm có sự chứng minh cao quý của ngài Hòa thượng Súc Xan Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Trà Vinh; Thượng tọa Giác Sơn, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN; Thượng tọa Giác Chánh, Ủy viên Thường trực Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai, Thượng tọa Thiền Pháp, Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Thượng tọa Giác Giới Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam - Trụ trì chùa Viên Giác. Trong buổi lễ, Thượng tọa Thiền Pháp đại diện môn đồ pháp quyền tuyên đọc tiểu sử, Hòa thượng Giác Chánh thuyết pháp, Hòa thượng Súc Xan khai kinh tưởng niệm, Thượng tọa Giác



Nhà sư đi thi tốt nghiệp THPT

Thiên Phước (vnexpress)



Sân trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai (Sóc Trăng) vắng rực màu áo nhà sư.

Ngày 2/6, điểm thi trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai (Sóc Trăng) có 27 tăng sinh đến từ trường Trung cấp bổ túc Pali Nam Bộ.

Ngay từ 6 giờ sáng ngày thi đầu tiên, các tăng sinh đã có mặt tại điểm thi. Trong khi các thí sinh tranh thủ xem bài vở thì tăng sinh thoải mái ngồi chờ đến giờ thi.

Nếu như những năm trước tại TP Sóc Trăng có nhiều điểm thi bổ túc (hệ giáo dục thường xuyên) thì năm nay chỉ có vài phòng thi ghép chung với điểm Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai nên ngoài sư sãi còn có bộ đội.

Ngoài 27 tăng sinh còn có 28 cán bộ xã theo học tại Trường Trung cấp bổ túc Pali Nam Bộ cũng được thi tại điểm này. ■



(tiếp theo trang 21)

Niệm ở giữa điều hành sự quân bình của các cặp: Tín và Tuệ, Tín và Tấn, Tấn và Định, Định và Tuệ.

- Nếu Tín mạnh và Tuệ yếu, thì đức tin có thể trở nên mù quáng, không có nền tảng vững chắc vì thiếu trí tuệ suy xét chân chính. Chẳng hạn hành giả thấy ấn chứng, thấy Phật, thấy tiên giới, tin chấp vào đó, cho rằng có thật. Điều này sẽ đưa vào chấp thủ tà kiến.

- Nếu Tuệ mạnh và Tín yếu, hành giả dễ rơi vào hoài nghi và phóng tâm, lúc nào cũng lý luận, ngụy biện. Ngồi thiền mà cứ độc thoại, hoặc tưởng tượng người ra để đối thoại.

- Nếu Tấn mạnh và Định yếu, thì dễ sinh phóng tâm, trạo cử.

- Nếu Định mạnh và Tấn yếu, thì dễ sinh thụ động, biếng nhác, thích thụ hưởng sự an tịnh, không tin tấn phát triển tuệ giác.

- Tín nhiều có thể ảnh hưởng trên Tấn làm cho hành giả tu tập nhiều hơn, có khi ngày đêm hành thiền, quên ăn, quên ngủ, làm mất quân bình khí lực, có thể gây bệnh mất ngủ.

- Tín nhiều mà Tấn yếu, người này chỉ có đức tin suông, nói nhiều mà chẳng có hành động, chẳng có tu tập.

- Hai cặp Định và Tuệ sẽ quyết định khuynh hướng hành thiền Chỉ hoặc thiền Quán:

- Nếu hành giả muốn tiến hành thiền Chỉ thì nặng về Định, sẽ dễ dàng nhập định hơn.

- Nếu hành giả muốn tiến hành thiền Quán thì nặng về Tuệ một tí cũng không sao, nhưng phải có Định làm nền để Tuệ đứng đi quá đà.

- Riêng đối với Niệm: mỗi lần các căn kia mạnh lên là Niệm được củng cố và Tăng cường.

Ngũ căn có thể được làm điều hoà bằng cách:

- Thay đổi các oai nghi: oai nghi nằm hoặc đi có thể làm dịu tấn căn.

- Làm điều hòa thân nhiệt: đi tắm, lau mặt có thể làm dịu định căn.

- Mở mắt, hoặc nhắm mắt có thể điều hoà tuệ căn.

- Điều hòa ngũ nghỉ: không được ngủ ít hơn 6 giờ đồng hồ. ■

Chùa Cái Cối vinh dự được công nhận là Di tích Quốc gia

Văn Vĩnh



Lãnh đạo Sở VH – TT – DL Trà Vinh trao quyết định công nhận Di tích Quốc gia cho chùa Cái Cối.

Ngày 12/6, Sở VH-TT-DL tỉnh Trà Vinh tổ chức lễ công nhận Di tích lịch sử Quốc gia cho chùa Teakhinasakor Ta Lôn (chùa Cái Cối), tại ấp Cái Cối, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải theo quyết định số 1457/QĐ-BVH-TT-DL của Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch ngày 18/4/2013.

Chùa Teakhinasakor Ta Lôn (Cái Cối) được xây dựng vào năm 1816. Trong những năm kháng chiến, ngôi chùa đã bị bom đạn tàn phá nặng nề và được sư sãi, Phật tử sửa chữa nhiều lần nhưng vẫn giữ được nét kiến trúc đặc trưng của chùa Khmer Nam Bộ.

Cũng như nhiều ngôi chùa Khmer khác trong tỉnh Trà Vinh, chùa Teakhinasakor Ta Lôn (Cái Cối) là trung tâm sinh hoạt về tôn giáo của đồng bào dân tộc Khmer trong vùng; cơ sở hoạt động bí mật, bảo vệ cán bộ cách mạng trong kháng chiến; trung tâm sinh hoạt văn hoá, nơi lưu giữ và phát huy những nét văn hoá độc đáo của đồng bào dân tộc Khmer, đồng thời xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương.

Được biết, đây là di tích thứ 12 ở Trà Vinh được Bộ VH - TT- DL công nhận Di tích cấp Quốc gia. ■

(tiếp theo trang 53)

Hòa thượng tán thán sự đoàn kết, nhất trí giữa chư tôn đức Tăng Ni Phật giáo tỉnh Sóc Trăng đã góp phần cho các Phật sự tại tỉnh Sóc Trăng được thành tựu viên mãn. “Được biết sự thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức của các hệ phái có mặt tại Sóc Trăng đã thực hiện, đang thực hiện và sẽ thực hiện đạt được kết quả tốt đẹp. Việc tổ chức khóa bồi dưỡng trụ trì và kiến thức quốc phòng an ninh sẽ giúp cho chư tôn đức nắm vững những kiến thức cập nhật để góp phần xây dựng Giáo hội, đất nước ngày càng vững bền và thành tựu”, ngài nói.

Cuối cùng HT. Tăng Nô, Ủy viên HĐTS, Phó BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng đã thay mặt Ban Tổ chức cảm tạ đến chư tôn Giáo phẩm T.Ư, BTS GHPGVN tỉnh Sóc Trăng, chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường. Cảm tạ đến quý vị khách quý cùng Phật tử tham dự lễ khai mạc.

Hòa thượng nhắc lại lời Phật dạy: “Nếu ngày nào Tỳ-kheo còn tụ hội trong hòa hợp, luận bàn trong hòa hợp và giải tán trong hòa hợp. Nhất định ngày ấy Chánh pháp của Như Lai không bị hoại diệt mà ngược lại càng hưng thịnh”. ■



HT. Thích Thiện Pháp (phải) tặng hoa chúc mừng tới BTS GHPGVN tỉnh, HT. Thích Thiện Sanh đón nhận.





Trung Quốc: Chùa Linh Quang cung tống xá lợi Răng Phật đến Myanmar

Triều Dương
(tổng hợp và lược dịch)

Sáng ngày 7/6/2013, Pháp hội cung tống ba thân tháp Xá lợi răng Phật tặng cho đất nước Myanmar, được Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc long trọng cử hành tại bến cảng Thư Cáo sát biên giới thành phố Thụy Lệ, châu Đức Hoàng, tỉnh Vân Nam.

Các vị Pháp sư, các vị khách quý đến tham dự Pháp hội: Pháp sư Hộ Ba Long Trang Mãnh - Lãnh tụ Phật giáo Thượng tọa Bộ Nam truyền, Trụ trì chùa Tổng Phật Tây Song Bản Nạp (Xishuangbanna), Phó Hội trưởng Hiệp hội Phật giáo tỉnh Vân Nam, Phó HT. HHPG Trung Quốc; Ông Đào Thuật Nhân - Phó HT. HHPG. Trung Quốc; Pháp sư Thường Tạng, Ông Trương Lâm - Phó Tổng Thư ký; ông Tưởng Kiên Vinh - Phó Cục trưởng Cục Sự vụ Tôn giáo Quốc gia...; ông Hoàng Nghị - Bộ trưởng Bộ Thống chiến, Thường ủy Tỉnh ủy Vân Nam; ông Hùng Thắng Tường - Cục trưởng Cục Tôn giáo tỉnh Vân Nam, cùng các cấp lãnh đạo Chính phủ thành phố Thụy Lệ và châu Đức Hoàng; ông Mạo Mạo Thái - Thứ trưởng Bộ Tôn giáo Myanmar; Ngô Đình Ô - Đại sứ Myanmar đóng tại TQ; Hiệp hội hữu hảo Trung Quốc & Myanmar, và hàng nghìn tín chúng Phật Giáo cùng tham gia Pháp hội.

Ông Mạo Mạo Thái, Thứ trưởng Bộ Tôn giáo Myanmar dẫn đầu các quan viên bộ Tôn giáo, hàng chục vị cao Tăng theo xe hoa tiến vào bến cảng Thư Cáo, để cung nghinh thân tháp xá lợi Răng Phật.

Trước khi bắt đầu Pháp Hội, Phó Cục trưởng Tưởng Kiên Vinh và các vị Pháp sư, các vị lãnh đạo Trung Quốc theo nghi quỹ Phật giáo hội kiến với các vị cao tăng đoàn cung nghinh, và các vị khách quý đến từ Myanmar. Hai bên thân mật nói về tình hữu nghị truyền thống, giữa Phật giáo Trung Quốc và Myanmar, lịch sử vượt thời gian.

Tiếp theo, Pháp sư Thường Tạng - Phương trưởng chùa Linh Quang, Bắc Kinh và ông Mạo Mạo Thái - Thứ trưởng Bộ Tôn giáo Myanmar đại biểu đoàn cung nghinh, cùng trao đổi "Văn bản quyên tặng và trao tặng tháp xá lợi Răng Phật", dưới sự chứng kiến của các vị khách quý và tín chúng hai nước.



Đúng 10 giờ, Pháp hội cung tống thân tháp xá lợi Răng Phật bắt đầu long trọng cử hành. Trong Phạm âm trầm bổng, tiếng trống nhạc từng bừng, Pháp sư Hộ Ba Long Trang Mãnh, PS Thường Tạng cùng chư vị cao Tăng Đại đức chủ lễ niệm hương chú nguyện. Chư Tăng Myanmar, chư Tăng Phật giáo Hán truyền, Nam truyền phía Trung Quốc cùng trang nghiêm hòa âm tụng niệm.

Sau khi kết thúc Pháp hội, cung thỉnh ba thân tháp xá lợi Răng Phật tôn trí trên ba chiếc xe hoa, dưới sự hộ tống của chư Tăng và các vị khách quý, ba chiếc xe hoa từ từ rời khỏi biên giới. Ven đường các tín chúng mặc trang phục dân tộc, trang phục lễ hội, ca hát và nhảy múa theo âm điệu của công chiêng trống, xếp hàng hộ tống. Tại cửa khẩu Myanmar, chư tăng và tín chúng xếp hàng cung đón. Ba thân tháp xá lợi Răng Phật sẽ thông qua đường bộ, lần lượt vận chuyển đến ba thành phố Yangon, Naypyidaw và Mandalay để dân chúng Myanmar chiêm lễ.

Pháp hội an vị tôn trí thân tháp xá lợi Răng Phật được long trọng cử hành tại Yangon, Naypyidaw và Mandalay từ 20 đến 03 tháng 6, phái đoàn Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc sẽ tham gia và tổ chức hoạt động quyên tặng sản phẩm nông nghiệp và các dụng phẩm học tập của nhà trường... và các hoạt động từ thiện khác. ■

Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 31

01	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
02	Ngô Triệu Linh (PD Diệu Hiền)	10 quyển
03	Trần Ngọc Khánh Toàn	10 quyển
04	GĐ Đức Thiện	05 quyển
05	GĐ Trần Lê Khanh (PD Ngọc Quý)	10 quyển
06	PT Nguyễn Phương Quỳnh	05 quyển
07	PT Nguyễn Việt Khôi	05 quyển
08	Nguyễn Đạt	10 quyển
09	PT Trần Vũ Gia Hân	05 quyển
10	PT Trần Vũ Gia Phúc	05 quyển
11	Tịnh Quý	10 quyển
12	GĐ Lê Thị Hồng Phương	10 quyển
13	Lê Thị Minh Tân (PD Nguyên Hương)	10 quyển
14	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
15	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
16	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
17	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
18	GĐ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
19	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	35 quyển
20	PT Thiền viện Bồ Đề - Vũng Tàu	100 quyển
21	Chùa Bửu Quang	50 quyển
22	Cô Mai	10 quyển

23	Cô Mười Trang	10 quyển
24	PT TV Thiện Minh - Vĩnh Long	05 quyển
25	Chùa Đức Hòa - Hà Nội	05 quyển
26	Trương Vy Visakha - USA	20 quyển
27	Chùa Thanh Long - Bình Dương	05 quyển
28	Chú Hội cô Lài	30 quyển
29	GĐ Trí Thọ	25 quyển
30	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
31	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
32	Huỳnh Thị Thanh Hiền	25 quyển
33	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
34	Chùa Đại Lộc - Ấn Độ	05 quyển
35	GĐ Trần Thị Nga (PD Diệu Hằng)	100 quyển
36	Bùi Đoan Dung (PD Quang Dung)	60 quyển
37	GĐ Đăng Phước	05 quyển
38	ĐĐ Thiện Mẫn	58 quyển
39	GĐ Phạm Thị Túy Vân	10 quyển
40	Nguyễn Thị Minh Thư (PD Quang Từ)	03 quyển
41	Đoàn Thị Thảo	05 quyển
42	GĐ TN Quang Ngử	05 quyển
43	GĐ Quách Thị Ngọc Hà	10 quyển
44	GĐ Liễu Vân	05 quyển


DỊCH VỤ DU LỊCH
HUỲNH THẢO
ĐD : 0908.331 243
NHẬN HỢP ĐỒNG THAM QUAN DU LỊCH
CƯỚI - HỎI - SÂN BAY
Phục Vụ Tận Tâm - Chu Đáo - An Toàn
ĐC : 76/36/16, Đường 19 - KP.3 - P. Linh Chiểu - Thủ Đức


CỬA HÀNG NỆM MOUSSE
ANH THƯ
SINCE 1954
TRẦN THỊ NGÀ
Chuyên Bán Sỉ Lẻ :
 Drap - Gối - Mùng - Mền - Nệm Nước - Chiếu Tre
 Tủ Nhựa - Lưới - Dây Dù - Bạt - Giường - Ghế - Thảm - Simily
Đặc Biệt : Cao Su Kym Đan Vạn Thành
ĐC : Số 229 Chợ A - Lê Văn Ninh - P. Linh Tây - Q. Thủ Đức
ĐT : 08.3896 8218 - ĐD : 0906.863.063 - 01219.866 591

giá: 20.000 đồng